



HƯỚNG DẪN CỦA OECD VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM





HƯỚNG DẪN CỦA OECD VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM



Tài liệu này và các bản đồ được sử dụng trong đây sẽ không gây phương hại tới thực trạng hay chủ quyền đối với bất cứ vùng lãnh thổ nào, cũng như sẽ không ảnh hưởng tới việc phân định các đường biên giới/ranh giới quốc tế, và tên gọi của bất cứ vùng lãnh thổ, thành phố hay khu vực nào.

Khi sử dụng tài liệu này, vui lòng trích dẫn như sau:

OECD (2018), HƯỚNG DẪN CỦA OECD VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Nguyên bản tiếng Anh: OECD (2018), OECD DUE DILIGENCE GUIDANCE FOR RESPONSIBLE BUSINESS CONDUCT

Thiết kế: Peggy King Cointepas

©OECD 2018 Quý vị có thể sao chép, tải về hoặc in nội dung của OECD để sử dụng riêng. Quý vị cũng có thể trích đoạn các ấn phẩm, cơ sở dữ liệu, và các sản phẩm đa phương tiện của OECD để đưa vào nội dung tài liệu, bài thuyết trình, blog, các trang web và tài liệu giảng dạy của mình, với điều kiện phải ghi nhận OECD là nguồn trích dẫn và chủ sở hữu quyền tác giả. Mọi yêu cầu sử dụng Hướng dẫn này vì mục đích công cộng hoặc thương mại và yêu cầu dịch thuật phải được gửi về địa chỉ rights@oecd.org. Các đề nghị xin phép sao chép một phần Hướng dẫn này để sử dụng vì mục đích công cộng hoặc thương mại sẽ được gửi trực tiếp tới Trung tâm Giải quyết các vấn đề về Quyền tác giả (Copyright Clearance Center - CCC) qua địa chỉ info@copyright.com hoặc Centre français d'exploitation du droit de copie (CFC) qua địa chỉ contact@cfcopies.com.

Hướng dẫn của OECD về Thảm định Hành vi Kinh doanh có trách nhiệm (gọi tắt là “Hướng dẫn”) được xây dựng nhằm hỗ trợ thiết thực các doanh nghiệp trong việc thực hiện Bộ Hướng dẫn của OECD cho các Doanh nghiệp đa quốc gia thông qua việc diễn giải bằng ngôn ngữ đơn giản các khuyến nghị kiểm định cũng như các quy định đi kèm. Việc thực hiện các khuyến nghị này giúp doanh nghiệp tránh được và giải quyết được những tác động bất lợi liên quan đến người lao động, quyền con người, môi trường, hối lộ, người tiêu dùng và quản trị doanh nghiệp có thể liên quan đến hoạt động, chuỗi cung ứng cũng như các mối quan hệ kinh doanh khác của doanh nghiệp. Phụ lục của Hướng dẫn bao gồm các giải thích bổ sung, mách nước và ví dụ minh họa về thảm định.

Hướng dẫn này cũng muốn thúc đẩy sự hiểu biết chung giữa các chính phủ và các bên có quyền lợi liên quan về thảm định hành vi kinh doanh có trách nhiệm. Các Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hiệp quốc về Kinh doanh và Quyền con người cũng như Tuyên bố Ba bên của ILO về các Nguyên tắc liên quan đến doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội cũng bao gồm các khuyến nghị về thảm định, và Hướng dẫn này có thể giúp các doanh nghiệp thực hiện những khuyến nghị đó.

Hướng dẫn này được xây dựng nhằm hưởng ứng Tuyên bố của Lãnh đạo nhóm G7 thông qua ngày 7-8/6/2015 tại Schloss Elmau, ghi nhận tầm quan trọng của việc đạt được sự hiểu biết chung về hoạt động thảm định, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp đang hoạt động hoặc có trụ sở tại các nước G7 thực hiện kiểm định các chuỗi cung ứng của mình. Trong Tuyên bố thông qua ngày 8/7/2017 tại Hamburg, Lãnh đạo các nước G20 đã cam kết tăng cường thực hiện các tiêu chuẩn lao động, xã hội và môi trường cũng như quyền con người phù hợp với khuôn khổ đã được công nhận quốc tế để xây dựng các chuỗi cung ứng bền vững và bao trùm, đồng thời nhấn mạnh trách nhiệm tiến hành kiểm định của doanh nghiệp đối với vấn đề này.

Hướng dẫn này được xây dựng dưới sự giám sát của Nhóm Công tác về Hoạt động Kinh doanh có trách nhiệm của OECD (WPRBC) và bao gồm một quy trình gồm đại diện của nhiều bên có quyền lợi liên quan gồm các nước OECD, các nước không phải thành viên của OECD và đại diện của cộng đồng doanh nghiệp, công đoàn và xã hội dân sự. Dự thảo đầu tiên được trình lên WPRBC và các tổ chức liên quan của OECD cho ý kiến trong tháng 5/2016. Phiên tham vấn công khai về dự thảo Hướng dẫn sửa đổi được tổ chức tháng 2/2017. Tháng 6/2017, một tổ tư vấn đa thành phần đã được thành lập để hỗ trợ WPRBC tiếp thu ý kiến đóng góp của các bên có quyền lợi liên quan và hoàn thiện nội dung Hướng dẫn này. Hội đồng nhân quyền của Liên hợp quốc đã phối hợp rất chặt chẽ trong quá trình này.

Hướng dẫn này được Nhóm Công tác về Hoạt động Kinh doanh có trách nhiệm của OECD (WPRBC) thông qua ngày 6/3/2018 và sau đó là Ủy ban Đầu tư của OECD vào ngày 3/4/2018. Một khuyến nghị của OECD về Hướng dẫn này đã được Hội đồng thông qua ở cấp bộ trưởng ngày 30/5/2018.

OECD cũng đã xây dựng tài liệu hướng dẫn để giúp doanh nghiệp thảm định hoạt động kinh doanh có trách nhiệm trong các lĩnh vực cụ thể và chuỗi cung ứng, như khoáng sản, nông nghiệp, may mặc và giày dép; chất chiết suất; và tài chính.



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<u>Tiếng Anh</u>	<u>Tiếng Việt</u>
EIA	Đánh giá tác động môi trường
EPZ	Khu chế xuất
ESIA	Đánh giá tác động xã hội và môi trường
HRIA	Đánh giá tác động về quyền con người
KYC	Tìm hiểu đối tác
MNE	Doanh nghiệp đa quốc gia
NHRI	Cơ quan quốc gia về quyền con người
NCP	Đầu mối Liên hệ Quốc gia đối với Bộ Hướng dẫn của OECD cho Doanh nghiệp đa quốc gia
OLGM	Cơ chế khiếu nại ở cấp hoạt động
RBC	Hành vi kinh doanh có trách nhiệm
Các vấn đề RBC	Quyền con người trong đó có quan hệ lao động và người lao động, môi trường, hối lộ và tham nhũng, công bố thông tin, và quyền lợi người tiêu dùng
SME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
WPRBC	Nhóm Công tác về Hoạt động Kinh doanh Có trách nhiệm của OECD



MỤC LỤC

GIỚI THIỆU	9
I. TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM	14
Tác động bất lợi và rủi ro	15
Tại sao phải tiến hành thẩm định?	16
Đặc điểm của thẩm định – các Nội dung Cơ bản	16
II. QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH	20
1. Lồng ghép kinh doanh có trách nhiệm vào các chính sách và hệ thống quản lý	22
2. Nhận diện và đánh giá tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn liên quan tới hoạt động, dịch vụ hoặc sản phẩm của doanh nghiệp	25
3. Chấm dứt, ngăn ngừa và giảm thiểu tác động bất lợi	29
4. Theo dõi quá trình thực hiện và kết quả	32
5. Thông tin về cách giải quyết tác động	33
6. Chủ động khắc phục hoặc hợp tác khắc phục khi phù hợp	34
PHỤ LỤC: CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM	37
Q1. Hãy nêu một số ví dụ về tác động bất lợi đối với những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE?	38
Q2. Doanh nghiệp lồng ghép giới vào hoạt động thẩm định như thế nào?	41
Q3. Doanh nghiệp quyết định thứ tự ưu tiên như thế nào?	42
Q4. Cần xác lập thứ tự ưu tiên ở giai đoạn nào của quá trình thẩm định?	45
Q5. Các tác động về quyền con người sẽ được ưu tiên khác như thế nào so với các tác động bất lợi khác?	45
Q6. Làm thế nào để giải quyết các hạn chế về nguồn lực?	46
Q7. Thẩm định cần phù hợp như thế nào với hoàn cảnh của doanh nghiệp?	46
Q8. Bên có quyền lợi liên quan của doanh nghiệp là ai?	48
Q9. Thế nào là sự “tham gia có ý nghĩa của bên có quyền lợi liên quan”?	49
Q10. Khi nào sự tham gia của bên có quyền lợi liên quan đóng vai trò quan trọng trong thẩm định?	50
Q11. Doanh nghiệp có thể huy động sự tham gia của bên có quyền lợi liên quan là các nhóm dễ bị tổn thương như thế nào?	51
Q12. Doanh nghiệp có thể hợp tác như thế nào khi tiến hành thẩm định?	51
Q13. Hợp tác có thể làm phát sinh rủi ro theo luật cạnh tranh không?	53



MỤC LỤC

Các câu hỏi liên quan tới quy trình thẩm định	55
A1. Lòng ghép kinh doanh có trách nhiệm vào các chính sách và hệ thống quản lý	
Q14. Nội dung chính sách RBC là gì?	56
Q15. Chuyên môn cần thiết để xây dựng chính sách RBC là gì?	56
Q16. Khi xây dựng hoặc điều chỉnh mục tiêu chính sách RBC của doanh nghiệp, cần cân nhắc các nhóm/đơn vị kinh doanh nào	57
Q17. Vai trò đảm bảo lòng ghép RBC của hội đồng quản trị và quản lý doanh nghiệp khác nhau như thế nào	59
Q18. Có thể ấn định các yêu cầu về RBC với các mối quan hệ kinh doanh không?	60
A2. Xác định và đánh giá các tác động bất lợi đi kèm với hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp	
Q19. Thế nào là xác định phạm vi và mức độ xác định phạm vi	61
Q20. Rủi ro ngành/lĩnh vực, sản phẩm, địa lý và rủi ro cấp doanh nghiệp là gì?	62
Q21. Các nguồn thông tin mẫu dùng cho nghiên cứu tại chỗ?	63
Q22. Giải quyết vấn đề thiếu hụt thông tin thế nào?	65
Q23. Doanh nghiệp có thể đánh giá như thế nào nguy cơ tác động tiềm ẩn từ hoạt động của chính doanh nghiệp?	65
Q24. Làm thế nào xác định những hoạt động và quan hệ kinh doanh sẽ được ưu tiên đánh giá trước?	66
Q25. Trong giai đoạn xác định quy mô, các mối quan hệ kinh doanh được ưu tiên sẽ được doanh nghiệp đánh giá như thế nào?	66
Q26. Đánh giá quan hệ kinh doanh là gì và ai là người đánh giá?	67
Q27. Thời điểm đánh giá quan hệ kinh doanh?	68
Q28. Đối với những mối quan hệ kinh doanh không thông qua hợp đồng, doanh nghiệp đánh giá như thế nào	68
Q29. Khi nói rằng các tác động bất lợi do doanh nghiệp “gây ra” hoặc “góp phần” gây ra hoặc “liên quan trực tiếp” tới hoạt động của doanh nghiệp, tới sản phẩm hoặc dịch vụ của một bên quan hệ kinh doanh, điều đó có nghĩa là gì?	70
Q30. Tại sao mối liên hệ giữa doanh nghiệp và tác động bất lợi lại có ý nghĩa quan trọng?	72
Q31. Doanh nghiệp sẽ ưu tiên ứng phó như thế nào trước những tác động bất lợi do hoạt động của doanh nghiệp hoặc của các mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp gây ra?	73



MỤC LỤC

A.3 Chấm dứt ngăn ngừa và giảm thiểu tác động bất lợi	
Q32. Sự khác nhau giữa ngăn ngừa và giảm thiểu tác động bất lợi?	74
Q33. Doanh nghiệp ngăn ngừa và giảm thiểu như thế nào các tác động thực tế và tiềm ẩn mà doanh nghiệp có thể gây ra hoặc góp phần gây ra?	75
Q34. Doanh nghiệp có thể ngăn ngừa và giảm thiểu tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn đối với các vấn đề RBC liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp thông qua mối quan hệ kinh doanh của mình bằng cách nào?	77
Q35. Doanh nghiệp điều chỉnh hoạt động như thế nào để ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động bất lợi liên quan tới những mối quan hệ kinh doanh của mình?	77
Q36. Doanh nghiệp có thể sử dụng ảnh hưởng của mình như thế nào?	78
Q37. Giải quyết thế nào khi doanh nghiệp thiếu tầm ảnh hưởng?	79
Q38. Doanh nghiệp có thể hỗ trợ như thế nào các bên có quan hệ kinh doanh ngăn ngừa hoặc giảm thiểu tác động bất lợi?	80
Q39. Doanh nghiệp tiếp cận vấn đề chấm dứt quan hệ thế nào?	80
A.4 Theo dõi quá trình thực hiện và kết quả	
Q40. Doanh nghiệp ngăn ngừa và giảm thiểu thế nào các tác động bất lợi liên quan tới những đối tác kinh doanh không có quan hệ hợp đồng với doanh nghiệp?	81
Q41. Cần theo dõi các thông tin gì trong thẩm định?	82
Q42. Doanh nghiệp có thể theo dõi quá trình và kết quả thực hiện như thế nào?	82
Q43. Ai tham gia theo dõi quá trình và kết quả thực hiện trong doanh nghiệp?	83
Q44. Doanh nghiệp có thể phản ứng với các kết quả theo dõi của mình như thế nào?	84
Q45. Ưu tiên các hoạt động theo dõi như thế nào?	84
A.5 Thông tin về cách giải quyết tác động	
Q46. Hình thức phù hợp để truyền đạt thông tin ra công chúng và cho các bên có quyền lợi liên quan bị ảnh hưởng là gì?	85
Q47. Khi nào thông tin được coi là nhạy cảm về thương mại, làm thế nào để vẫn có thể cung cấp các thông tin liên quan?	86



MỤC LỤC

A.6. Chủ động hoặc hợp tác khắc phục khi phù hợp	
Q48. Các biện pháp khắc phục liên quan gì với thẩm định?	88
Q49. “Khắc phục” là gì?	88
Q50. Doanh nghiệp xác định như thế nào các hình thức khắc phục phù hợp?	88
Q51. “Cơ chế khắc phục hợp pháp” là gì?	89
Q52. “Hợp tác với các cơ chế khắc phục hợp pháp” nghĩa là gì?	90
Q53. Quy trình khắc phục nào sẽ phù hợp với hoàn cảnh nào?	90
Q54. Hệ thống cảnh báo sớm và quy trình khắc phục khác nhau ở đâu?	91
 KHUYẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG ĐỐI VỚI HƯỚNG DẪN CỦA OECD VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM	92
 CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO	95



GIỚI THIỆU

CƠ SỞ

Hướng dẫn thẩm định hành vi kinh doanh có trách nhiệm (*Hướng dẫn*) này dựa trên Bộ Hướng dẫn của OECD cho doanh nghiệp đa quốc gia (*Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE*). Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE gồm các khuyến nghị về hoạt động kinh doanh có trách nhiệm (*RBC*) không mang tính ràng buộc mà các chính phủ đặt ra cho các doanh nghiệp đa quốc gia. Bộ hướng dẫn này thừa nhận và khuyến khích những đóng góp tích cực của doanh nghiệp vào những tiến bộ kinh tế, môi trường và xã hội, đồng thời công nhận rằng các hoạt động kinh doanh có thể dẫn đến các tác động bất lợi đối với người lao động, về quyền con người, môi trường, hối lộ, người tiêu dùng và quản trị doanh nghiệp. Do đó, theo khuyến nghị của Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE, các doanh nghiệp phải tiến hành thẩm định dựa trên rủi ro để phòng tránh và giải quyết các tác động bất lợi liên quan đến hoạt động, chuỗi cung ứng và các mối quan hệ kinh doanh khác của mình.

MỤC ĐÍCH

Hướng dẫn này giúp các công ty (doanh nghiệp) hiểu và thực hiện thẩm định RBC theo khuyến nghị trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE (*thẩm định*). Hướng dẫn này cũng mong muốn thúc đẩy sự hiểu biết chung giữa các chính phủ và bên có quyền lợi liên quan về thẩm định RBC.

Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE tạo sự linh hoạt để doanh nghiệp có thể điều chỉnh đặc điểm, cũng như các biện pháp và quy trình thẩm định cụ thể tùy vào hoàn cảnh của mình. Doanh nghiệp nên sử dụng Hướng dẫn này làm khuôn khổ xây dựng và tăng cường các quy trình, hệ thống thẩm định của riêng mình, trên cơ sở đó huy động các nguồn lực bổ sung để tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nếu cần.

Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE bao gồm một cơ chế xúc tiến và giải quyết khiếu nại có một không hai – đó là các Đầu mối Liên hệ Quốc gia (NCP). Hướng dẫn này là một tài nguyên hữu ích để các Đầu mối Liên hệ Quốc gia tìm hiểu và phổ biến Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE. *Xem Hộp số 8 để có thêm thông tin về các Đầu mối Liên hệ Quốc gia*

PHẠM VI

BẢNG 1. PHẠM VI HƯỚNG DẪN CỦA OECD VỀ THẨM ĐỊNH RBC

- Tất cả các doanh nghiệp đa quốc gia (MNE) với bất kỳ cơ cấu sở hữu nào, thuộc mọi lĩnh vực, mọi quy mô hiện đang hoạt động hoặc có trụ sở tại các quốc gia tuân thủ Bộ hướng dẫn OECD dành cho MNE, bao gồm cả các doanh nghiệp đa quốc gia, và các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME).
 - Mọi thực thể trong tập đoàn MNE – các pháp nhân mẹ và thực thể địa phương, kể cả công ty con.
 - Kỳ vọng tương tự cũng được đặt ra đối với hoạt động của các doanh nghiệp đa quốc gia và các doanh nghiệp trong nước ở bất cứ đâu mà Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE có liên quan.
-



GIỚI THIỆU

BẢNG 1. PHẠM VI HƯỚNG DẪN CỦA OECD VỀ THẨM ĐỊNH RBC

Các chủ đề thẩm định (các vấn đề RBC)*	<ul style="list-style-type: none">✓ Quyền con người (OECD, 2011, Chương IV)✓ Việc làm và Quan hệ Lao động (OECD, 2011, Chương V)✓ Môi trường (OECD, 2011, Chương VI)✓ Chống hối lộ, Mua chuộc và Tổng tiền (OECD, 2011, Chương VII)✓ Quyền lợi Người tiêu dùng (OECD, 2011, Chương VIII)✓ Công bố thông tin (OECD, 2011, Chương III)
---	---

Các mối quan hệ kinh doanh được thẩm định

Mọi loại quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp – nhà cung ứng, bên được nhượng quyền, bên được cấp phép, liên doanh, nhà đầu tư, khách hàng, nhà thầu, người mua hàng hóa dịch vụ, chuyên gia tư vấn, cố vấn tài chính, pháp lý và các cố vấn khác, và bất cứ tổ chức nào khác của Nhà nước hoặc phi Nhà nước có liên quan tới hoạt động kinh doanh, dịch vụ hoặc sản phẩm của doanh nghiệp.

* Ba (3) Chương trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNEs không được đề cập tới trong tài liệu này gồm: Khoa học & Công nghệ; Cạnh tranh; và Thuế.

ĐỐI TƯỢNG MỤC TIÊU

Hướng dẫn này dành cho các cán bộ chịu trách nhiệm thẩm định của doanh nghiệp. Vì Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE bao trùm các chủ đề rất rộng và do tính chất đa chức năng của hoạt động thẩm định đối với các hoạt động và các mối quan hệ kinh doanh rất đa dạng của doanh nghiệp, nên có khả năng hoạt động thẩm định sẽ được nhiều đơn vị kinh doanh, lĩnh vực chuyên môn và các cá nhân khác nhau cùng phụ trách. Các bên khác cũng có thể sử dụng Hướng dẫn này, ví dụ các sáng kiến toàn ngành hoặc nhiều bên nhằm thúc đẩy hợp tác trong hoạt động thẩm định, người lao động, tổ chức công đoàn và đại diện người lao động¹, và các tổ chức xã hội dân sự.

CẤU TRÚC

Hướng dẫn này mở đầu bằng phần tóm tắt ngắn gọn mỗi chương trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE. Tiếp đó là phần trình bày tổng quan về thẩm định, trong đó bao gồm một số khái niệm và đặc điểm cơ bản để người đọc có thể dễ dàng hiểu về phương thức tiếp cận thẩm định được khuyến nghị trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE.

Phần chính của Hướng dẫn này mô tả quy trình thẩm định và các biện pháp hỗ trợ theo từng bước, mặc dù trên thực tế quá trình thẩm định diễn ra liên tục, lặp đi lặp lại và không nhất thiết phải theo đúng trình tự, trong đó một số bước có thể thực hiện đồng thời và các kết quả có thể hỗ trợ nhau. Mỗi bước thực hiện đều có thêm phần “Hành động Thực tế” để minh họa rõ hơn cách thực hiện, hoặc điều chỉnh nếu cần thiết, các biện pháp hỗ trợ và quy trình thẩm định.

1. Hướng dẫn này sử dụng các thuật ngữ: đại diện người lao động, công đoàn và các tổ chức đại diện theo quyền lựa chọn của mình, như được hiểu theo chuẩn mực lao động quốc tế: Các công ước Số 87 (Quyền tự do lập hội), Số 98 (Quyền Tổ chức và Thương lượng Tập thể) và Số 135 (Đại diện Người lao động) của ILO.



GIỚI THIỆU

Các hành động thực tế này không phải là một danh sách hoàn chỉnh các “bước cần đánh dấu” trong hoạt động kiểm định. Không phải hành động nào cũng phù hợp cho mọi hoàn cảnh. Tương tự, doanh nghiệp cũng có thể thấy một số hành động hoặc biện pháp thực hiện khác có tác dụng hơn trong một số tình huống.

Các giải thích bổ sung, những mạch nước và ví dụ minh họa về hoạt động thẩm định được đề cập và liên kết chéo với nhau trong nội dung Hướng dẫn này, dưới dạng các “câu hỏi và trả lời” liên quan tới những phần cụ thể của Hướng dẫn.

LIÊN KẾT TỚI CÁC QUY TRÌNH VÀ CÔNG CỤ KHÁC

Hướng dẫn của OECD về hành vi kinh doanh có trách nhiệm theo lĩnh vực

OECD đã xây dựng hướng dẫn thẩm định cho các lĩnh vực cụ thể như khai mỏ, nông nghiệp, và các chuỗi cung ứng của ngành may mặc và giày dép, và các tài liệu thực hành tốt cho các ngành khai thác mỏ và tài chính (xem OECD, 2016a; OECD, 2016b; OECD, 2016c; OECD, 2017a; và OECD, 2017b). Các tài liệu này được xây dựng trên cơ sở phối hợp chặt chẽ với chính phủ, doanh nghiệp, công đoàn và xã hội dân sự. Các cách tiếp cận được sử dụng trong đó phù hợp với cách tiếp cận của Hướng dẫn này, nhưng đưa ra các khuyến nghị đề xuất chi tiết hơn phù hợp với bối cảnh hoặc lĩnh vực cụ thể. Hướng dẫn này không phải để thay thế hoặc sửa đổi, nhưng có thể bổ sung cho, hướng dẫn hiện hành của OECD về RBC theo ngành hoặc theo chủ đề. Khi có các câu hỏi, doanh nghiệp nên sử dụng phần hướng dẫn cụ thể và phù hợp nhất với hoạt động, chuỗi cung ứng hoặc lĩnh vực của mình.

Các tài liệu khác của OECD

Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE được tham chiếu trong một loạt các tài liệu khác của OECD nhằm củng cố mối liên kết giữa RBC và các lĩnh vực khác, bao gồm: Nguyên tắc quản trị doanh nghiệp G20/OECD; Bộ Hướng dẫn quản trị công ty trong các doanh nghiệp nhà nước; các Cách tiếp cận phổ biến cho tín dụng xuất khẩu được hỗ trợ chính thức và Thẩm định Môi trường và Xã Hội; Khung chính sách đầu tư; Khuyến nghị của Hội đồng về Mua sắm Công; và Khuyến nghị của Hội đồng về Tiếp tục Chống hối lộ các Quan chức Nhà nước ở Nước ngoài trong Giao dịch Kinh doanh Quốc tế (xem OECD, 2015a; OECD, 2015b; OECD, 2016d; OECD, 2015c; OECD, 2015d; và OECD, 2009).

Các tài liệu và quy trình đa phương khác

Liên quan đến các vấn đề quyền con người, bao gồm quyền con người của người lao động, Hướng dẫn này tìm cách tuân thủ các Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hợp quốc về Kinh doanh và Quyền con người, Tuyên bố ILO về các Quyền và Nguyên tắc Cơ bản tại nơi làm việc, các Công ước và Khuyến nghị của ILO được đề cập trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE và Tuyên bố nguyên tắc ba bên của ILO liên quan đến các doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội (xem UN, 2011; ILO, 1998; và ILO, 2017)



GIỚI THIỆU

CÁC CHƯƠNG TRONG BỘ HƯỚNG DẪN CỦA OECD

I. Khái niệm và Nguyên tắc



Chương đầu tiên của Bộ Hướng dẫn đưa ra các khái niệm và nguyên tắc để đặt các khuyến nghị trong các Chương sau đó vào bối cảnh.

Các khái niệm và nguyên tắc này (VD tuân thủ pháp luật trong nước là nghĩa vụ đầu tiên của doanh nghiệp) là trụ cột của Bộ Hướng dẫn và các ý tưởng cơ bản của Bộ Hướng dẫn này.

II. Chính sách chung



Đây là Chương đầu tiên đưa ra các khuyến nghị cụ thể cho doanh nghiệp dưới hình thức các chính sách chung chỉ phối và tạo ra khung nguyên tắc cho các Chương sau. Chương này còn bao gồm các quy định quan trọng như thực hiện thẩm định, giải quyết các tác động bất lợi, tham gia của bên có quyền lợi liên quan, và các nội dung khác.

III. Công bố thông tin



Thông tin rõ ràng và hoàn chỉnh về doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với nhiều đối tượng người dùng. Chương này kêu gọi doanh nghiệp phải minh bạch về hoạt động và đáp ứng các yêu cầu của công chúng về thông tin với độ phức tạp ngày càng gia tăng.

IV. Quyền con người



Doanh nghiệp hầu như có thể tác động tới gần như mọi nhóm quyền con người được quốc tế công nhận. Như vậy, điều quan trọng là họ phải thực hiện trách nhiệm của mình. Chương này của Bộ Hướng dẫn dựa trên “Khôn khổ Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của LHQ và các Nguyên tắc định hướng trong kinh doanh và nhân quyền chi tiết hóa khuôn khổ đó.

V. Việc làm và Quan hệ Lao động



ILO là cơ quan có thẩm quyền xây dựng và giải quyết các vấn đề về tiêu chuẩn lao động quốc tế và thúc đẩy các quyền cơ bản tại nơi làm việc được công nhận trong Tuyên bố 1998 của ILO về Quyền và Nguyên tắc cơ bản tại nơi làm việc. Chương này tập trung vào vai trò của Bộ Hướng dẫn trong việc thúc đẩy các MNE tuân thủ tiêu chuẩn lao động quốc tế do ILO xây dựng.

VI. Môi trường



Chương Môi trường đưa ra một bộ khuyến nghị để giúp các MNE nâng cao hiệu quả hoạt động môi trường và giúp tối ưu hóa đóng góp của các MNE vào việc bảo vệ môi trường thông qua cải thiện hoạt động quản lý nội bộ và lập kế hoạch tốt hơn. Chương này cũng thể hiện một cách đại thể nguyên tắc và mục tiêu của Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển và Chương trình nghị sự 21.



GIỚI THIỆU

ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP ĐA QUỐC GIA



VII. Chống hối lộ, vòi vĩnh và tổng tiền

Hối lộ và tham nhũng gây tổn hại cho các thể chế dân chủ và quản trị doanh nghiệp. Doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc đấu tranh chống lại hiện tượng này. OECD đang dẫn đầu các nỗ lực toàn cầu nhằm tạo ra một sân chơi công bằng cho các doanh nghiệp quốc tế bằng cách xóa bỏ tệ hối lộ. Những khuyến nghị trong Bộ Hướng dẫn này được xây dựng dựa trên những nỗ lực to lớn mà OECD đã thực hiện trong lĩnh vực này tới thời điểm này.

VIII. Quyền lợi của người tiêu dùng



Bộ Hướng dẫn kêu gọi doanh nghiệp áp dụng các thông lệ kinh doanh, tiếp thị và quảng cáo công bằng, đảm bảo chất lượng cũng như độ tin cậy của các dịch vụ mà mình cung cấp.

Chương này được xây dựng dựa trên kết quả công việc của Ủy ban Chính sách về Người tiêu dùng và Ủy ban về Các thị trường Tài chính của OECD, và các tổ chức quốc tế khác trong đó có Phòng Thương mại Quốc tế, Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế và LHQ.

IX. Khoa học và Công nghệ



Chương này ghi nhận vai trò của các MNE như là một kênh dẫn chính của hoạt động chuyển giao công nghệ xuyên biên giới. Mục đích là thúc đẩy chuyển giao công nghệ tới các nước sở tại và đóng góp vào năng lực đổi mới sáng tạo của các nước này.

X. Cạnh tranh



Chương này tập trung vào ý nghĩa quan trọng của việc các MNE phải hoạt động trên cơ sở tuân thủ với các luật và quy định về cạnh tranh, đặc biệt lưu ý tới pháp luật về cạnh tranh ở quốc gia mà hoạt động của doanh nghiệp có thể gây ra tác động phản cạnh tranh. Doanh nghiệp cần hạn chế các thỏa thuận chống cạnh tranh có thể làm suy yếu hoạt động hiệu quả của các thị trường trong nước và quốc tế.

XI. Thuế

Bộ Hướng dẫn là văn kiện quốc tế đầu tiên về trách nhiệm doanh nghiệp trong đó có quy định về thuế, góp phần và dựa trên một loạt các công việc quan trọng về thuế quan, trong đó phải kể tới Công ước Mẫu về Thuế của OECD và Công ước Mẫu về chống Đánh thuế Hai lần của LHQ giữa các nước đang phát triển và đã phát triển. Chương này đưa ra các khuyến nghị cơ bản về thuế.

I.

I. TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM



Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE ghi nhận và khuyến khích doanh nghiệp đóng góp tích cực vào các tiến bộ kinh tế, môi trường, xã hội, song cũng thừa nhận rằng các hoạt động kinh doanh có thể tạo ra những tác động bất lợi liên quan tới quản trị doanh nghiệp, người lao động, quyền con người, môi trường, hối lộ và người tiêu dùng. Thẩm định là quy trình mà các doanh nghiệp cần thực hiện để nhận diện, ngăn ngừa, giảm thiểu và giải trình về những phương thức được áp dụng để giải quyết các tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn trong hoạt động của doanh nghiệp, trong các chuỗi cung ứng và mối quan hệ kinh doanh của mình đúng như khuyến nghị trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE. Thẩm định hiệu quả cần đi cùng các nỗ lực nhằm lồng ghép RBC vào các hệ thống chính sách và quản lý, nhằm mục đích tạo điều kiện để doanh nghiệp khắc phục những tác động bất lợi mà mình tạo ra hoặc góp phần tạo ra. → *xem Hình 1*

TÁC ĐỘNG BẤT LỢI VÀ RỦI RO

Thẩm định là để giải quyết các tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn (rủi ro) liên quan tới những chủ đề mà Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE quy định: quyền con người, trong đó có người lao động và quan hệ lao động, môi trường, tham nhũng và hối lộ, công bố thông tin, và quyền lợi người tiêu dùng (các vấn đề RBC). Các Chương trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE quy định chi tiết về hành vi ứng xử được khuyến nghị cho từng vấn đề RBC. Tác động bất lợi có khả năng gia tăng khi mà hành vi của doanh nghiệp hoặc các hoàn cảnh đi kèm với chuỗi cung ứng hay quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp không phù hợp với các khuyến nghị nêu trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE. Nguy xảy ra tác động bất lợi là rõ ràng nếu hành vi của doanh nghiệp đi trái với khuyến nghị trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE, bởi nó liên quan tới các tác động có thể xảy ra trong tương lai. → *xem Phụ Lục, Câu hỏi 1*

HIỆU 1. HIỂU VỀ RỦI RO THEO BỘ HƯỚNG DẪN CỦA OECD CHO MNE

Đối với nhiều doanh nghiệp, khái niệm “rủi ro” chủ yếu là rủi ro xảy ra với doanh nghiệp - rủi ro tài chính, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro danh tiếng, v.v... Các doanh nghiệp quan tâm đến vị thế của họ trên thị trường so với các đối thủ của mình, hình ảnh và sự tồn tại lâu dài của doanh nghiệp, vì thế khi nhìn vào các rủi ro, doanh nghiệp sẽ chỉ nghĩ tới rủi ro của chính mình. Tuy nhiên, Bộ Hướng dẫn lại đề cập đến những tác động bất lợi có thể xảy ra đối với con người, môi trường và xã hội do doanh nghiệp gây ra, góp phần gây ra hoặc liên quan trực tiếp. Nói cách khác, đó là cách tiếp cận “hướng ngoại” đối với rủi ro.

Các doanh nghiệp có thể nhận diện các rủi ro liên quan tới vấn đề RBC bằng cách tìm kiếm sự không phù hợp giữa những vấn đề được khuyến nghị trong Bộ Hướng dẫn OECD cho MNE và hoàn cảnh hoạt động, của chuỗi cung ứng hoặc mối quan hệ kinh doanh của mình. → *xem Phụ Lục, Câu hỏi 1*

TẠI SAO PHẢI TIỀN HÀNH THẨM ĐỊNH?

Một số hoạt động kinh doanh, sản phẩm hoặc dịch vụ vốn đã rủi ro vì chúng có khả năng gây ra, góp phần tạo ra hoặc liên quan trực tiếp đến các tác động bất lợi đối với các vấn đề RBC. Trong một số trường hợp khác, bản thân hoạt động kinh doanh có thể không có rủi ro, nhưng hoàn cảnh (ví dụ: các vấn đề về luật pháp, thiếu thực thi các tiêu chuẩn, hành vi của các mối quan hệ kinh doanh) có thể gây tác động bất lợi. Thẩm định sẽ giúp các doanh nghiệp lường trước và ngăn ngừa hoặc giảm thiểu được những tác động này. Trong một số trường hợp hạn chế, thẩm định có thể giúp doanh nghiệp đưa ra quyết định liệu có nên tiếp tục hoặc ngừng hoạt động hoặc chấm dứt mối quan hệ kinh doanh như là phương sách cuối cùng hay không, vì nguy cơ tác động bất lợi từ đó là quá cao hoặc vì những nỗ lực giảm thiểu đã không thành công.

Đổi lại, việc ngăn ngừa và giảm thiểu hiệu quả các tác động bất lợi, cũng có thể giúp doanh nghiệp tối đa hóa các đóng góp tích cực cho xã hội, cải thiện mối quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan và bảo vệ tiếng tăm của mình. Thẩm định có thể giúp doanh nghiệp tạo ra nhiều giá trị hơn bằng nhiều cách nhờ xác định được các cơ hội giảm chi phí; nâng cao hiểu biết về thị trường và các nguồn cung chiến lược; tăng cường quản lý rủi ro kinh doanh và hoạt động cụ thể của công ty; giảm khả năng xảy ra sự cố liên quan đến các vấn đề được đề cập tới trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE; và giảm nguy cơ xảy ra rủi ro hệ thống. Một doanh nghiệp cũng có thể thực hiện thẩm định nhằm đáp ứng các yêu cầu pháp lý liên quan đến các vấn đề RBC cụ thể, chẳng hạn như luật lao động trong nước, luật môi trường, quản trị doanh nghiệp, luật hình sự hoặc chống hối lộ.

ĐẶC ĐIỂM CỦA THẨM ĐỊNH – CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN

- **Thẩm định là phòng ngừa.**

Mục đích đầu tiên và trước hết của thẩm định là tránh tạo ra hoặc góp phần tạo ra các tác động bất lợi đối với con người, môi trường và xã hội, và tìm cách ngăn ngừa các tác động bất lợi có liên quan trực tiếp tới hoạt động, sản phẩm và dịch vụ thông qua các mối quan hệ kinh doanh. Khi không thể tránh được các tác động bất lợi, thẩm định sẽ giúp doanh nghiệp có thể giảm thiểu được tác động đó, ngăn không cho nó lặp lại, và nếu có thể, khắc phục chúng.

- **Thẩm định bao gồm nhiều quy trình và mục đích.**

Khái niệm thẩm định theo Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE bao gồm rất nhiều các quy trình liên quan mật thiết với nhau để giúp nhận diện các tác động bất lợi, ngăn ngừa và giảm thiểu chúng, theo dõi quá trình thực hiện và thông tin về việc giải quyết các tác động bất lợi đối với hoạt động của chính doanh nghiệp, chuỗi cung ứng và các mối quan hệ kinh doanh khác của doanh nghiệp. Thẩm định phải là một phần không thể tách rời của quá trình ra quyết định và quản lý rủi ro trong doanh nghiệp. Về khía cạnh này, thẩm định có thể dựa trên (mặc dù phạm vi sẽ lớn hơn) các quy trình thẩm định “tìm hiểu đối tác” hay thẩm định giao dịch truyền thống. Việc đưa RBC vào các chính sách và hệ thống quản lý giúp doanh nghiệp ngăn ngừa được tác động bất lợi đối với các vấn đề RBC đồng thời hỗ trợ hiệu quả thẩm định thông qua việc làm rõ chiến lược cho doanh nghiệp, xây dựng năng lực cho nhân viên, đảm bảo sự sẵn có của nguồn lực và đưa ra một thông điệp rõ ràng từ cấp cao nhất.

- **Thẩm định phải tương xứng với rủi ro (dựa trên rủi ro).**

Thẩm định cần được định hướng dựa trên rủi ro. Các biện pháp mà doanh nghiệp áp dụng để tiến hành thẩm định phải tương xứng với *khả năng xảy ra và mức độ nghiêm trọng* của tác động bất lợi. Khi tác động bất lợi có nhiều khả năng xảy ra với mức độ nghiêm trọng cao, thì hoạt động thẩm định cần sâu rộng hơn. Thẩm định cũng phải được điều chỉnh cho phù hợp với *bản chất* của tác động bất lợi lên một vấn đề RBC, như quyền con người, môi trường và tham nhũng. Điều này đòi hỏi tùy chỉnh phương pháp tiếp cận cho các rủi ro cụ thể và cân nhắc ảnh hưởng của chúng đến các nhóm đối tượng khác nhau, chẳng hạn áp dụng góc nhìn giới trong thẩm định. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 2*

- **Thẩm định có thể bao gồm cả việc xác lập ưu tiên (dựa trên rủi ro).**

Khi không thể cùng một lúc giải quyết mọi tác động đã được nhận diện, doanh nghiệp cần xác lập thứ tự ưu tiên hành động tùy theo khả năng xảy ra cũng như mức độ nghiêm trọng của tác động bất lợi. Sau khi các tác động đáng kể nhất đã được nhận diện và xử lý, doanh nghiệp sẽ chuyển sang giải quyết các tác động ít đáng kể hơn. Khi doanh nghiệp trực tiếp gây ra hoặc góp phần gây ra một tác động bất lợi lên vấn đề RBC, thì doanh nghiệp luôn phải dừng ngay các hoạt động gây ra hoặc góp phần gây ra tác động đó, chủ động hoặc hợp tác để khắc phục. Xác định ưu tiên cũng là quá trình diễn ra liên tục, và trong một số trường hợp, những tác động bất lợi mới có thể phát sinh và cần được ưu tiên giải quyết trước khi chuyển sang các tác động ít đáng kể hơn. Trường hợp cần ưu tiên các rủi ro về quyền con người, yếu tố chủ đạo quyết định ưu tiên phản ứng là mức độ nghiêm trọng của một tác động bất lợi tiềm ẩn, chẳng hạn việc phản ứng chậm trễ sẽ khiến tác động không thể khắc phục được. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 3-5*

- **Thẩm định là quá trình có tính động.**

Thẩm định không phải là quy trình tĩnh, mà diễn ra liên tục, thích ứng và thay đổi. Nó bao gồm nhiều vòng phản hồi để doanh nghiệp có thể học hỏi từ những bài học thành công và thất bại. Doanh nghiệp nên đặt mục tiêu cải thiện dần dần các hệ thống và quy trình của mình để phòng tránh và giải quyết các tác động bất lợi. Thông qua quy trình thẩm định, một doanh nghiệp sẽ có khả năng xử lý thỏa đáng những thay đổi tiềm ẩn có thể xảy ra trong hồ sơ rủi ro của mình khi tình hình thay đổi (ví dụ: thay đổi trong khung pháp lý của quốc gia, rủi ro mới nổi trong ngành, phát triển sản phẩm mới hoặc mối quan hệ kinh doanh mới).

- **Thẩm định không làm thay đổi trách nhiệm.**

Mọi doanh nghiệp tham gia một quan hệ kinh doanh đều phải tự chịu trách nhiệm để xác định và giải quyết các tác động bất lợi. Các khuyến nghị thẩm định trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE không nhằm chuyển dịch trách nhiệm từ chính phủ sang doanh nghiệp hoặc từ các doanh nghiệp gây ra hoặc góp phần gây ra tác động bất lợi sang cho các doanh nghiệp có liên quan trực tiếp đến tác động bất lợi đó thông qua các mối quan hệ kinh doanh của họ. Thay vào đó, theo khuyến nghị của Bộ Hướng dẫn, mỗi doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về phần liên đới của mình trong tác động bất lợi đó. Trong trường hợp tác động liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp, thì doanh nghiệp nên tìm cách sử dụng ảnh hưởng của mình, trong chừng mực có thể, để thực hiện thay đổi, dù là tự mình hoặc phối hợp với doanh nghiệp khác.

▪ **Thẩm định liên quan tới các chuẩn mực RBC được công nhận quốc tế.**

Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE đưa ra các nguyên tắc và chuẩn mực của RBC phù hợp với luật hiện hành và các tiêu chuẩn được công nhận quốc tế. Bộ Hướng dẫn tuyên bố rằng nghĩa vụ đầu tiên của doanh nghiệp là phải tuân thủ luật pháp tại nước sở tại mà doanh nghiệp hoạt động và/hoặc cư trú. Thẩm định có thể giúp doanh nghiệp nắm được các nghĩa vụ pháp lý của mình đối với những vấn đề liên quan đến Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE. Ở những quốc gia luật pháp và quy định trong nước xung đột với các nguyên tắc và tiêu chuẩn trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE, thẩm định có thể giúp các doanh nghiệp tuân thủ Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE ở mức độ cao nhất mà không vi phạm luật pháp trong nước. Trong một số trường hợp, luật trong nước cũng có thể yêu cầu doanh nghiệp phải có biện pháp cụ thể đối với một vấn đề RBC nào đó, (ví dụ: luật về các vấn đề RBC cụ thể như hối lộ nước ngoài, nô lệ hiện đại hoặc khoáng sản từ các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và rủi ro cao).

▪ **Thẩm định cần phù hợp với hoàn cảnh doanh nghiệp.**

Bản chất và mức độ thẩm định có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như quy mô doanh nghiệp, bối cảnh hoạt động, mô hình kinh doanh, vị trí của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng và tính chất của sản phẩm hoặc dịch vụ. Để xác định và quản lý rủi ro một cách hiệu quả, các doanh nghiệp lớn với phạm vi hoạt động rộng khắp và nhiều sản phẩm hoặc dịch vụ đa dạng có thể sẽ cần tới các hệ thống quy củ hơn và có quy mô hơn so với các doanh nghiệp nhỏ có sản phẩm hoặc dịch vụ hạn chế. → *xem Phụ Lục, Câu hỏi 6-7 và Bảng 4*

▪ **Thẩm định có thể được điều chỉnh để đối phó với những hạn chế khi làm việc với các mối quan hệ kinh doanh**

Việc doanh nghiệp gây tác động hoặc tạo ảnh hưởng tới các mối quan hệ kinh doanh nhằm chấm dứt, ngăn chặn hoặc giảm thiểu tác động bất lợi đối với các vấn đề RBC hoặc khắc phục các vấn đề đó có thể sẽ vấp phải những hạn chế trên thực tế và theo quy định của pháp luật. Các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, có thể không đủ quyền lực thị trường để gây ảnh hưởng tới các mối quan hệ kinh doanh của mình. Doanh nghiệp có thể nỗ lực khắc phục những thách thức này để gây ảnh hưởng đến các mối quan hệ kinh doanh bằng cách thông qua các thỏa thuận hợp đồng, yêu cầu sơ tuyến, ủy thác biểu quyết, thỏa thuận cấp phép hoặc nhượng quyền, và thông qua các nỗ lực hợp tác để phát huy sáng kiến trong hiệp hội ngành hoặc liên ngành.

▪ **Thẩm định dựa trên thông tin có được nhờ sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan.**

Bên có quyền lợi liên quan là những người hoặc nhóm có lợi ích có thể bị ảnh hưởng bởi hoạt động của một doanh nghiệp². Thông tin hai chiều là đặc trưng cho sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan. Nó bao gồm việc chia sẻ kịp thời các thông tin liên quan cần thiết cho các bên có quyền lợi liên quan để đưa ra các quyết định có cơ sở theo cách thức mà họ có thể hiểu và tiếp cận. Để đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa, tất cả các bên phải có thiện ý. Việc các bên có quyền lợi liên quan tham gia một cách có ý nghĩa đóng vai trò quan trọng trong suốt quá trình thẩm định.

2. Ví dụ về các bên có quyền lợi liên quan gồm người lao động, đại diện của người lao động, công đoàn (kể cả các Công đoàn Toàn cầu, thành viên cộng đồng, các tổ chức xã hội dân sự, nhà đầu tư các hiệp hội nghề nghiệp và thương mại).

Đặc biệt, khi doanh nghiệp có thể đã gây ra hoặc góp phần gây ra tác động bất lợi, thì việc huy động sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan hoặc các chủ thể quyền đã hoặc sẽ bị ảnh hưởng là rất quan trọng. Ví dụ, căn cứ vào tính chất của tác động bất lợi đang được giải quyết, các bên có quyền lợi liên quan có thể tham gia bằng cách góp phần và chia sẻ các đánh giá thứ địa, xây dựng các biện pháp giảm thiểu rủi ro và giám sát liên tục, và thiết kế các cơ chế giải quyết khiếu nại.³

- **Thẩm định bao gồm việc trao đổi thông tin liên tục.**

Thông tin về các quy trình thẩm định, các phát hiện và kế hoạch là một phần của chính quy trình thẩm định. Nó cho phép doanh nghiệp xây dựng niềm tin vào hành động và các quyết định của mình, và thể hiện thiện ý. Một doanh nghiệp phải giải thích được về cách mình nhận diện và giải quyết các tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn, và thông tin về điều này một cách phù hợp. Thông tin phải tiếp cập được các đối tượng dự kiến (ví dụ: các bên có quyền lợi liên quan, nhà đầu tư, người tiêu dùng, v.v.) và phải đầy đủ để chứng minh được rằng doanh nghiệp đã phản ứng thỏa đáng đối với các tác động đó. Việc thông tin phải được thực hiện trên cơ sở cân nhắc vấn đề bảo mật thương mại, các quan tâm khác về cạnh tranh⁴ và an ninh. Có thể sử dụng nhiều chiến lược để truyền đạt thông tin ở phạm vi khả thi nhất mà vẫn tôn trọng các quy định về bảo mật thông tin. → xem Phụ lục, Câu hỏi 47

HỢP 2. PHỐI HỢP TRONG THỰC HIỆN THẨM ĐỊNH

Các doanh nghiệp có thể hợp tác với nhau ở cấp ngành hoặc liên ngành cũng như hợp tác với các bên liên quan trong suốt quá trình thẩm định, mặc dù doanh nghiệp luôn là người phải chịu trách nhiệm về hiệu quả thẩm định. Ví dụ, có thể hợp tác khi cần tập hợp kiến thức, tăng ảnh hưởng và nhân rộng các biện pháp hiệu quả. Chia sẻ chi phí và tiết kiệm thường là một lợi ích của hợp tác ngành và có thể đặc biệt có tác dụng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. → xem Phụ lục, Câu hỏi 12

Trong nhiều trường hợp, doanh nghiệp có thể hợp tác trong thẩm định mà không vi phạm quy định của luật cạnh tranh. Khuyến khích doanh nghiệp, và các sáng kiến tập thể mà họ tham gia, chủ động có biện pháp tìm hiểu các vấn đề trong luật cạnh tranh ở nước mình và tránh các hoạt động có thể bị coi là vi phạm luật cạnh tranh. → xem Phụ lục, Câu hỏi 13

3. Câu hỏi 8, Phụ Lục giải thích về các thuật ngữ: bên có quyền lợi liên quan, bên có quyền lợi liên quan và các chủ thể quyền đã hoặc có thể bị ảnh hưởng. Phụ Lục, Câu hỏi 8-11 cho thêm thông tin về thỏa thuận với bên có quyền lợi liên quan.

4. Các quan ngại về cạnh tranh nên được diễn giải theo luật cạnh tranh hiện hành.

II.

II. QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH

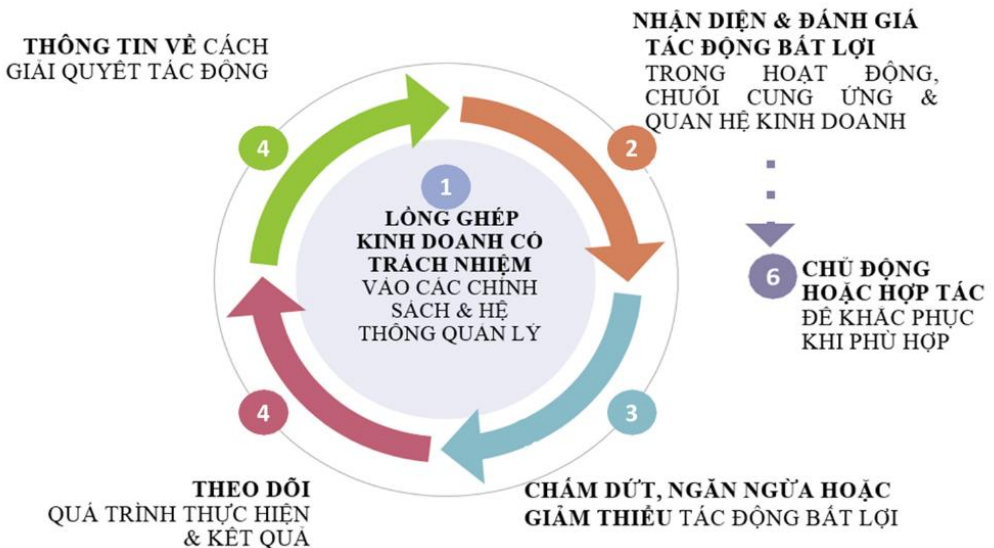


QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH

Trên cơ sở thẩm định phải tương xứng với rủi ro và phải phù hợp với hoàn cảnh và bối cảnh cụ thể của doanh nghiệp, nội dung phần này sẽ trình bày về các biện pháp: (1) lồng ghép RBC vào hệ thống quản lý và các chính sách của doanh nghiệp; thực hiện thẩm định bằng cách (2) nhận diện các tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn đối với các vấn đề RBC, (3) chấm dứt, ngăn chặn hoặc giảm thiểu các tác động đó, (4) theo dõi quá trình thực hiện và kết quả, (5) thông tin về cách thức giải quyết các tác động; và (6) tạo điều kiện khắc phục tác động khi phù hợp. → xem Hình 1

Các hành động thực tế được quy định trong đây không phải là một danh sách hoàn chỉnh các “ô cần đánh dấu” trong kiểm định. Không phải hành động nào cũng phù hợp cho mọi hoàn cảnh. Tương tự, có những biện pháp thực hiện hoặc hành động thực tế không được mô tả trong Hướng dẫn này lại có tác dụng hơn với doanh nghiệp.

HÌNH 1. QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH & CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ



1. LÒNG GHÉP KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM VÀO CÁC CHÍNH SÁCH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ

1.1 Xây dựng, thông qua và phổ biến các chính sách kết hợp về vấn đề RBC, qua đó thể hiện cam kết của doanh nghiệp tuân thủ các nguyên tắc và tiêu chuẩn nêu trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE và các kế hoạch thẩm định của doanh nghiệp, phù hợp với đặc thù hoạt động, chuỗi cung ứng và các mối quan hệ kinh doanh khác của doanh nghiệp. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 14-15*

* HÀNH ĐỘNG THỰC TẾ

- a. Rà soát lại và cập nhật các chính sách hiện hành về các vấn đề của RBC (ví dụ: lao động, quyền con người, môi trường, công bố thông tin, bảo vệ người tiêu dùng, quản trị, chống hối lộ và tham nhũng) cho phù hợp với các nguyên tắc và tiêu chuẩn nêu trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE.
- b. Căn cứ vào những phát hiện sau đánh giá rủi ro, xây dựng các chính sách cụ thể đối với các rủi ro đáng kể nhất của doanh nghiệp, hướng dẫn phương pháp tiếp cận cụ thể của doanh nghiệp để giải quyết những rủi ro đó. Cần nhắc đưa kế hoạch thẩm định của doanh nghiệp vào nội dung những chính sách này.
- c. Công khai các chính sách của doanh nghiệp đối với các vấn đề RBC, ví dụ: trên trang web của doanh nghiệp, tại doanh nghiệp, và bất cứ khi nào có thể, bằng ngôn ngữ địa phương.
- d. Truyền đạt các chính sách đó tới đội ngũ nhân viên liên quan của doanh nghiệp và những người lao động khác, ví dụ: trong quá trình định hướng hay tập huấn cho nhân viên và thông tin định kỳ khi cần thiết để duy trì nhận thức.
- e. Cập nhật các chính sách đó khi phát sinh rủi ro mới hoặc khi rủi ro thay đổi trong hoạt động, trong các chuỗi cung ứng và mối quan hệ kinh doanh khác của doanh nghiệp.



- 1.2 Đưa các chính sách RBC của doanh nghiệp vào trong các cơ quan giám sát của doanh nghiệp. Đưa các chính sách RBC của doanh nghiệp vào các hệ thống quản lý để các chính sách đó được thực hiện như một phần của quá trình làm việc thông thường của doanh nghiệp, có tính đến sự độc lập, tự chủ và cơ cấu pháp lý của các cơ quan này theo quy định của luật pháp trong nước.

*** HÀNH ĐỘNG THỰC TẾ**

- a. Phân công vai trò giám sát và chịu trách nhiệm về thẩm định cho lãnh đạo cấp cao có liên quan, đồng thời giao trách nhiệm bao quát RBC cho Hội đồng quản trị. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 16*
- b. Giao trách nhiệm thực hiện các nội dung chính sách cho những phòng ban có liên quan, đặc biệt chú ý đến những người lao động mà hành vi cũng như quyết định của họ có nhiều khả năng làm tăng hoặc giảm rủi ro. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 16*
- c. Xây dựng hoặc sửa đổi cho phù hợp các hệ thống thông tin hoặc lưu trữ hồ sơ hiện hành để thu thập thông tin về quá trình thẩm định, các quyết định hoặc biện pháp phản ứng có liên quan.
- d. Thiết lập các kênh liên lạc hoặc sử dụng các kênh liên lạc hiện có giữa lãnh đạo cấp cao và các phòng ban thực hiện để chia sẻ và ghi lại thông tin về rủi ro và ra quyết định.
- e. Khuyến khích sự liên kết giữa các nhóm/đơn vị kinh doanh có liên quan tới những khía cạnh chính sách RBC của doanh nghiệp. Điều này có thể được thực hiện, chẳng hạn, bằng cách tạo các nhóm hoặc ủy ban chức năng chéo để chia sẻ thông tin và ra quyết định về rủi ro, với thành viên là các đơn vị kinh doanh có thể tác động đến việc tuân thủ các chính sách của RBC trong quá trình ra quyết định. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 16.*
- f. Đào tạo cho người lao động để giúp họ hiểu và thực hiện các khía cạnh liên quan trong của chính sách RBC và bố trí nguồn lực thỏa đáng tương xứng với phạm vi thẩm định cần thiết.
- g. Áp dụng các biện pháp phù hợp để động viên những người lao động và các đơn vị kinh doanh tuân thủ chính sách RBC của doanh nghiệp.
- h. Xây dựng, rút kinh nghiệm hoặc điều chỉnh cho phù hợp các thủ tục giải quyết khiếu nại hiện tại để người lao động có cơ chế nói lên các vấn đề và khiếu nại của mình liên quan tới RBC (VD các thông lệ lao động, tham nhũng, quản trị doanh nghiệp).
- i. Xây dựng các quy trình ứng phó hoặc khắc phục, nếu phù hợp, trong trường hợp chính sách RBC không được tuân thủ (VD thông qua quá trình thu thập thêm bằng chứng, nâng cao năng lực, các biện pháp kỷ luật/chế tài).



1.3 Lồng ghép các kỳ vọng và các chính sách RBC khi làm việc với các nhà cung ứng và các mối quan hệ kinh doanh khác. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 18*

HÀNH ĐỘNG THỰC TẾ

- a. Thông tin cho các nhà cung ứng và các mối quan hệ kinh doanh có liên quan về các khía cạnh chính trong chính sách RBC.
- b. Đưa các điều kiện và kỳ vọng về vấn đề RBC vào nội dung hợp đồng ký kết với nhà cung ứng hoặc các bên quan hệ kinh doanh hoặc các hình thức thỏa thuận bằng văn bản khác.
- c. Xây dựng và thực hiện các quy trình sơ tuyến về thẩm định cho các nhà cung ứng và các mối quan hệ kinh doanh, nếu khả thi, điều chỉnh các quy trình đó cho phù hợp với rủi ro và bối cảnh cụ thể để tập trung vào các vấn đề RBC đã được xác định là có liên quan đến mối quan hệ kinh doanh và các lĩnh vực hay hoạt động cụ thể của họ.
- d. Dành nguồn lực thỏa đáng và đào tạo các nhà cung ứng cũng như các mối quan hệ kinh doanh khác để họ hiểu và ứng dụng các chính sách RBC có liên quan và thực hiện thẩm định.
- e. Tìm hiểu và giải quyết các rào cản phát sinh từ cách thức kinh doanh của doanh nghiệp có thể cản trở khả năng thực hiện chính sách RBC của các nhà cung ứng và các mối quan hệ kinh doanh khác, chẳng hạn như thông lệ mua hàng và các biện pháp khuyến khích thương mại của doanh nghiệp.

2. NHẬN DIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐI KÈM VỚI HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

2.1 Thực hiện một bài tập đại cương về xác định phạm vi để nhận diện tất cả các lĩnh vực của doanh nghiệp, trong toàn hoạt động và các mối quan hệ kinh doanh kể cả chuỗi cung ứng của doanh nghiệp, nơi rủi ro RBC có nhiều khả năng xuất hiện nhất và đáng kể nhất. Một trong số các yếu tố liên quan bao gồm thông tin về các yếu tố rủi ro ngành, địa lý, sản phẩm và doanh nghiệp, kể cả những rủi ro đã biết mà doanh nghiệp đã phải đối mặt hoặc có khả năng phải đối mặt. Bài tập xác định phạm vi này cho phép doanh nghiệp bước đầu nhận diện được những lĩnh vực rủi ro quan trọng nhất để đánh giá thêm. Đối với các doanh nghiệp có hoạt động không quá đa dạng, cụ thể là các doanh nghiệp nhỏ, có thể bỏ qua bài tập đại cương này, mà chuyển luôn sang giai đoạn nhận diện và xác lập thứ tự ưu tiên các tác động cụ thể. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 19-22*

HÀNH ĐỘNG THỰC TẾ

- Vẽ nên một bức tranh ban đầu, ở cấp độ cao về các lĩnh vực hoạt động và các kiểu quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp, để nắm được những thông tin liên quan cần thu thập.
- Thu thập thông tin để hiểu rõ nguy cơ tác động bất lợi ở cấp cao liên quan đến lĩnh vực (ví dụ: sản phẩm và chuỗi cung ứng, dịch vụ và các hoạt động khác), địa lý (ví dụ: quản trị và pháp quyền, xung đột, quyền con người nói chung hoặc các tác động bất lợi đến môi trường) hoặc các yếu tố rủi ro đặc thù của doanh nghiệp (ví dụ các vụ tham nhũng, hành vi sai trái, việc thực hiện các tiêu chuẩn RBC). → *xem Phụ lục, Câu hỏi 20*. Nguồn thông tin có thể là các báo cáo của chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức xã hội dân sự, đại diện của người lao động và công đoàn, các cơ quan quốc gia về quyền con người (NHRI), truyền thông hoặc các chuyên gia khác. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 21-22*.
- Khi thấy thiếu thông tin, hãy tham khảo ý kiến của các bên có quyền lợi liên quan và các chuyên gia.
- Xem xét những thông tin thu được nhờ hệ thống cảnh báo sớm (ví dụ: đường dây nóng) và cơ chế khiếu nại.
- Xác định các lĩnh vực rủi ro RBC đáng kể nhất và ưu tiên coi những lĩnh vực này là điểm bắt đầu để đánh giá chuyên sâu các tác động thực tế và tiềm ẩn.
- Thường xuyên rà soát lại các phát hiện của bài tập xác định phạm vi.
- Khi doanh nghiệp có những thay đổi quan trọng ví dụ bắt đầu hoạt động hay tìm nguồn cung ở một quốc gia mới; phát triển một dòng sản phẩm hoặc dịch vụ mới khác đáng kể so với dòng hiện có; thay đổi đầu vào của sản phẩm hoặc dịch vụ; tái cơ cấu hoặc tham gia các hình thức quan hệ kinh doanh mới (ví dụ: sáp nhập, mua lại, khách hàng mới và thị trường mới), thì phải cập nhật bài tập xác định phạm vi bằng các thông tin mới đó.



XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐI KÈM VỚI
HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

- 2.2 Bắt đầu từ những lĩnh vực rủi ro đáng kể được xác định ở trên, đánh giá đi đánh giá lại, với mức độ ngày càng sâu về các hoạt động, nhà cung ứng và các mối quan hệ kinh doanh khác được ưu tiên để nhận diện và đánh giá các tác động bất lợi cụ thể thực tế hay tiềm ẩn đối với RBC. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 23 -28*

HÀNH ĐỘNG THỰC TẾ

- a. Vẽ bản đồ hoạt động, các nhà cung ứng và các mối quan hệ kinh doanh khác của doanh nghiệp, bao gồm cả chuỗi cung ứng đi kèm, liên quan đến rủi ro được ưu tiên.
- b. Lập danh mục các vấn đề và tiêu chuẩn RBC cụ thể áp dụng với các rủi ro đang được đánh giá, bao gồm các quy định liên quan trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE, cũng như luật pháp trong nước, các khuôn khổ quốc tế và đặc thù của ngành có liên quan tới các vấn đề RBC.
- c. Nếu khả thi và thích hợp, thu thập các thông tin liên quan về mối quan hệ kinh doanh ngoài các mối quan hệ đồng (ví dụ: các nhà cung ứng phụ khác với các nhà cung ứng “cấp 1”). Chủ động hoặc phối hợp xây dựng các quy trình đánh giá hồ sơ rủi ro của các cấp độ quan hệ xa hơn, bằng cách xem xét các đánh giá hiện có, và phối hợp với các đơn vị nằm ở giữa và ở các “điểm kiểm soát” trong chuỗi cung ứng đánh giá các thực hành thẩm định của họ theo Hướng dẫn này.
- d. Đánh giá bản chất và mức độ của các tác động thực tế và tiềm ẩn liên quan đến các hoạt động, nhà cung ứng hoặc các mối quan hệ kinh doanh được ưu tiên (nghĩa là vấn đề RBC nào bị tác động, tác động như thế nào, và phạm vi tác động, v.v.). Có thể sử dụng thông tin trong các đánh giá tác động môi trường (EIA), đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA), đánh giá tác động quyền con người (HRIA), rà soát pháp lý, hệ thống quản lý tuân thủ về tham nhũng, kiểm toán tài chính (để công bố), thanh tra nghề nghiệp, sức khỏe và an toàn... của doanh nghiệp hoặc bên thứ ba nếu có sẵn; và bất kỳ đánh giá liên quan nào khác về các mối quan hệ kinh doanh do doanh nghiệp hoặc các sáng kiến của ngành và liên ngành thực hiện, như kiểm toán môi trường, kiểm toán xã hội và lao động, đánh giá tham nhũng và quy trình KYC.
- e. Xác định các hoạt động không nên thực hiện trong khuôn khổ pháp lý và thể chế phù hợp để bảo vệ quyền của tất cả mọi người và các doanh nghiệp liên quan.
- f. Xem xét các rủi ro RBC trước khi thực hiện một hoạt động kinh doanh được đề xuất (ví dụ: mua lại, tái cơ cấu, tham gia thị trường mới, phát triển sản phẩm hoặc dịch vụ mới), để dự báo các tác động bất lợi mà hoạt động đó và các mối quan hệ kinh doanh liên quan có thể gây ra với các vấn đề RBC cụ thể.
- g. Đánh giá lại theo chu kỳ cần thiết: trước khi ra các quyết định quan trọng hoặc có thay đổi lớn trong hoạt động (ví dụ: tham gia thị trường, ra mắt sản phẩm, thay đổi chính sách hoặc các thay đổi lớn hơn đối với hoạt động kinh doanh); nhằm ứng phó với hoặc dự đoán những thay đổi trong môi trường hoạt động (ví dụ: căng thẳng xã hội gia tăng); và đánh giá định kỳ trong suốt vòng đời của một hoạt động hoặc mối quan hệ.



XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐI KÈM VỚI HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

- h. Đối với tác động về quyền con người, hãy tham vấn và huy động sự tham gia của các chủ thể quyền đang và có khả năng bị ảnh hưởng, bao gồm người lao động, đại diện người lao động và công đoàn, để thu thập thông tin về các tác động bất lợi và rủi ro, có tính đến các rào cản tiềm tàng hạn chế sự tham gia có hiệu quả của các bên này. Trong trường hợp không thể tham khảo ý kiến trực tiếp với các chủ thể quyền, hãy xem xét các lựa chọn thay thế hợp lý như tham khảo ý kiến các chuyên gia đáng tin cậy, độc lập, trong đó có các những người bảo vệ quyền con người, công đoàn và các nhóm xã hội dân sự. Có thể tham vấn các chủ thể quyền có khả năng bị ảnh hưởng trong các giai đoạn trước và trong thời gian thực hiện dự án hoặc đối với hoạt động có thể ảnh hưởng đến họ (ví dụ: thông qua đánh giá thực địa). → *xem Phụ lục, Câu hỏi 8-11 và Câu hỏi 25.*
- i. Khi đánh giá tác động liên quan đến quyền con người, hãy đặc biệt chú ý đến các tác động bất lợi có thể xảy ra đối với các cá nhân hoặc nhóm dân cư có nguy cơ dễ bị tổn thương cao hoặc nằm ngoài lề xã hội, cũng như các rủi ro khác nhau mà phụ nữ và nam giới có thể phải đối mặt.
- k. Đối với các doanh nghiệp có nhiều đơn vị khác nhau trong một tập đoàn, hãy hỗ trợ các đơn vị địa phương thực hiện các đánh giá của riêng họ.

2.3 Đánh giá mức độ liên đới của doanh nghiệp trong các tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn đã được nhận diện để xác định các biện pháp phản ứng thích hợp (xem 3.1 và 3.3). Cụ thể là, đánh giá xem doanh nghiệp: đã gây ra (hoặc sẽ gây ra) tác động tiêu cực; đã đóng góp (hay sẽ góp phần) gây ra tác động bất lợi đó; hoặc liệu tác động bất lợi đó đang (hoặc sẽ) liên quan trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp, hay với sản phẩm hoặc dịch vụ của một mối quan hệ kinh doanh hay không. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 29-30.*

HÀNH ĐỘNG THỰC TẾ

- a. Tham khảo ý kiến của các mối quan hệ kinh doanh, các doanh nghiệp khác liên quan và các bên có quyền lợi liên quan.
- b. Tham khảo ý kiến của các bên có quyền lợi liên quan/chủ thể quyền bị ảnh hưởng hoặc đại diện hợp pháp của họ.
- c. Tham khảo ý kiến chuyên môn có liên quan trong hoặc ngoài doanh nghiệp nếu cần.
- d. Nếu các bên có quyền lợi liên quan hoặc chủ thể quyền bị ảnh hưởng không đồng ý với đánh giá của doanh nghiệp về sự liên đới của họ với bất kỳ tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn nào, hãy hợp tác thiện chí với các cơ chế hợp pháp được thiết kế để giúp giải quyết và đưa ra biện pháp khắc phục bất đồng đó. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 51-52.*



XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐI KÈM VỚI HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

- 2.4 Dựa trên những thông tin thu được về tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn, khi cần thiết, phải xác lập thứ tự ưu tiên hành động đối với các rủi ro và tác động RBC đáng kể nhất, dựa trên khả năng xảy ra và mức độ nghiêm trọng. Việc xác lập ưu tiên này rất quan trọng khi mà không thể giải quyết ngay lập tức mọi tác động bất lợi tiềm ẩn và thực tế. Khi các tác động đáng kể nhất đã được xác định và xử lý, doanh nghiệp sẽ chuyển sang xử lý các tác động ít đáng kể hơn. → xem Phụ lục, Câu hỏi 3-5 và Câu hỏi 31

HÀNH ĐỘNG THỰC TẾ

- a. Xác định xem đâu là những tác động tiềm ẩn hoặc thực tế có thể được giải quyết ngay, ít nhất là ở một mức độ nào đó (ví dụ: cập nhật điều khoản hợp đồng với nhà cung ứng, sửa đổi nghi thức kiểm toán để tập trung giải quyết các rủi ro có thể đã bị bỏ sót trước đó trong quá trình kiểm toán).
- b. Ưu tiên xử lý các hoạt động đang gây ra hoặc góp phần gây ra tác động bất lợi đến vấn đề RBC, dựa trên đánh giá của doanh nghiệp về sự liên đới của mình vào các tác động bất lợi đó theo Phần 2.3.
- d. Khi tác động liên quan đến mối quan hệ kinh doanh, hãy đánh giá xem liệu đơn vị mà doanh nghiệp có quan hệ kinh doanh có duy trì các chính sách và quy trình thích hợp để tự nhận diện, ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro RBC có liên quan không.
- d. Khi không thể giải quyết được mọi tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp qua các mối quan hệ kinh doanh (hoặc không thể giải quyết chúng triệt để nhất có thể), hãy đánh giá khả năng xảy ra và mức độ nghiêm trọng của các tác động hoặc rủi ro để ưu tiên hành động.
- e. Tham khảo ý kiến các mối quan hệ kinh doanh, các doanh nghiệp khác và các bên có quyền lợi liên quan, và chủ thể quyền đã hoặc có khả năng bị ảnh hưởng về các quyết định ưu tiên.
- f. Tìm kiếm chuyên gia phù hợp trong nước hoặc ngoài nước nếu cần.

3. CHẤM DỨT, NGĂN NGỪA HOẶC GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG BẤT LỢI

- 3.1 Chấm dứt các hoạt động đang gây ra hoặc góp phần gây ra tác động bất lợi cho các vấn đề RBC, dựa trên đánh giá của doanh nghiệp về sự liên đới của mình trong đó theo Phần 2.3. Xây dựng và thực hiện các kế hoạch phù hợp với mục đích để ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động bất lợi tiềm ẩn (trong tương lai). → *xem Phụ lục, Câu hỏi 32-33*

HÀNH ĐỘNG THỰC TẾ

- a. Giao trách nhiệm cho cán bộ cấp cao để đảm bảo việc dừng hẳn các hoạt động đang gây ra hoặc góp phần gây ra tác động bất lợi, và để ngăn ngừa các hoạt động có thể gây ra hoặc góp phần gây ra tác động bất lợi trong tương lai.
- b. Đối với những hoạt động phức tạp hoặc khó có thể dừng lại hẳn vì lý do vận hành, hợp đồng hoặc pháp lý, phải cùng với cố vấn pháp lý trong công ty và các bên có quyền lợi liên quan/chủ thể quyền đang hoặc có khả năng bị ảnh hưởng, xây dựng một lộ trình để chấm dứt các hoạt động đang gây ra hoặc góp phần gây ra tác động bất lợi đó.
- c. Cập nhật chính sách của doanh nghiệp để hướng dẫn cách phòng tránh và giải quyết các tác động bất lợi trong tương lai và đảm bảo việc thực thi chính sách.
- d. Tiến hành các chương trình đào tạo phù hợp với mục đích cho người lao động và đội ngũ quản lý có liên quan của doanh nghiệp.
- e. Dựa vào những phát hiện trong đánh giá rủi ro để cập nhật và củng cố hệ thống quản lý nhằm theo dõi thông tin tốt hơn và nhận diện rủi ro trước khi các tác động bất lợi xảy ra. → *xem Phần 1.2*
- f. Tham vấn và huy động sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan/chủ thể quyền đang và có khả năng bị ảnh hưởng cũng như đại diện của họ để có những hành động phù hợp và thực hiện kế hoạch hành động đó. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 8 - Câu hỏi 11*
- g. Đối với những tác động tập thể hoặc tích lũy (nghĩa là doanh nghiệp chỉ là một trong nhiều đơn vị cùng góp phần gây ra tác động bất lợi), thì nếu có thể, phải phối hợp với các đơn vị liên quan khác để chấm dứt tác động đó và ngăn không cho chúng tái diễn hoặc ngăn không để rủi ro xảy ra, chẳng hạn thông qua các sáng kiến của ngành và sự tham gia của chính phủ. → *xem Phụ lục, Hộp 6*
- h. Trong trường hợp doanh nghiệp có góp phần vào những tác động bất lợi hoặc rủi ro do đơn vị khác gây ra, doanh nghiệp cần thực hiện các bước cần thiết để chấm dứt hoặc ngăn ngừa việc đóng góp của mình như đã mô tả ở trên, đồng thời gài dựng và sử dụng ảnh hưởng của mình để giảm thiểu mọi tác động còn lại ở mức lớn nhất có thể. → *xem Phần 3.2 (c) – (e) và Phụ lục, Câu hỏi 34.*



CHẤM DỨT, NGĂN NGỪA VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG BẤT LỢI

- 3.2 Dựa trên ưu tiên của doanh nghiệp (xem Phần 2.4), xây dựng và thực hiện kế hoạch nhằm tìm cách ngăn chặn hoặc giảm thiểu các tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn đối với các vấn đề RBC liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp thông qua mối quan hệ kinh doanh. Đối với những rủi ro liên quan đến một mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp, đôi khi phản ứng phù hợp sẽ là: tiếp tục duy trì mối quan hệ đó trong suốt quá trình giảm thiểu rủi ro; tạm dừng quan hệ trong quá trình giảm thiểu rủi ro; hoặc, rút lui khỏi mối quan hệ đó sau khi những nỗ lực giảm thiểu không thành công, hoặc khi doanh nghiệp cho rằng việc giảm thiểu là không khả thi hoặc do mức độ nghiêm trọng của tác động bất lợi. Khi quyết định rút lui khỏi một mối quan hệ kinh doanh, cần tính đến các tác động bất lợi tiềm ẩn về kinh tế và xã hội. Các kế hoạch này phải nêu chi tiết các hành động mà doanh nghiệp sẽ thực hiện, cũng như các kỳ vọng của doanh nghiệp đối với nhà cung ứng, người mua và các mối quan hệ kinh doanh khác. → xem Phụ lục, Câu hỏi 34-40

HÀNH ĐỘNG THỰC TẾ

- a. Giao trách nhiệm xây dựng, thực hiện và giám sát các kế hoạch này.
- b. Hỗ trợ hoặc hợp tác với (các) mối quan hệ kinh doanh liên quan để xây dựng cho họ các kế hoạch phù hợp với mục đích để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các tác động bất lợi được xác định rõ ràng với các mốc thời gian hợp lý, sử dụng các chỉ số định tính và định lượng để xác định và đo lường sự cải tiến (đôi khi còn được gọi là "Kế hoạch hành động khắc phục"). → xem Phụ lục, Câu hỏi 38
- c. Sử dụng ảnh hưởng, trong chừng mực có thể, để thúc giục (các) quan hệ kinh doanh ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các rủi ro hoặc tác động bất lợi. → xem Phụ lục, Câu hỏi 36 và Câu hỏi 40
- d. Nếu doanh nghiệp không có đủ ảnh hưởng, hãy xem xét các cách thức tạo thêm ảnh hưởng với các mối quan hệ kinh doanh của mình, bằng cách tiếp cận với quản lý cấp cao và áp dụng các ưu đãi thương mại. Trong phạm vi có thể, hợp tác với các bên khác để xây dựng và sử dụng ảnh hưởng tập thể, ví dụ hợp tác trong các hiệp hội ngành hoặc thông qua sự tham gia với các chính phủ. → xem Phụ lục, Câu hỏi 37
- e. Để ngăn ngừa các tác động bất lợi tiềm ẩn (trong tương lai) và giải quyết các tác động thực tế, hãy tìm cách gây ảnh hưởng tới các mối quan hệ kinh doanh mới và hiện có, ví dụ: thông qua các chính sách hoặc quy tắc ứng xử, hợp đồng, thỏa thuận bằng văn bản hoặc sử dụng sức mạnh thị trường. → xem Phần II, 1.3 và Phụ lục, Câu hỏi 36
- f. Đối với tác động về quyền con người, khuyến khích các thực thể gây ra hoặc góp phần gây ra tác động bất lợi tham khảo ý kiến và phối hợp với các chủ thể quyền đang hoặc có khả năng bị ảnh hưởng hoặc đại diện của họ trong quá trình xây dựng và thực hiện các kế hoạch hành động khắc phục. → xem Phụ lục, Câu hỏi 8-Câu hỏi 11



CHĂM DỨT, NGĂN NGỪA VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG BẤT LỢI

- g. Hỗ trợ các nhà cung ứng liên quan và các mối quan hệ kinh doanh khác ngăn ngừa hoặc giảm thiểu rủi ro hoặc tác động bất lợi, ví dụ: thông qua đào tạo, nâng cấp cơ sở vật chất hoặc củng cố hệ thống quản lý, phân đầu đề liên tục cải thiện tốt hơn. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 38*
- h. Cân nhắc chấm dứt quan hệ với các nhà cung ứng hoặc mối quan hệ kinh doanh, coi đó là biện pháp cuối cùng sau nhiều thất bại của nỗ lực ngăn ngừa hoặc giảm thiểu tác động bất lợi; khi không thể khắc phục được tác động bất lợi; khi không thể thực hiện một thay đổi hợp lý; hoặc khi chủ thể gây ra tác động bất lợi hoặc rủi ro được nhận diện không hành động ngay để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu chúng. Bất kỳ kế hoạch rút lui nào cũng phải tính đến mức độ quan trọng của nhà cung ứng hoặc mối quan hệ kinh doanh đó đối với doanh nghiệp, các hệ lụy về mặt pháp lý của việc duy trì hoặc kết thúc quan hệ, việc rút lui có thể thay đổi tác động đó như thế nào, cũng như thông tin tin cậy về những tác động kinh tế xã hội bất lợi mà quyết định chấm dứt quan hệ có thể gây ra. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 39*
- i. Nếu quyết định duy trì quan hệ, doanh nghiệp nên chuẩn bị tính toán những nỗ lực giảm thiểu rủi ro đang diễn ra và tìm hiểu các rủi ro về uy tín, tài chính hoặc pháp lý của việc tiếp tục quan hệ.
- k. Khuyến khích các cơ quan hữu quan ở quốc gia nơi xảy ra tác động có những hành động nhất định, ví dụ: thanh tra, thực thi và áp dụng luật pháp và quy định hiện hành. → *xem Hộp 6*

4. THEO DÕI QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ

- 4.1 Theo dõi quá trình thực hiện và hiệu quả của các hoạt động thẩm định mà doanh nghiệp triển khai, nghĩa là các biện pháp mà doanh nghiệp áp dụng để nhận diện, ngăn ngừa, giảm thiểu và, nếu phù hợp, hỗ trợ việc khắc phục tác động, kể cả cùng với các mối quan hệ kinh doanh. Đổi lại, các bài học kinh nghiệm rút ra từ khâu theo dõi sẽ giúp cải thiện các quy trình này trong tương lai. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 41- Câu hỏi 45*

HÀNH ĐỘNG THỰC TẾ

- a. Giám sát và theo dõi quá trình thực hiện cũng như hiệu quả các cam kết, hoạt động và mục tiêu nội bộ của doanh nghiệp về thẩm định, ví dụ: bằng cách định kỳ đánh giá, kiểm toán nội bộ hoặc kiểm toán độc lập đối với kết quả đạt được và thông tin về kết quả ở các cấp liên quan trong doanh nghiệp.
- b. Thực hiện đánh giá định kỳ các mối quan hệ kinh doanh, để xác minh tính hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu rủi ro đang được áp dụng hoặc để xác nhận rằng các tác động bất lợi đã thực sự được ngăn ngừa hoặc giảm thiểu.
- c. Đối với các tác động về quyền con người mà doanh nghiệp có thể trực tiếp, gián tiếp hoặc góp phần gây ra, phải tìm cách trao đổi và tiếp xúc với các chủ thể quyền đang hoặc có khả năng bị ảnh hưởng, như người lao động, đại diện của người lao động và công đoàn. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 8-Câu hỏi 11*
- d. Tìm cách khuyến khích việc đánh giá định kỳ các sáng kiến đa bên và các sáng kiến ngành có liên quan mà doanh nghiệp tham gia, đảm bảo các sáng kiến đó tuân thủ Hướng dẫn này, cũng như nhận thức được giá trị của nó trong việc giúp doanh nghiệp nhận diện, ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các tác động bất lợi liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có tính đến tính độc lập của các sáng kiến được đánh giá. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 12*
- e. Xác định các tác động bất lợi hoặc rủi ro có thể đã bị bỏ sót trong quá trình thẩm định trước đây và đưa những tác động/rủi ro này vào kế hoạch trong tương lai.
- f. Tiếp thu những ý kiến phản hồi/các bài học kinh nghiệm trong hoạt động thẩm định của doanh nghiệp để cải thiện quy trình và kết quả thực hiện trong tương lai. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 44.*

5. THÔNG TIN VỀ CÁCH GIẢI QUYẾT TÁC ĐỘNG

5.1 Truyền đạt ra bên ngoài những thông tin liên quan về các chính sách, quy trình, hoạt động thẩm định đã được thực hiện để nhận diện và giải quyết các tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn, bao gồm cả những phát hiện và kết quả của các hoạt động đó. → *xem Phụ Lục, Câu hỏi 46-Câu hỏi 47*

HÀNH ĐỘNG THỰC TẾ

- a. Báo cáo công khai các thông tin liên quan về quy trình thẩm định, trên cơ sở bảo mật thương mại và cân nhắc các tiêu chí quan tâm khác về bảo mật hoặc cạnh tranh, ví dụ: thông qua các báo cáo hàng năm, báo cáo về tính bền vững hoặc trách nhiệm của doanh nghiệp hoặc thông qua các hình thức công bố thông tin phù hợp khác. Lồng ghép chính sách RBC, thông tin về các biện pháp RBC được thực hiện vào các chính sách và hệ thống quản lý, các lĩnh vực rủi ro đáng kể đã được nhận diện của doanh nghiệp, các tác động bất lợi hoặc rủi ro đáng kể đã được nhận diện và ưu tiên đánh giá, các tiêu chí ưu tiên, các hành động đã được thực hiện để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu những rủi ro đó, bao gồm cả mốc thời gian và tiêu chuẩn cơ sở để đo lường sự thay đổi và kết quả ước tính, các biện pháp theo dõi thực hiện và kết quả thực hiện, cũng như việc doanh nghiệp chuẩn bị hoặc hợp tác trong bất kỳ biện pháp khắc phục nào.
- b. Công bố thông tin trên một cách phù hợp và dễ truy cập, ví dụ: trên trang web của doanh nghiệp, tại địa điểm doanh nghiệp và bằng ngôn ngữ địa phương.
- c. Đối với các tác động về quyền con người mà doanh nghiệp gây ra hoặc liên đới gây ra, hãy chuẩn bị cung cấp các thông tin trên, một cách kịp thời, dễ tiếp cận và phù hợp về văn hóa, cho các chủ thể quyền đã hoặc có thể bị ảnh hưởng, nhất là khi có bên hay đại diện của họ đã từng bày tỏ quan ngại về vấn đề liên quan.
→ *xem Phần II, 2.4 và Phần II, 2.12*

6. CHỦ ĐỘNG KHẮC PHỤC HOẶC HỢP TÁC KHẮC PHỤC KHI PHÙ HỢP

- 6.1 Khi doanh nghiệp xác định rằng mình đã thực sự gây ra hoặc góp phần gây ra các tác động bất lợi, hãy xử lý các tác động đó bằng cách chủ động khắc phục hoặc hợp tác để khắc phục. → xem Phần 2.3 and Phụ lục, Câu hỏi 48-Câu hỏi 50

HÀNH ĐỘNG THỰC TẾ

- a. Tìm cách phục hồi trạng thái cho (những) người bị ảnh hưởng sao cho như chưa có tác động bất lợi xảy ra với họ (nếu có thể) và thực hiện biện pháp khắc phục tương xứng với mức độ và quy mô của tác động bất lợi.
- b. Tuân thủ luật pháp và các hướng dẫn quốc tế về khắc phục nếu có, và trong trường hợp không có các tiêu chuẩn hoặc hướng dẫn đó, hãy cân nhắc một biện pháp khắc phục phù hợp với quy định trong những trường hợp tương tự.
- c. Việc lựa chọn (các) biện pháp khắc phục phù hợp sẽ tùy thuộc vào bản chất và mức độ của tác động bất lợi. Đó có thể là lời xin lỗi, bồi thường hoặc phục hồi (ví dụ: phục hồi vị trí của công nhân bị sa thải, công nhận công đoàn vì mục đích thương lượng tập thể), bồi thường tài chính hoặc phi tài chính (ví dụ, thiết lập quỹ bồi thường cho nạn nhân, hoặc cho các chương trình giáo dục và tiếp cận trong tương lai), các biện pháp trừng phạt (ví dụ: sa thải nhân viên gây ra hành vi sai trái), áp dụng các biện pháp để ngăn ngừa các tác động bất lợi trong tương lai. → xem Phụ lục, Câu hỏi 50
- d. Đối với các tác động về quyền con người, trao đổi ý kiến và đàm phán với các chủ thể quyền bị ảnh hưởng và đại diện của họ để xác định biện pháp khắc phục phù hợp. → xem Phụ lục, Câu hỏi 8-Câu hỏi 11 và Câu hỏi 50
- e. Tìm cách đánh giá mức độ hài lòng của những người đã gửi khiếu nại thông qua cơ chế được quy định và (các) kết quả của nó.



CHỦ ĐỘNG KHẮC PHỤC HOẶC HỢP TÁC KHẮC PHỤC KHI PHÙ HỢP

- 6.2 Khi phù hợp, phải chủ động hoặc phối hợp với các cơ chế khắc phục hợp pháp mà qua đó các bên có quyền lợi liên quan/chủ thể quyền thường nêu ý kiến khiếu nại hoặc giải quyết khiếu nại với doanh nghiệp. Việc đưa các cáo buộc về tác động ra giải quyết tại một cơ chế khắc phục hợp pháp đặc biệt có tác dụng trong những trường hợp có bất đồng về việc liệu doanh nghiệp có gây ra hoặc góp phần gây ra tác động bất lợi đó không, hoặc về bản chất và phạm vi của biện pháp khắc phục.
- xem Phần II, 2.3 và Phụ lục, Câu hỏi 51-54

HÀNH ĐỘNG THỰC TẾ

- a. Hợp tác thiện chí với các cơ chế tư pháp hoặc phi tư pháp. Ví dụ: nếu một vụ việc cụ thể được trình lên NCP hoặc thông qua một sáng kiến khác có quy định về cơ chế khiếu nại liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Nếu tác động bất lợi thực tế xảy ra cấu thành một tội phạm hình sự hoặc vi phạm hành chính thì doanh nghiệp có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xử phạt hành chính.
- b. Thiết lập các cơ chế khiếu nại ở cấp hoạt động (OLGM), ví dụ cơ chế khiếu nại nội bộ trong doanh nghiệp dành cho người lao động hoặc các hệ thống giải quyết khiếu nại độc lập của bên thứ ba. Hành động này có thể bao gồm việc thiết lập một quy trình giải quyết khiếu nại với lộ trình khắc phục và giải quyết khiếu nại; các mốc thời gian giải quyết khiếu nại; các quy trình giải quyết khiếu nại trong trường hợp không đạt được thỏa thuận hoặc nếu tác động đặc biệt nghiêm trọng; xác định phạm vi nhiệm vụ của OLG; tham khảo ý kiến của các bên có quyền lợi liên quan về hình thức phù hợp của OLG và các phương thức giải quyết khiếu nại để tiếp cận và phù hợp về văn hóa; bố trí nhân sự và nguồn lực cho OLG; và theo dõi và giám sát hoạt động của OLG. Đối với các tác động về quyền con người, hãy điều chỉnh OLG theo tiêu chí cốt lõi về tính hợp pháp, khả năng tiếp cận, khả năng dự đoán, tính công bằng, khả năng tương thích với Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE, tính minh bạch và sự tham gia dựa trên đối thoại.
- c. Cùng với đại diện của người lao động và tổ chức công đoàn thiết lập một quy trình để người lao động có thể khiếu nại lên doanh nghiệp, chẳng hạn như thông qua các cơ chế giải quyết khiếu nại được nêu trong bất kỳ thỏa thuận tập thể nào hoặc thông qua các Thỏa thuận khung toàn cầu.





PHỤ LỤC: CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

CÁC VÍ DỤ VÀ GIẢI THÍCH VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Mục đích của Phần này là đưa ra các ví dụ và giải thích nội dung nhằm minh họa một số khuyến nghị trong Hướng dẫn của OECD về Thẩm định Hành vi Kinh doanh có trách nhiệm.

Phần này sẽ không làm phát sinh hoặc bổ sung bất cứ khuyến nghị mới nào liên quan tới các phương pháp tiếp cận thẩm định.



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Thẩm định được thực hiện nhằm giải quyết các tác động bất lợi thực tế hoặc tác động bất lợi có thể xảy ra (còn gọi là rủi ro) liên quan tới các chủ đề được nêu trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE, cụ thể là: quyền con người, trong đó có người lao động và quan hệ lao động, môi trường, tham nhũng và hối lộ, công bố thông tin, và quyền lợi người tiêu dùng. → xem Phần I, Tác động Bất lợi và Rủi ro

Câu hỏi 1. Hãy nêu một số ví dụ về tác động bất lợi đối với những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE?

BẢNG 2. VÍ DỤ VỀ TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐỐI VỚI NHỮNG CHỦ ĐỀ THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA BỘ HƯỚNG DẪN CỦA OECD DÀNH CHO MNE

CHỦ ĐỀ	VÍ DỤ VỀ TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ¹
Công bố thông tin ²	<ul style="list-style-type: none">• Không công bố thông tin trọng yếu về tình hình tài chính và kết quả hoạt động của doanh nghiệp; mục tiêu doanh nghiệp, sở hữu cổ phần lớn và quyền biểu quyết, chính sách đãi ngộ cho thành viên hội đồng quản trị và giám đốc điều hành chủ chốt, và thông tin về giao dịch của các thành viên hội đồng quản trị, các bên có quyền lợi liên quan, các yếu tố rủi ro có thể dự đoán, các vấn đề về người lao động và các bên có quyền lợi liên quan khác, cơ cấu và chính sách quản trị• Không cung cấp kịp thời cho công chúng và người lao động thông tin đầy đủ, có thể đo lường và kiểm chứng được (nếu có) về tác động tiềm ẩn mà hoạt động của doanh nghiệp có thể gây ra đối với khỏe và an toàn môi trường.

Quyền con người

- Lao động cưỡng bức.³
- Phân biệt đối xử về lương trong những công việc giống nhau hoặc công việc có cùng giá trị.
- Bạo lực giới và quấy rối bao gồm cả quấy rối tình dục.
- Không xác định và tương tác phù hợp với người bản địa khi có sự hiện diện của họ và họ có thể bị ảnh hưởng bởi những hoạt động của doanh nghiệp.
- Tham gia trả đũa xã hội dân sự và những người bảo vệ quyền con người, vì họ đã lên tiếng hoặc bằng cách nào đó đề cập tới tác động thực tế và tiềm ẩn của dự án tới quyền con người.
- Hạn chế sự tiếp cận người dân đối với nước sạch.



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

BẢNG 2. VÍ DỤ VỀ TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐỐI VỚI NHỮNG CHỦ ĐỀ THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA BỘ HƯỚNG DẪN CỦA OECD DÀNH CHO MNE

Lao động & quan hệ lao động

- Không tôn trọng quyền của người lao động trong việc thành lập hoặc gia nhập công đoàn hay tổ chức đại diện của người lao động mà họ tự chọn và quyền có tổ chức công đoàn/tổ chức đại diện mà mình tự chọn để tiến hành thương lượng tập thể. (OECD, 2011, Chương V, Đoạn 1.b)
- Không tham gia các cuộc thương lượng tập thể mang tính xây dựng, dù là với tư cách cá nhân hay thông qua các tổ chức của người sử dụng lao động, với đại diện của người lao động để đạt được thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện làm việc. (OECD, 2011, Chương V, Đoạn 1.b)
- Sử dụng lao động trẻ em, gồm cả hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất. (OECD, 2011, Chương V, Đoạn 1.c)
- Phân biệt đối xử đối với người lao động về việc làm hoặc nghề nghiệp vì các lý do chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, chính kiến, nguồn gốc quốc gia hoặc nguồn gốc xã hội, hoặc địa vị khác. (OECD, 2011, Chương V, Đoạn 1.e)
- Máy móc, thiết bị, thời gian làm việc, tổ chức công việc và quy trình làm việc không phù hợp với thể chất và tinh thần của người lao động. (OECD, 2011, Chương V, 1.e; ILO, 1981, No. 155)
- Không thay thế các chất độc hại bằng các chất vô hại hoặc ít độc hại hơn nếu có thể. (ILO, 1988, No.167)
- Trả lương không đáp ứng được nhu cầu cơ bản của người lao động và gia đình họ. (OECD, 2011, Chương V, Đoạn 4.b)
- Đe dọa chuyển toàn bộ hoặc một phần đơn vị hoạt động nhằm cản trở người lao động thành lập hoặc gia nhập công đoàn. (OECD, 2011, Chương V, Đoạn 7)

Môi trường

- Làm suy thoái hệ sinh thái do suy thoái đất, cạn kiệt nguồn nước và/hoặc phá hủy rừng nguyên sinh và đa dạng sinh học.
- Mức độ không an toàn của các mối nguy sinh học, hóa học hoặc vật lý trong các sản phẩm hoặc dịch vụ.
- Ô nhiễm nguồn nước (VD xả thải khi chưa có cơ sở hạ tầng xử lý nước thải thỏa đáng).



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

BẢNG 2. VÍ DỤ VỀ TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐỐI VỚI NHỮNG CHỦ ĐỀ THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA BỘ HƯỚNG DẪN CỦA OECD DÀNH CHO MNE

Hối lộ, Mua chuộc và Tổng tiền

- Hối lộ công chức để giành được hợp đồng mua sắm công.
- Hối lộ công chức nhà để được đối xử thuận lợi về thuế hoặc các đối xử ưu đãi khác hoặc để tiếp cận thông tin bí mật.
- Hối lộ công chức để được thông quan.
- Hối lộ công chức để xin được ủy quyền hoặc giấy phép.
- Bán sản phẩm cho các cơ quan chính phủ với giá cao để các công chức được hưởng một phần lợi nhuận.
- Hối lộ công chức để họ bỏ qua hoặc né tránh việc áp dụng quy định hoặc kiểm soát.
- Tặng quà, bữa ăn và chiêu đãi cho những người mà doanh nghiệp làm ăn cùng khi không được kiểm soát hoặc có hồ sơ đầy đủ.
- Nhận quà tặng từ các mối quan hệ kinh doanh hoặc công chức mà không có sự kiểm soát hoặc hồ sơ đầy đủ.

Quyền lợi người tiêu dùng

- Hàng hóa dịch vụ không đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn như thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật về sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng, bao gồm cả những tiêu chuẩn liên quan đến cảnh báo sức khỏe và thông tin an toàn. (OECD, 2011, Chương VIII, Đoạn 1).
- Không cung cấp đầy đủ các thông tin chính xác, có thể xác minh và rõ ràng để cho phép người tiêu dùng đưa ra quyết định sáng suốt, bao gồm thông tin về giá cả và hàm lượng, hướng dẫn sử dụng an toàn, các thuộc tính môi trường, bảo trì, lưu trữ và tiêu hủy hàng hóa và dịch vụ, khi thích hợp. (OECD, 2011, Chương VIII, Đoạn 2)
- Trình bày hoặc bỏ sót thông tin hay bất cứ thông lệ nào khác để lừa dối, gây nhầm lẫn, gian lận và không công bằng. (OECD, 2011, Chương VIII, Đoạn 4)

1. Đây là danh sách minh họa không đầy đủ. Các tác động bất lợi có thể do một doanh nghiệp gây ra hoặc góp phần gây ra, hoặc liên quan trực tiếp thông qua mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp đó.
2. Khái niệm nguy cơ tác động bất lợi có thể đặc biệt khó hiểu khi được sử dụng trong Chương “Công bố thông tin” của Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE. Khái niệm này chủ yếu liên quan đến các tác động tiềm ẩn đối với quản trị công ty, thị trường tài chính, nhà đầu tư và người lao động. Vì lý do đó, Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE đưa ra các nguyên tắc và tiêu chuẩn có thể được sử dụng để chuẩn hóa và theo dõi các hoạt động của doanh nghiệp.
3. Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền con người, Điều 4 và Điều 13; Tuyên bố của ILO về các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc.



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Thẩm định cũng phải được điều chỉnh thích ứng cho phù hợp với bản chất của tác động bất lợi đối với các vấn đề RBC, như quyền con người, môi trường và tham nhũng. Điều đó có nghĩa là sẽ phải thiết kế các phương pháp tiếp cận phù hợp với các rủi ro cụ thể, có tính tới mức độ tác động của rủi ro đó với các nhóm khác nhau, ví dụ như lồng ghép giới trong thẩm định nếu phù hợp. → Mục I, Đặc điểm của Thẩm định – Thẩm định phải tương xứng với rủi ro (dựa trên rủi ro)

Câu hỏi 2. Doanh nghiệp lồng ghép giới vào hoạt động thẩm định như thế nào?

Lồng ghép giới trong thẩm định có nghĩa là suy nghĩ xem liệu các tác động bất lợi thực tế hay tiềm ẩn đối với phụ nữ có khác biệt hoặc đặc thù không và nếu có thì khác biệt như thế nào.

→ **VÍ DỤ**, quan trọng là phải lưu ý tới các vấn đề giới và quyền con người của phụ nữ trong những tình huống phụ nữ có thể phải chịu những tác động không cân xứng:

- Trong bối cảnh phụ nữ phải đối mặt với sự phân biệt đối xử nghiêm trọng.
- Trong bối cảnh các hoạt động của doanh nghiệp tác động đáng kể đến nền kinh tế, môi trường và khả năng tiếp cận đất đai và sinh kế ở địa phương.
- Ở những khu vực xung đột và hậu xung đột.
- Trong các lĩnh vực và chuỗi cung ứng toàn cầu tuyển dụng nhiều lao động nữ, chẳng hạn như may mặc, điện tử, du lịch, chăm sóc sức khỏe và xã hội, việc nhà, nông nghiệp và hoa tươi.

Ngoài ra, lồng ghép giới còn bao gồm cả việc điều chỉnh khi thích hợp những hành động mà doanh nghiệp thực hiện để nhận diện, ngăn ngừa, giảm thiểu và giải quyết tác động đó nhằm đảm bảo tính hiệu quả và sự phù hợp của những hành động này

→ **VÍ DỤ**

- Thu thập và đánh giá dữ liệu phân tách giới và tìm hiểu xem liệu hoạt động của doanh nghiệp có tác động khác nhau đến nam giới và phụ nữ hay không.
- Xây dựng, thiết kế và đánh giá chính sách cũng như kế hoạch giảm thiểu và giải quyết các tác động bất lợi thực sự và tiềm ẩn đã được xác định có lồng ghép giới và nhạy cảm về giới.
- Xác định các mức độ dễ bị tổn thương trùng nhau/tích lũy (ví dụ lao động nữ bán địa, mù chữ, thất học).
- Xây dựng các hệ thống cảnh báo nhạy cảm về giới và bảo vệ người tố cáo.
- Hỗ trợ sự tham gia bình đẳng và có ý nghĩa của phụ nữ vào quá trình tham vấn và đàm phán.
- Đánh giá xem liệu phụ nữ có được hưởng lợi công bằng trong chi trả bồi thường hoặc các hình thức bồi thường khác hay không.



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

- Tư vấn cho phụ nữ khi không có hiện diện của nam giới và tạo không gian riêng để phụ nữ bày tỏ ý kiến và đóng góp ý kiến về các quyết định kinh doanh.
- Xác định các xu hướng và mô hình cụ thể về giới trong các tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn đã bị bỏ qua trong quá trình thẩm định.
- Đánh giá xem liệu các cơ chế giải quyết khiếu nại có nhạy cảm về giới không, có tính tới những rào cản hạn chế sự tiếp cận của phụ nữ với các cơ chế đó không.

Thẩm định có thể bao gồm cả việc xác lập ưu tiên (dựa trên rủi ro) – Khi việc giải quyết cùng một lúc mọi tác động đã được nhận diện là không khả thi, thì doanh nghiệp phải xác lập thứ tự ưu tiên hành động dựa trên khả năng xảy ra và mức độ nghiêm trọng của tác động bất lợi đó. → xem Phần I, Đặc điểm của Thẩm định – Thẩm định có thể bao gồm cả việc xác lập ưu tiên (dựa trên rủi ro)

Câu hỏi 3. Doanh nghiệp quyết định thứ tự ưu tiên như thế nào?

Như đã lưu ý trong Hướng dẫn, không phải lúc nào doanh nghiệp cũng có thể nhận diện và ứng phó ngay lập tức với tất cả các tác động bất lợi liên quan đến hoạt động và quan hệ kinh doanh của mình. Về mặt này, Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE cũng nêu rõ khi “số lượng các nhà cung ứng là rất lớn, khuyến khích các doanh nghiệp xác định những lĩnh vực chung mà rủi ro tác động bất lợi là đáng kể nhất và dựa trên đánh giá rủi ro này, xác định các nhà cung ứng sẽ được ưu tiên thẩm định”⁵. Doanh nghiệp có trách nhiệm giải quyết mọi tác động tiêu cực mà họ đã gây ra hoặc góp phần gây ra.

Mức độ đáng kể của một tác động bất lợi được hiểu là khả năng xảy ra và độ nghiêm trọng của tác động đó. Mức độ đáng kể của tác động sẽ được đánh giá theo quy mô, phạm vi và tính chất không thể khắc phục được.

Quy mô là mức độ nghiêm trọng của tác động đó bất lợi.

Phạm vi là tầm ảnh hưởng của tác động, ví dụ số lượng người đang và sẽ bị ảnh hưởng hoặc là mức độ thiệt hại về môi trường.

Tính chất không thể khắc phục là giới hạn đối với khả năng phục hồi của những con người bị ảnh hưởng và môi trường trở lại trạng thái tương đương với trước khi tác động bất lợi đó xảy ra.

Tính nghiêm trọng không phải là một khái niệm tuyệt đối mà nó phụ thuộc vào bối cảnh. Ví dụ minh họa cho các chỉ số về quy mô, phạm vi và tính chất không thể khắc phục của các tác động bất lợi mà Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE đề cập được trình bày trong Bảng 3. Các chỉ số này chỉ mang tính minh họa và thay đổi theo bối cảnh hoạt động.

5. OECD (2011), *Bình luận về các Chính sách chung*, Đoạn 16.



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

BẢNG 3. VÍ DỤ CÁC CHỈ SỐ VỀ QUY MÔ, PHẠM VI & TÍNH CHẤT KHÔNG THỂ KHẮC PHỤC

TÁC ĐỘNG BẤT LỢI	VÍ DỤ VỀ QUY MÔ	VÍ DỤ VỀ PHẠM VI	VÍ DỤ VỀ TÍNH CHẤT KHÔNG THỂ KHẮC PHỤC
Môi Trường	<ul style="list-style-type: none"> Mức độ tác động tới sức khỏe con người Mức độ thay đổi trong thành phần loài Cường độ sử dụng nước (% sử dụng trên tổng lượng nước có sẵn) Mức độ chất thải và hóa chất phát sinh (tấn, % phát sinh) 	<ul style="list-style-type: none"> Địa bàn tác động Số loài bị ảnh hưởng 	<ul style="list-style-type: none"> Mức độ và khả năng phục hồi của địa bàn tự nhiên Tổng thời gian phục hồi
Tham Nhũng	<ul style="list-style-type: none"> Số tiền hối lộ Thiệt hại về tính mạng hoặc cơ thể con người do hối lộ gây ra Tính chất hình sự của hành vi hối lộ Phạm vi tác động đối với thị trường, con người, môi trường và xã hội vì những quyết định được đưa ra do hối lộ Quy mô lợi nhuận thu được từ hối lộ 	<ul style="list-style-type: none"> Tần suất hối lộ Độ lớn của địa bàn hối lộ Số lượng và cấp bậc các quan chức, nhân viên và đại lý tham gia hối lộ Phạm vi hành vi liên quan tới hối lộ Số lượng các nhóm bị ảnh hưởng bởi những quyết định dựa trên hối lộ có thể nhận diện được 	<ul style="list-style-type: none"> Mức độ thiệt hại cho xã hội do thất thoát ngân sách công Khả năng các tác động bất lợi không thể khắc phục được có thể xảy ra do các hoạt động được thực hiện hoặc tạo điều kiện nhờ hối lộ
Lao động	<ul style="list-style-type: none"> Mức độ tác động tới sức khỏe của người lao động Vì phạm có liên quan tới một quyền cơ bản ở nơi làm việc không 	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng người lao động/nhân viên bị ảnh hưởng Tính chất hệ thống của tác động (VD: với một địa bàn nhất định, một ngành hay phân ngành) Mức độ ảnh hưởng không tương xứng tới các nhóm (VD người thiểu số, phụ nữ v.v...) 	<ul style="list-style-type: none"> Mức độ khắc phục ảnh hưởng (VD, bằng bồi thường, phục hồi chức vụ v.v...) Có thể khắc phục để người lao động được hưởng quyền như trước không Mức độ đại diện cách hiệu quả cho người lao động có quyền bị vi phạm vì bị đe dọa do thành lập hoặc tham gia thành lập công đoàn



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

BẢNG 3. VÍ DỤ CÁC CHỈ SỐ VỀ QUY MÔ, PHẠM VI & TÍNH CHẤT KHÔNG THỂ KHẮC PHỤC

TÁC ĐỘNG BẤT LỢI	VÍ DỤ VỀ QUY MÔ	VÍ DỤ VỀ PHẠM VI	VÍ DỤ VỀ TÍNH CHẤT KHÔNG THỂ KHẮC PHỤC
Quyền con người	Mức độ vi phạm quyền tiếp cận các nhu cầu cơ bản của cuộc sống hoặc quyền tự do (VD giáo dục, sinh kế...)	<ul style="list-style-type: none"> Số người bị ảnh hưởng % nhóm bị ảnh hưởng có thể nhận diện được 	<ul style="list-style-type: none"> Mức độ ảnh hưởng có thể được khắc phục (VD, bằng bồi thường, phục hồi chức vụ v.v...) Liệu những người bị ảnh hưởng có thể quay lại thực thi quyền của mình không
Cung cấp thông tin	<ul style="list-style-type: none"> Mức độ nghiêm trọng của việc cung cấp thông tin sai lệch và không thỏa đáng Phạm vi tác động đối với thị trường, con người, môi trường và xã hội vì những quyết định được đưa ra dựa trên các thông tin sai sự thật và không thỏa đáng 	<ul style="list-style-type: none"> Mức độ ra quyết định đưa ra dựa trên các thông tin sai sự thật và không thỏa đáng Số người bị ảnh hưởng (VD các bên có quyền lợi liên quan) Số nhóm bị ảnh hưởng bởi các quyết định được đưa ra dựa trên thông tin sai sự thật và không thỏa đáng có thể nhận diện được 	<ul style="list-style-type: none"> Mức độ mà việc thiếu thông tin hoặc thông tin sai sẽ dẫn tới các tổn thất tài chính không thể bù đắp và các tác động bất lợi không thể khắc phục
Quyền lợi người tiêu dùng	<ul style="list-style-type: none"> Mức độ tác động tới sức khỏe và sự an toàn của con người. Mức độ thiệt hại tài chính với người tiêu dùng 	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng người tiêu dùng bị ảnh hưởng Số nhóm người tiêu dùng bị ảnh hưởng có thể nhận diện được % các nhóm người tiêu dùng bị ảnh hưởng có thể nhận diện được 	Mức độ ảnh hưởng có thể được khắc phục (VD, bằng bồi thường, phục hồi chức vụ v.v...)

Bản thân Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE không cố gắng xếp hạng mức độ nghiêm trọng của các tác động bất lợi. Một tác động bất lợi không nhất thiết phải có thêm một đặc điểm nữa ngoài những đặc điểm trên (quy mô, phạm vi và tính chất không thể khắc phục) để được coi là 'nghiêm trọng', mặc dù thông thường nếu quy mô hoặc phạm vi tác động càng lớn thì tác động đó càng ít có 'khả năng khắc phục'.



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Các tác động bất lợi nào được coi là *đáng kể nhất* phụ thuộc vào đặc thù của từng doanh nghiệp, cũng như lĩnh vực và mối quan hệ kinh doanh của nó. Trong một số trường hợp, doanh nghiệp phải tự quyết định. Vì vậy, có thể doanh nghiệp sẽ cần phải tham khảo ý kiến của các bên có quyền lợi liên quan về cách thức cũng như lý do xác lập ưu tiên thông qua các chính sách RBC của doanh nghiệp. Việc thông tin công khai về cơ sở cũng như lý do đưa ra các quyết định ưu tiên sẽ có tác dụng xây dựng lòng tin vào phương pháp thẩm định của doanh nghiệp. Trong một số trường hợp, việc xác lập ưu tiên đôi khi là do yêu cầu của các nghĩa vụ pháp lý trong nước.

→ **VÍ DỤ**, một số quy định của pháp luật trong nước yêu cầu doanh nghiệp đến từ một quốc gia nhất định phải tiến hành thẩm định để phòng tránh và giải quyết các rủi ro liên quan tới nạn buôn người trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp hoặc tìm nguồn cung khoáng sản để tài trợ cho xung đột.

Mặc dù doanh nghiệp *nên ưu tiên* thẩm định dựa trên mức độ đáng kể của rủi ro, song việc doanh nghiệp có thể chọn phương án nào có sẵn để ứng phó với rủi ro còn phụ thuộc vào các giới hạn pháp lý và thực tiễn, chẳng hạn như khả năng của doanh nghiệp trong việc thay đổi hành vi các mối quan hệ kinh doanh của họ và ý nghĩa quan trọng của nhà cung ứng đó đối với doanh nghiệp. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 7 và Câu hỏi 34-Câu hỏi 40*

Câu hỏi 4. Cần xác lập thứ tự ưu tiên ở giai đoạn nào của quá trình thẩm định?

Thời điểm cần cân nhắc xác lập thứ tự ưu tiên là khi doanh nghiệp không thể nhận diện và giải quyết ngay lập tức mọi tác động bất lợi liên quan đến hoạt động và quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp. Việc cân nhắc các rủi ro hoặc tác động đáng kể sẽ được ưu tiên bao gồm hai giai đoạn: khi doanh nghiệp nhận diện tác động, và khi doanh nghiệp tìm cách ngăn ngừa và giảm thiểu tác động. Các tác động được ưu tiên phòng ngừa giảm thiểu cũng sẽ là những tác động cần được theo dõi để đảm bảo việc giải quyết triệt để. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 24, Câu hỏi 31, Câu hỏi 45 về việc ưu tiên trên thực tế*

Câu hỏi 5. Các tác động về quyền con người sẽ được ưu tiên khác như thế nào so với các tác động bất lợi khác?

Nhìn chung, việc ưu tiên các tác động về quyền con người sẽ phản ánh khuyến nghị trong Phần II, 2.4 của Hướng dẫn này. Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE quy định, đối với những tác động về quyền con người, mức độ nghiêm trọng sẽ là tiêu chí có sức nặng lớn hơn khả năng xảy ra. Do đó, khi xem xét ưu tiên, các doanh nghiệp nên bắt đầu từ những tác động nghiêm trọng nhất đối với quyền con người, trên cơ sở nhận thức rằng việc phản ứng chậm có thể ảnh hưởng đến khả năng khắc phục.

→ **VÍ DỤ**, nếu một tác động bất lợi tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến về tính mạng, thì tác động đó sẽ được ưu tiên xử lý ngay cho dù tác động đó khó có khả năng xảy ra (VD: thiết lập các biện pháp phòng ngừa thiệt hại và tính mạng trong trường hợp thiên tai tại công trình điện).



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Thẩm định cần phù hợp với hoàn cảnh doanh nghiệp – Bản chất và mức độ thẩm định có thể bị tác động bởi các yếu tố như quy mô của doanh nghiệp, bối cảnh hoạt động, mô hình kinh doanh, vị trí của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng và bản chất các sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp → xem Phần I, Đặc điểm của Thẩm định - Thẩm định cần phù hợp với hoàn cảnh doanh nghiệp

Câu hỏi 6. Làm thế nào để giải quyết các hạn chế về nguồn lực?

Thẩm định làm phát sinh các hệ lụy về nhân lực và tài chính. Mặc dù nguồn lực hạn chế có thể là thách thức đối với mọi doanh nghiệp, nhưng các doanh nghiệp nhỏ thường có ít nhân lực và vật lực hơn cho công tác thẩm định. Ngoài ra, doanh nghiệp nhỏ có thể linh hoạt hơn trong hoạch định và thực hiện chính sách, cũng như không phải xử lý nhiều kiểu tác động và nhiều loại quan hệ kinh doanh như doanh nghiệp lớn. Quy mô hoặc khả năng nguồn lực của doanh nghiệp không làm thay đổi trách nhiệm thẩm định của doanh nghiệp phù hợp với rủi ro, nhưng có thể ảnh hưởng đến cách doanh nghiệp thực hiện thẩm định. Các doanh nghiệp bị hạn chế về nguồn lực có thể phải hợp tác nhiều hơn trong thẩm định và có thể phải cẩn trọng hơn khi quyết định nhất là quyết định ưu tiên. Họ cũng có thể tận dụng các nguồn lực hiện có như sử dụng chính sách mẫu hoặc thông tin công khai về rủi ro trong một số chuỗi cung ứng nhất định và tìm kiếm hỗ trợ kỹ thuật từ các hiệp hội ngành nghề mà họ là thành viên. → xem thêm thông tin trong Bảng 4

Câu hỏi 7. Thẩm định cần phù hợp như thế nào với hoàn cảnh của doanh nghiệp?

Cách thức doanh nghiệp tiến hành thẩm định có thể bị chi phối bởi nhiều yếu tố: quy mô doanh nghiệp, bối cảnh hoạt động, mô hình kinh doanh, vị trí trong chuỗi cung ứng và tính chất của các sản phẩm và dịch vụ. → Xem một số ví dụ trong Bảng 4

BẢNG 4. VÍ DỤ VỀ CÁCH THỨC DOANH NGHIỆP ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH CHO PHÙ HỢP VỚI HOÀN CẢNH CỦA MÌNH

YẾU TỐ	VÍ DỤ
Quy mô doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none">• Một DNVVN có ảnh hưởng hạn chế với các nhà cung ứng, nguồn lực cũng không nhiều để nâng cao năng lực đáp ứng các yêu cầu RBC cho các nhà cung ứng, có thể cân nhắc thiết lập các quy trình sơ tuyến mạnh mẽ, theo đó chỉ những nhà cung ứng đáp ứng được các ngưỡng yêu cầu RBC cao mới được tham gia. Làm như vậy sẽ giúp các SME tiết kiệm được các nguồn lực cần thiết để nhận điện, giám sát hoặc ngăn ngừa các tác động sau khi nhà cung ứng đã tham gia.• Một công ty đa quốc gia có quy mô lớn và nhiều nhà cung ứng với những mối quan hệ kinh doanh đa dạng trong nhiều bối cảnh có rủi ro cao hơn, có thể dựa vào các văn phòng trong nước, cử nhân viên có trình độ và được đào tạo chịu trách nhiệm giám sát hoạt động thẩm định ở cơ sở.



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

BẢNG 4. VÍ DỤ VỀ CÁCH THỨC DOANH NGHIỆP ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH CHO PHÙ HỢP VỚI HOÀN CẢNH CỦA MÌNH

YẾU TỐ	VÍ DỤ
Bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp	Là một phần trong nỗ lực tương tác với các bên có quyền lợi liên quan, khi sử dụng nguồn cung ứng ở các khu vực có xung đột hoặc không an toàn, doanh nghiệp có thể phối hợp với các cơ quan viện trợ song phương (ví dụ: các cơ quan tài trợ), bởi những cơ quan này có phương tiện, khả năng tiếp cận và chuyên môn về các lĩnh vực này hoặc xã hội dân sự của khu vực đó, trong khi đó khi hoạt động ở các bối cảnh an toàn hơn, doanh nghiệp có thể tham gia trực tiếp với các bên có quyền lợi liên quan và chủ thể quyền đã hoặc có khả năng bị ảnh hưởng
Mô hình kinh doanh của doanh nghiệp	Đối với một doanh nghiệp phát triển cơ sở hạ tầng với các khoản đầu tư dài hạn vào các nền kinh tế đang phát triển, tương tác với chính phủ và giúp chính phủ giải quyết các vấn đề có tính hệ thống trong khu vực mà doanh nghiệp đang hoạt động cùng với các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro khác, có thể sẽ là phương pháp hiệu quả, là phương tiện để ngăn ngừa các tác động bất lợi liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp về lâu dài. Ngược lại, việc tài trợ ngân hàng cho một dự án ngắn hạn (ví dụ: nâng cấp cơ sở) ở một nền kinh tế đang phát triển để giải quyết các vấn đề mang tính hệ thống trong khu vực lại không phải là cách làm phù hợp, thay vào đó ngân hàng nên tập trung nỗ lực tiến hành đánh giá tác động của hoạt động cho vay đối với quyền con người, và qua đó điều chỉnh các điều khoản tài chính của mình cho phù hợp.
Vị trí của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng	Để xác định các rủi ro liên quan tới lao động trẻ em, doanh nghiệp hạ nguồn (ví dụ: nhà bán lẻ) có thể đánh giá các nhà cung ứng giữa nguồn để tìm hiểu xem các nhà cung ứng này thẩm định nhà cung ứng đầu nguồn của họ ra sao. Trong khi đó, một doanh nghiệp ở giữa chuỗi cung ứng có thể thiết lập khả năng truy xuất nguồn gốc đối với các bên quan hệ kinh doanh ở phía trên chuỗi, hoạt động trong lĩnh vực có mức độ rủi ro cao hơn để xác định rủi ro về lao động trẻ em. Trong cả hai trường hợp, lao động trẻ em đều được ưu tiên theo dõi, nhưng mỗi doanh nghiệp xác định rủi ro này theo cách khác nhau tùy vào vị trí của họ trong chuỗi cung ứng.
Tính chất sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp	Khác với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền thống, một doanh nghiệp cung cấp nền tảng trực tuyến cho các dịch vụ ngang hàng (chẳng hạn như nhà ở) không thể đánh giá tại chỗ các đơn vị điều hành riêng lẻ của mình (ví dụ: người cung cấp chỗ ở). Tuy nhiên, doanh nghiệp có thể thiết lập các cơ chế khiếu nại mạnh mẽ và các yêu cầu nghiêm ngặt để giám sát và ngăn các đơn vị điều hành không vi phạm quy tắc ứng xử và chính sách hoạt động của doanh nghiệp, qua đó hạn chế vi phạm và xử lý nhanh người vi phạm



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Thẩm định dựa trên các thông tin có được nhờ sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan – bên có quyền lợi liên quan là những người hoặc nhóm người có lợi ích bị ảnh hưởng do hoạt động của doanh nghiệp. → xem Phần I, Đặc điểm của Thẩm định – Dựa trên các thông tin từ bên có quyền lợi liên quan.

Câu hỏi 8. Bên có quyền lợi liên quan của doanh nghiệp là ai?

Bên có quyền lợi liên quan là những người hoặc nhóm có lợi ích đang hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của doanh nghiệp. Một hoạt động cụ thể của doanh nghiệp không thể ảnh hưởng tới tất cả những người và nhóm được coi là bên có quyền lợi liên quan. Do đó, điều quan trọng đối với doanh nghiệp là xác định các cá nhân và nhóm lợi ích liên quan tới một hoạt động cụ thể (các bên có quyền lợi liên quan trong hoạt động). Hơn nữa, thẩm định liên quan đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan đã phải chịu ảnh hưởng (các bên có quyền lợi liên quan bị ảnh hưởng) cũng như những người mà lợi ích chưa nhưng có thể sẽ bị ảnh hưởng (các bên có quyền lợi liên quan có thể bị ảnh hưởng). Ngoài ra, không phải tất cả các lợi ích đều quan trọng như nhau và không cần thiết phải đối xử như nhau với tất cả các bên có quyền lợi liên quan. Trong trường hợp lợi ích ở đây là quyền con người của một cá nhân hay tập thể (do các nhóm chẳng hạn như người bản địa nắm giữ) thì các bên có quyền lợi liên quan có quyền con người đang hoặc có thể bị ảnh hưởng có thể được gọi là “chủ thể quyền”.

Tùy doanh nghiệp và hoạt động của doanh nghiệp, bên có quyền lợi liên quan sẽ khác nhau.

→ **VÍ DỤ**, bên có quyền lợi liên quan bị ảnh hưởng hoặc có khả năng bị ảnh hưởng, và các chủ thể quyền có thể bao gồm:

- cộng đồng ở cấp địa phương, khu vực hoặc quốc gia
- người lao động và nhân viên gồm những người làm việc theo các thỏa thuận không chính thức trong chuỗi cung ứng và công đoàn
- người tiêu dùng hoặc người sử dụng sản phẩm cuối cùng

Ngoài ra, có những bên có quyền lợi liên quan mà sự tham gia của họ rất có ý nghĩa, chẳng hạn như:

- các NGO, tổ chức xã hội dân sự địa phương, các Cơ quan nhân quyền quốc gia (NHRI)
- các tổ chức dựa vào cộng đồng và những người bảo vệ quyền con người tại địa phương
- người cùng ngành
- chính quyền sở tại (địa phương, khu vực và quốc gia)
- các bên quan hệ kinh doanh
- nhà đầu tư/cổ đông

Doanh nghiệp có thể nhận diện được các bên có quyền lợi liên quan của mình bằng rất nhiều cách/hướng dẫn có sẵn (ví dụ: OECD, 2015).



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Trong những tình huống có một số lượng lớn các bên có quyền lợi liên quan hoặc chủ thể quyền bị ảnh hưởng hoặc có khả năng bị ảnh hưởng, thì doanh nghiệp có thể tiếp xúc với đại diện của những bên liên quan đáng tin cậy, đặc biệt khi việc tiếp xúc với các cá nhân có thể làm ảnh hưởng bất lợi tới một số quyền hoặc lợi ích tập thể nhất định.

→ **VÍ DỤ**, khi quyết định tái cơ cấu hoặc đóng cửa nhà máy, điều quan trọng là phải làm việc cùng tổ chức công đoàn, thay vì làm việc với cá nhân người lao động, để giảm thiểu tác động của quyết định này đối với công việc, vì quyền thành lập hoặc tham gia công đoàn và quyền thương lượng nói chung của người lao động là quyền con người được công nhận quốc tế.

Doanh nghiệp có thể ưu tiên tiếp xúc với các bên liên quan hoặc các chủ thể quyền bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất dù là đang hoặc sẽ. Mức độ tác động đối với các bên có quyền lợi liên quan hoặc các chủ thể quyền có thể là cơ sở quyết định mức độ tham gia.

Câu hỏi 9. Thế nào là sự “tham gia có ý nghĩa của bên có quyền lợi liên quan”?

- Sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan bao gồm các quá trình tương tác với các bên đó. Các bên có quyền lợi liên quan có thể tham gia, chẳng hạn, dưới hình thức các buổi họp, phiên điều trần hoặc tham vấn. Sự tham gia có ý nghĩa của các bên có quyền lợi liên quan được thể hiện bởi việc trao đổi thông tin hai chiều và phụ thuộc vào thiện chí của người tham gia ở cả hai bên⁶. Quá trình này cũng mang tính phản hồi liên tục, và trong nhiều trường hợp sự tham gia đó diễn ra trước khi đưa ra quyết định.
- Tham gia hai chiều nghĩa là doanh nghiệp và các bên có quyền lợi liên quan tự do bày tỏ ý kiến, chia sẻ quan điểm và lắng nghe các quan điểm khác nhau để đạt được sự hiểu biết lẫn nhau. Điều đó cũng có nghĩa là các bên có quyền lợi liên quan có cơ hội để hỗ trợ việc thiết kế và chủ động thực hiện các hoạt động tham gia.
- Cả doanh nghiệp và bên có quyền lợi liên quan đều phải có thiện chí trong các hoạt động tiếp xúc. Điều này có nghĩa là doanh nghiệp tham gia với mục đích thực sự là tìm hiểu xem hoạt động của mình ảnh hưởng thế nào tới ích của các bên liên quan. Điều đó có nghĩa là doanh nghiệp đã sẵn sàng để giải quyết các tác động bất lợi mà hoạt động của mình gây ra hoặc góp phần gây ra còn bên có quyền lợi liên quan có thể trung thực trình bày về những mối quan tâm, ý định và quan ngại của mình.
- Tham gia một cách chủ động nghĩa là doanh nghiệp phải cố gắng cùng cố cơ sở ra quyết định bằng cách tìm hiểu quan điểm của những người bị ảnh hưởng bởi quyết định đó. Điều quan trọng là phải lắng nghe ý kiến của các bên liên quan có thể sẽ bị ảnh hưởng trước khi đưa ra bất kỳ quyết định nào có thể ảnh hưởng đến họ⁷. Để làm điều này các bên liên quan và chủ thể quyền có thể sẽ bị ảnh hưởng phải cung cấp kịp thời tất cả thông tin cần thiết cho doanh nghiệp về tác động mà quyết định đó có thể gây ra với họ để doanh nghiệp đưa ra quyết định sáng suốt.

6. OECD (2011), *Bình luận về các Chính sách chung*, Đoạn 25.

7. Trong một số trường hợp, đây là một yêu cầu phải tuân thủ, ví dụ quyền được thông tin là một phần của quyền con người.



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Điều này cũng có nghĩa là phải theo dõi thường xuyên việc thực hiện các cam kết đã thỏa thuận, đảm bảo rằng tác động bất lợi đối với các bên liên quan/chủ thể quyền đang hoặc có thể bị ảnh hưởng đã được giải quyết bằng các biện pháp khắc phục nếu doanh nghiệp đã gây ra hoặc góp phần gây ra (các) tác động đó.

- Tham gia liên tục là việc các hoạt động tiếp xúc với bên có quyền lợi liên quan liên tục diễn ra trong suốt vòng đời của một hoạt động và không phải một lần.

Tham gia có ý nghĩa của bên có quyền lợi liên quan là hợp phần quan trọng của quá trình thẩm định.

Tuy nhiên, Hướng dẫn này không có ý định trình bày tổng quan và toàn diện về vấn đề này. Có nhiều tài nguyên có thể giúp doanh nghiệp thực hiện và giải quyết các thách thức thường gặp khi phải huy động sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan (VD: OECD, 2015c).

Câu hỏi 10. Khi nào sự tham gia của bên có quyền lợi liên quan đóng vai trò quan trọng trong thẩm định?

Trong quá trình thẩm định, sự tham gia có ý nghĩa của các bên có quyền lợi liên quan luôn là tiêu chí quan trọng. Sự tham gia đó có thể đặc biệt quan trọng trong những trường hợp sau:

- Khi doanh nghiệp đang xác định các tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn trong bối cảnh hoạt động của mình.
- Khi doanh nghiệp đang đánh giá các mối quan hệ kinh doanh của mình đối với các tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn.
- Khi doanh nghiệp đang chuẩn bị các biện pháp ứng phó ngăn ngừa và giảm thiểu đối với những rủi ro tác động bất lợi mà doanh nghiệp gây ra hoặc góp phần gây ra.
- Khi doanh nghiệp đang xác định các hình thức phù hợp để khắc phục những tác động bất lợi do doanh nghiệp gây ra hoặc góp phần, và khi thiết kế các quy trình để thực hiện các biện pháp khắc phục đó.
- Khi doanh nghiệp đang theo dõi và thông tin về việc giải quyết các tác động tiềm ẩn hoặc thực tế về quyền con người trong bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp.

Ngoài ra, trong một số trường hợp, sự tham gia hoặc tham vấn với các bên liên quan là một quyền tự thân của chính các bên liên quan⁸.

→ VÍ DỤ, quyền thành lập hoặc gia nhập tổ chức công đoàn hoặc quyền thương lượng tập thể right của người lao động là các quyền con người được công nhận quốc tế. Vì thế, điều quan trọng là phải huy động sự tham gia của tổ chức công đoàn hay đại diện người lao động khi tiếp xúc với người lao động về các vấn đề này. Hơn thế nữa, quan hệ lao động là một hình thức tham gia của bên có quyền lợi liên quan.

8. Ví dụ, Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về Quyền của Người bản địa quy định rằng các Quốc gia phải tham vấn và hợp tác với những người dân bản địa liên quan để có được sự đồng ý trước của họ trên cơ sở tự nguyện, được thông tin đầy đủ (FPIC) trong một số tình huống, bao gồm cả việc phê duyệt các dự án ảnh hưởng đến đất đai và lãnh thổ của họ hoặc các tài nguyên khác (xem Điều 19 và Điều 32). Công ước số 169 của ILO, có giá trị ràng buộc về mặt pháp lý đối với các quốc gia đã phê chuẩn, yêu cầu các quốc gia thành viên tham khảo ý kiến của người dân bản địa với mục tiêu đạt được thỏa thuận hoặc sự đồng ý của họ đối với các biện pháp được đề xuất (xem Điều 6).



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Đối với một số tác động bất lợi gây ra thiệt hại cho tập thể (VD, tham nhũng gây thiệt hại cho người dân địa phương ở nơi xảy ra tham nhũng, hoặc phát thải khí nhà kính góp phần gây ra những tác hại chung, xuyên biên giới), việc huy động sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan/chủ thể quyền đã hoặc có khả năng bị ảnh hưởng có thể không khả thi. Khi đó, doanh nghiệp có thể phối hợp với đại diện của các bên liên quan có uy tín hay các tổ chức được ủy nhiệm (VD các NGO, các cơ quan đại diện của nhà nước v.v...)

Ngoài các bên có quyền lợi liên quan, doanh nghiệp cũng có thể muốn tham khảo ý kiến của các chuyên gia về những vấn đề/bối cảnh cụ thể (VD: các đơn vị học thuật, các NGO, tổ chức địa phương) khi thiết kế và thực hiện các hoạt động thẩm định.

Câu hỏi 11. Doanh nghiệp có thể huy động sự tham gia của bên có quyền lợi liên quan là các nhóm dễ bị tổn thương như thế nào?

Đối với bên có quyền lợi liên quan là các nhóm dễ bị tổn thương, để đảm bảo sự tham gia hiệu quả của họ, điều quan trọng là phải nhận diện và tìm cách loại bỏ các rào cản tiềm ẩn đối với sự tham gia đó (VD: ngôn ngữ, văn hóa, mất cân bằng giới và quyền lực, chia rẽ trong cộng đồng, v.v...).

→ **VÍ DỤ**, chia sẻ thông tin bằng lời ở những nơi trình độ dân trí thấp.

Ngoài ra, một số cá nhân hoặc nhóm đối tượng có thể phải đối mặt với nguy cơ dễ bị tổn thương hoặc thiệt thòi rất cao, ví dụ do sự kỳ thị của xã hội. Thông thường, các bên dễ bị tổn thương nhất cũng sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi các hoạt động của doanh nghiệp. Ví dụ, hoạt động của doanh nghiệp có thể tác động nhiều hơn tới các bên liên quan là phụ nữ, trẻ em và các cộng đồng bị thiệt thòi về mặt xã hội, hoặc theo những cách khác nhau, và các đối tượng này có thể cần được lưu ý hơn khi thực hiện các hoạt động tham gia của các bên liên quan.

Có nhiều tài nguyên cung cấp thông tin về cách đối phó với các rào cản tiềm ẩn đối với việc huy động sự tham gia và tương tác với các nhóm bên liên quan dễ bị tổn thương cụ thể⁹.

Doanh nghiệp có thể hợp tác ở cấp độ ngành hoặc đa ngành cũng như với các bên có quyền lợi liên quan trong suốt quá trình thẩm định, dù vậy doanh nghiệp luôn là người chịu trách nhiệm đảm bảo tính hiệu quả của quá trình thẩm định. → xem Phần I, Đặc điểm của Thẩm định, Hộp 2

Câu hỏi 12. Doanh nghiệp có thể hợp tác như thế nào khi tiến hành thẩm định?

Doanh nghiệp có thể hợp tác với các bên khác để thực hiện nhiều khuyến nghị thẩm định trong Hướng dẫn, chẳng hạn với các tổ chức trong ngành, với công đoàn hoặc thông qua các sáng kiến đa bên.

→ **VÍ DỤ**, doanh nghiệp có thể hợp tác hoặc ký kết thỏa thuận trực tiếp với công đoàn để tạo điều kiện cho người lao động tham gia xây dựng và thực hiện các quy trình thẩm định, thực hiện các tiêu chuẩn về quyền của người lao động và khiếu nại. Các thỏa thuận với công đoàn có thể gồm nhiều hình thức và có thể được thực hiện tại nơi làm việc, doanh nghiệp, cấp ngành hoặc cấp quốc tế. Chúng bao gồm các thỏa thuận thương lượng tập thể, Thỏa thuận Khung Toàn cầu, các giao thức và biên bản ghi nhớ.

9. Tham khảo thêm, ví dụ, OECD (2016c), Phụ lục B-D.



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Hợp tác có thể mang lại lợi ích vì qua đó có thể tổng hợp kiến thức về các rủi ro và giải pháp trong ngành, tăng ảnh hưởng một cách khả thi với các mối quan hệ kinh doanh chung và nâng cao hiệu quả thẩm định cho tất cả, ví dụ thông qua việc ghi nhận các đánh giá hiện có về mối quan hệ kinh doanh và thông qua khuôn khổ báo cáo chung cho các mối quan hệ kinh doanh. Chia sẻ và tiết kiệm chi phí thường là lợi ích của các nỗ lực hợp tác trong lĩnh vực → *xem Phụ lục, Câu hỏi 18, Câu hỏi 27-Câu hỏi 28, Câu hỏi 37 và Hộp 5*

HỘP 3. QUẢN TRỊ TỐT CÁC SÁNG KIẾN HỢP TÁC THẨM ĐỊNH

Dưới đây là danh mục các ví dụ thực hành quản trị tốt có thể giúp doanh nghiệp đánh giá độ tin cậy của sáng kiến hợp tác mà mình có ý định tham gia.

Sáng kiến này:

- đã thiết lập được một cơ chế khiếu nại hoạt động tốt, dễ tiếp cận và hiệu quả cho phép các bên liên quan nêu lên những lo ngại liên quan đến các hoạt động trong phạm vi sáng kiến mà không sợ bị trả thù*
- có một quy trình cho phép tham vấn các bên có quyền lợi liên quan và các chuyên gia về các mục tiêu và hoạt động của sáng kiến.
- có một quy trình hiệu quả để thông báo kịp thời nội dung các tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn cho các doanh nghiệp tham gia nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động thẩm định của riêng họ.
- có một quy trình rà soát thường xuyên, bao gồm giám sát và đánh giá xem bản thân sáng kiến đó có đáp ứng được các mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể của chính mình không, khi cần thiết có thể bao gồm việc cập nhật các chính sách, hoạt động và bất kỳ hướng dẫn nào được cung cấp cho các doanh nghiệp tham gia.
- đã xem xét các khả năng phát sinh xung đột lợi ích thực tế hoặc tiềm ẩn giữa đội ngũ quản lý của sáng kiến và các công ty, và đã thiết lập được các quy trình quản lý xung đột lợi ích tiềm ẩn.
- công khai thông tin chi tiết về cơ cấu quản trị nội bộ, nhân sự, nguồn lực và cơ chế giám sát.
- báo cáo các đánh giá của sáng kiến về tiến độ đáp ứng các mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể liên quan đến các thực hành tìm nguồn cung ứng có trách nhiệm.
- cho phép công nhận lẫn nhau với các sáng kiến thẩm định khác, trên cơ sở áp dụng các biện pháp kiểm soát chất lượng phù hợp.

** Đây là cơ chế khiếu nại liên quan đến hoạt động của sáng kiến, chứ không phải cơ chế khiếu nại được tạo ra bởi sáng kiến, với mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan/chủ thể quyền bị ảnh hưởng và các thành viên của sáng kiến chủ động triển khai việc khác phục.*



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Việc doanh nghiệp tham gia một sáng kiến sẽ không làm dịch chuyển trách nhiệm của doanh nghiệp sang cho sáng kiến đối với các tác động bất lợi mà doanh nghiệp tạo ra, góp phần tạo ra hoặc liên quan trực tiếp.

Trong trường hợp doanh nghiệp tham gia hợp tác để thực hiện thẩm định thì trước tiên doanh nghiệp phải đánh giá chất lượng của sáng kiến mình sẽ tham gia. Điều này có thể bao gồm:

- Tìm hiểu quan điểm của các bên liên quan về độ tin cậy của sáng kiến.
- Đánh giá sự tin cậy của sáng kiến và các quy trình liên quan, nghĩa là liệu sáng kiến và các quy trình đó có phù hợp với các khuyến nghị trong Hướng dẫn này hay không.
- Đảm bảo áp dụng các phương pháp tiếp cận hợp tác phù hợp với doanh nghiệp theo những cách thức cần thiết để tiến hành thẩm định có hiệu quả
- Hợp tác tích cực.
- Áp dụng thông lệ quản trị tốt, khi tham gia các sáng kiến hợp tác chính thức. → *xem Hộp 3*

Câu hỏi 13. Hợp tác có thể làm phát sinh rủi ro theo luật cạnh tranh không?

Trong nhiều trường hợp, doanh nghiệp có thể hợp tác với các bên khác để tiến hành thẩm định mà không vi phạm luật cạnh tranh, doanh nghiệp khi tham gia các sáng kiến hợp tác thẩm định phải cùng sáng kiến hợp tác đó chủ động thực hiện các bước cần thiết để tìm hiểu các vấn đề liên quan tới luật cạnh tranh áp dụng tại quốc gia đó và tránh các hoạt động có thể bị coi là vi phạm luật cạnh tranh.

→ **VÍ DỤ** doanh nghiệp và sáng kiến hợp tác mà mình tham gia có thể:

- Tham khảo ý kiến của các cơ quan quản lý cạnh tranh, trong trường hợp nghi ngờ rằng một hành vi hay một hoạt động hợp tác cụ thể có thể bị coi là trái với luật cạnh tranh và do đó làm tăng rủi ro pháp lý.
- Thiết lập các biện pháp minh bạch liên quan tới sáng kiến hợp tác để giảm thiểu các lo ngại về cạnh tranh. Cơ quan quản lý cạnh tranh có thể sẽ nghi ngờ nếu các sáng kiến hoặc thỏa thuận giữa các đối thủ cạnh tranh được thực hiện hoàn toàn bí mật. Hơn nữa, minh bạch hóa có thể giúp đưa ra ánh sáng các vấn đề tiềm ẩn và nhờ đó đảm bảo giải quyết nhanh chóng các vấn đề đó.
- Xây dựng các chương trình tuân thủ chống độc quyền. Ở một số quốc gia, cơ quan quản lý cạnh tranh thường là cơ quan tham mưu về phương pháp thiết kế và thực thi tốt nhất các chương trình tuân thủ.



CÁC CÂU HỎI TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Mỗi quốc gia có các quy tắc khác nhau về những vấn đề luật cạnh tranh; tuy nhiên, có những vấn đề mang tính định hướng mà doanh nghiệp có thể cân nhắc khi đánh giá các quan ngại về sáng kiến RBC của mình theo luật cạnh tranh.

→ VÍ DỤ

- Việc hợp tác hoặc sáng kiến hợp tác có làm phát sinh thỏa thuận giữa các đối thủ cạnh tranh không?
- Việc hợp tác hoặc sáng kiến hợp tác có thể bị coi là vi phạm luật cạnh tranh không? (nghĩa là nó liên quan đến việc ấn định giá, gian lận giá thầu (thông đồng giữa các nhà thầu), hạn chế sản lượng và chia rẽ (hoặc chia sẻ) thị trường không?)
- Việc hợp tác hoặc sáng kiến hợp tác có gây tác động phản cạnh tranh không (nghĩa là tác động đến thị trường tiêu dùng do giá cao hơn hoặc hạn chế sự sẵn có của hàng hóa/dịch vụ), mặc dù hợp tác/sáng kiến đó không đặt ra mục tiêu hạn chế cạnh tranh?
- Về mặt cân bằng, liệu tác động ủng hộ cạnh tranh của hợp tác hoặc sáng kiến hợp tác đó có lớn hơn tác động phản cạnh tranh không?
- Việc hợp tác hoặc sáng kiến hợp tác này có tạo ra một lợi ích công cộng nào có thể được đưa vào hoặc làm ảnh hưởng tới một phép thử về tính cân bằng không? → Xem *Capobianco, Gillard và Bijelic, 2015*



CÁC CÂU HỎI LIÊN QUAN TỚI QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH

A.1 LỒNG GHÉP KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM VÀO CÁC CHÍNH SÁCH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Xây dựng, thông qua và phổ biến các chính sách lồng ghép các vấn đề RBC thể hiện cam kết của doanh nghiệp đối với các nguyên tắc và tiêu chuẩn nêu trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE, và các kế hoạch thẩm định của doanh nghiệp, phù hợp với đặc thù hoạt động, chuỗi cung ứng và các mối quan hệ kinh doanh khác của doanh nghiệp.

→ Xem Phần II, 1.1

Câu hỏi 14. Nội dung của chính sách RBC là gì?

→ Xem Phần II, 1.1

Như đã nêu trong Hướng dẫn, chính sách RBC của doanh nghiệp sẽ bao gồm những cam kết về các vấn đề được đề cập tới trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE, cùng với các cam kết chi tiết hơn về những rủi ro đáng kể nhất của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cũng có thể thông qua các chính sách RBC để giải thích cách ưu tiên trong thẩm định RBC (tức là tại sao một số rủi ro được coi là đáng kể hơn những rủi ro khác).

Các chính sách RBC cũng có thể quy định về phương thức triển khai trách nhiệm thẩm định của doanh nghiệp – phương pháp tiếp cận vấn đề thẩm định, sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan, và quy trình khắc phục. Doanh nghiệp cũng có thể trình bày những kỳ vọng của mình về việc thực hiện chính sách RBC đối với người lao động (là nhân viên, người lao động tạm thời và những người thực hiện các công việc khác cho doanh nghiệp) và mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp. → xem Phụ lục, Câu hỏi 18

Chính sách RBC của doanh nghiệp cũng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh hoạt động địa phương.

Ví dụ, công ty con của một MNE lớn hoạt động ở một quốc gia với nhiều rủi ro lao động đặc thù có thể điều chỉnh các chính sách RBC của công ty mẹ để xử lý những vấn đề đặc thù trong bối cảnh hoạt động của nó.

Câu hỏi 15. Chuyên môn cần thiết để xây dựng chính sách RBC là gì?

→ xem Phần II, 1.1

Các sáng kiến ngành hoặc sáng kiến nhiều bên có thể dựa trên những chính sách mẫu rất tốt đã có sẵn của nhiều lĩnh vực khác nhau. Một doanh nghiệp có thể chọn cách áp dụng các chính sách mẫu đó hoặc điều chỉnh chính sách mẫu cho phù hợp với đặc thù của mình, song, với điều kiện là doanh nghiệp phải thực hiện các khuyến nghị nêu trong Phần II, 1.1 của Hướng dẫn này và các chính sách đó phải phù hợp với lĩnh vực hoặc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.¹⁰

Tham vấn bên có quyền lợi liên quan có thể giúp doanh nghiệp xây dựng chính sách RBC. Điều này đặc biệt có tác dụng trong những tình huống khi không có luật mẫu nào đủ mạnh và phù hợp để áp dụng. Doanh nghiệp có thể tham khảo hướng dẫn của các tổ chức người sử dụng lao động, các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức NGO, hay sáng kiến của các bên liên quan để xây dựng chính sách này. → xem Phụ lục, Câu hỏi 8-11

Việc huy động các đơn vị liên quan trong doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng chính sách có thể giúp doanh nghiệp nhận diện được các phương thức tiếp cận thực tế và hiệu quả để thực thi chính sách. → xem Phụ lục, Câu hỏi 16

10. Ví dụ, OECD (2016a), “Chính sách mẫu về Chuỗi cung ứng Toàn cầu có Trách nhiệm đối với khoáng sản từ các khu vực có xung đột và rủi ro cao”. Xem thêm, OECD (2017a), “Chính sách mẫu của doanh nghiệp về các chuỗi cung ứng có trách nhiệm trong nông nghiệp”.



LỒNG GHÉP KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM VÀO CÁC CHÍNH SÁCH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Tìm cách đưa các chính sách RBC của doanh nghiệp vào các cơ quan giám sát của doanh nghiệp. Đưa các chính sách RBC của doanh nghiệp vào các hệ thống quản lý để các chính sách đó được thực hiện như một phần của quá trình kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, có tính đến sự độc lập, tự chủ và cơ cấu pháp lý của các cơ quan này theo quy định của luật pháp và quy định trong nước. → xem Phần II, 1.2

Câu hỏi 16. Khi xây dựng hoặc điều chỉnh mục tiêu chính sách RBC của doanh nghiệp, cần cân nhắc các nhóm/đơn vị kinh doanh nào?

→ xem Phần I, Đặc điểm của Thẩm định- Nội dung Cơ bản; Phần II, 1.2

Sự liên kết giữa các nhóm/đơn vị kinh doanh trên thực tế sẽ phụ thuộc nhiều vào các đặc điểm cụ thể của doanh nghiệp như bản chất hoạt động, quy mô và tính chất của các rủi ro cụ thể mà doanh nghiệp phải đối mặt. Doanh nghiệp có thể cân nhắc xem những đơn vị kinh doanh nào của mình có thể tác động đến việc tuân thủ chính sách RBC của doanh nghiệp để trên cơ sở đó xem xét điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp.

Các nhóm/đơn vị này có thể bao gồm:

- Những bộ phận có thẩm quyền ra quyết định cấp cao về doanh nghiệp (VD hội đồng quản trị và lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp).
- Những bộ phận phụ trách hoạt động tuân thủ (như: các phòng ban pháp lý, tuân thủ, nhân sự, môi trường, quản lý cấp hoạt động).
- Những bộ phận có thẩm quyền quyết định về các mối quan hệ kinh doanh mới (như: bộ phận tìm nguồn cung ứng, mua sắm, bán hàng, quản lý quỹ đầu tư.) → xem Bảng 5
- Những bộ phận phát triển hoặc giám sát sản phẩm và hoạt động liên quan đến rủi ro (như: các cán bộ thiết kế sản phẩm, đầu mối vận hành và kỹ thuật).
- Những bộ phận chịu trách nhiệm bán hàng và tiếp thị sản phẩm hoặc dịch vụ.

Các đơn vị này có thể cũng trực tiếp tham gia thực hiện các bước thẩm định (chẳng hạn như phát triển chính sách RBC và thực hiện các hệ thống quản lý hoặc nhận diện hoặc ngăn ngừa và giảm thiểu tác động).

Tùy vào cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, điều quan trọng là phải đảm bảo chính sách RBC của các chi nhánh, các đơn vị nhượng quyền thương mại hoặc các văn phòng địa phương của doanh nghiệp phù hợp với các cam kết và quy trình cốt lõi, mặc dù các đơn vị này có thể điều chỉnh chính sách RBC của mình cho phù hợp với bối cảnh địa phương. → xem Phụ lục, Câu hỏi 14.



LỒNG GHÉP KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM VÀO CÁC CHÍNH SÁCH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ

BẢNG 5. VÍ DỤ VỀ CÁC PHÒNG BAN HOẶC CHỨC NĂNG CÓ THỂ LIÊN QUAN TỚI HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH

PHÒNG BAN VÀ/HOẶC CHỨC NĂNG	CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN*
Tính bền vững, CSR, Tìm nguồn cung ứng có đạo đức	Có thể rất nhiều hoặc thậm chí toàn bộ các vấn đề nêu trong Bộ hướng dẫn của OECD dành cho MNE vì các phòng ban/chức năng này thường là các bộ phận chủ trì/đầu mối/điều phối về RBC
Môi trường và/hoặc xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Môi trường Sức khỏe và an toàn Quyền con người Các vấn đề xã hội khác mà không phòng ban/chức năng nào khác giải quyết
Nhân sự	<ul style="list-style-type: none"> Việc làm và quan hệ lao động An toàn và sức khỏe lao động Quyền con người Tuyển dụng
Đại diện người lao động, đại diện công đoàn	<ul style="list-style-type: none"> Việc làm và quan hệ lao động An toàn và sức khỏe lao động Quyền con người
Điều hành, sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> Môi trường Việc làm và quan hệ lao động Quyền con người Bảo vệ người tiêu dùng
Pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ pháp luật Việc làm và quan hệ lao động Chống hối lộ & tham nhũng Quyền con người Bảo vệ người tiêu dùng Cung cấp thông tin Ký hợp đồng với các mối quan hệ kinh doanh
Tuân thủ, đạo đức/liêm chính	<ul style="list-style-type: none"> Các vấn đề tuân thủ nói chung Chống hối lộ & tham nhũng
Mua sắm, chuỗi cung ứng, quan hệ kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Toàn bộ các vấn đề nêu trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE trong chuỗi cung ứng và các bên quan hệ kinh doanh Sàng lọc, ký hợp đồng và giám sát chuỗi cung ứng/các bên quan hệ kinh doanh trong những vấn đề này



LỒNG GHÉP KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM VÀO CÁC CHÍNH SÁCH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ

BẢNG 5. VÍ DỤ VỀ CÁC PHÒNG BAN HOẶC CHỨC NĂNG CÓ THỂ LIÊN QUAN TỚI HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH

PHÒNG BAN VÀ/HOẶC CHỨC NĂNG	CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN *
Tiếp thị và bán hàng	<ul style="list-style-type: none">• Quyền con người• Bảo vệ người tiêu dùng• Cung cấp thông tin
Phát triển cộng đồng	<ul style="list-style-type: none">• Tiếp xúc với bên có quyền lợi liên quan• Môi trường• Sức khỏe và an toàn của cộng đồng• Quyền con người• Cung cấp thông tin
Đối ngoại, báo cáo	<ul style="list-style-type: none">• Tiếp xúc với bên có quyền lợi liên quan• Cung cấp thông tin
Quản lý rủi ro	<ul style="list-style-type: none">• Có thể là mọi vấn đề
Kiểm toán	<ul style="list-style-type: none">• Có thể là mọi vấn đề
Quản lý cấp cao	<ul style="list-style-type: none">• Có thể là mọi vấn đề
Hội đồng quản trị/Chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none">• Có thể là mọi vấn đề

* Đây là danh sách minh họa không đầy đủ các vấn đề trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE mà các phòng ban/chức năng có thể nên xem xét khi thực hiện vai trò của mình trong thẩm định hoặc khi đóng góp chuyên môn

Câu hỏi 17. Vai trò đảm bảo lồng ghép RBC của hội đồng quản trị và quản lý doanh nghiệp khác nhau như thế nào?

Nhìn chung, Hội đồng quản trị thường tham gia phê duyệt các chính sách RBC của doanh nghiệp. Họ cũng có thể đóng góp vào quá trình ra quyết định về một chiến lược kinh doanh có thể ảnh hưởng đến RBC. Ngoài ra, họ có thể can thiệp nếu các chính sách RBC không được thực hiện và yêu cầu ban quản lý có biện pháp. Việc chỉ định (các) thành viên hội đồng quản trị có chuyên môn và chịu trách nhiệm về RBC sẽ rất có ích. Về điều này, Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD đã thừa nhận rằng một trách nhiệm quan trọng mà hội đồng quản trị một doanh nghiệp đại chúng phải đảm nhận là giám sát hệ thống quản lý rủi ro và các hệ thống được thiết kế để đảm bảo sự tuân thủ của công ty với luật pháp hiện hành về thuế quan, cạnh tranh, lao động, môi trường, cơ hội bình đẳng, chống tham nhũng và an toàn và sức khỏe (OECD, 2015a, Ch.VI). Mặt khác, ban quản lý doanh nghiệp sẽ chịu trách nhiệm phát triển một chiến lược để đảm bảo việc thực thi chính sách RBC.

Trong khi hội đồng quản trị và ban quản lý doanh nghiệp có các vai trò khác nhau, trên thực tế, nhân sự quản lý cấp cao có thể đóng một vai trò kép khi đồng thời là thành viên hội đồng quản trị doanh nghiệp.



LỒNG GHÉP KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM VÀO CÁC CHÍNH SÁCH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Lồng ghép các kỳ vọng và các chính sách về RBC khi làm việc với các nhà cung ứng và các mối quan hệ kinh doanh khác. → xem Phần II, 1.3

Câu hỏi 18. Có thể ấn định các yêu cầu về RBC với các mối quan hệ kinh doanh không?

→ xem Phần II, 1.3

Các chính sách RBC của doanh nghiệp có thể nêu rõ những kỳ vọng của doanh nghiệp đối với các mối quan hệ kinh doanh. Ngoài ra, có thể thực hiện các biện pháp khác để đảm bảo những kỳ vọng này sẽ trở thành một phần cố định của các mối quan hệ kinh doanh đó.

→ **VÍ DỤ**, như đã nêu trong Hướng dẫn, khi bắt đầu một mối quan hệ kinh doanh mới, doanh nghiệp có thể truyền đạt những kỳ vọng của mình cho họ và thỏa thuận về điều này thông qua các văn kiện hoặc thỏa thuận chính thức (VD: thông qua bộ quy tắc ứng xử cho các nhà cung ứng, các hợp đồng liên doanh, thư gửi các đơn vị được đầu tư, v.v.). Nội dung của các thỏa thuận hoặc văn kiện nói trên có thể bao gồm:

- Kỳ vọng về việc mối quan hệ kinh doanh sẽ tuân thủ các tiêu chuẩn nêu trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE và/hoặc Hướng dẫn này hoặc các tiêu chuẩn đã được điều chỉnh cho phù hợp.
- Kỳ vọng về tính minh bạch, các quy tắc giám sát và báo cáo của mối quan hệ kinh doanh.
- Nêu cụ thể kỳ vọng và mức độ kỳ vọng của doanh nghiệp về việc các mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp cũng sẽ truyền đạt và đặt ra các yêu cầu tương tự đối với đối tác của họ thông qua chuỗi cung ứng hoặc chuỗi giá trị.
- Các lý do chấm dứt hợp đồng do không đáp ứng được những kỳ vọng trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE.

Các phòng ban chịu trách nhiệm quyết định về các quan hệ kinh doanh mới có thể cân nhắc các tiêu chí RBC trước khi tham gia quan hệ kinh doanh đó. Việc cân nhắc này có thể được thực hiện thông qua một quy trình sơ tuyển, các tiêu chí đấu thầu hay các tiêu chí sàng lọc có lồng ghép các vấn đề RBC.

Nhiều khi, một mối quan hệ kinh doanh (chẳng hạn như nhà cung ứng) cũng có nhiều khách hàng và có thể cung cấp dịch vụ, sản phẩm trong nhiều lĩnh vực. Vì vậy, khi đặt ra kỳ vọng riêng cho các nhà cung ứng/các bên quan hệ kinh doanh với mình, doanh nghiệp cũng phải tính đến khả năng xung đột của những kỳ vọng đó với chính những yêu cầu mà khách hàng/ đối tác của mối quan hệ kinh doanh này đặt ra, nếu không, trong một số trường hợp, điều đó sẽ tạo thêm gánh nặng hoặc rất khó thực thi. Doanh nghiệp có thể giải quyết vấn đề này bằng cách:

- Điều chỉnh hoạt động thẩm định chuỗi cung ứng của mình cho phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn ngành.
- Hợp tác với các công ty khác trong ngành để đặt ra các kỳ vọng chung đối với các mối quan hệ kinh doanh, kể cả thông qua các chính sách chung về RBC và các khung báo cáo. → xem Phụ lục, Câu hỏi 12
- Cùng với mối quan hệ kinh doanh tìm cách giảm bớt các yêu cầu xung đột và đơn giản hóa các yêu cầu đó đối với khách hàng, đồng thời nêu cụ thể các sáng kiến, chính sách và chương trình công nhận lẫn nhau.

A.2 XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐI KÈM VỚI HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

Thực hiện một bài tập đại cương về xác định phạm vi để nhận diện tất cả các lĩnh vực của doanh nghiệp, trong toàn hoạt động và các quan hệ làm ăn của doanh nghiệp, kể cả trong các chuỗi cung ứng, nơi rủi ro RBC có nhiều khả năng xuất hiện nhất và đáng kể nhất.

→ xem Phần II, 2.1

Câu hỏi 19. Thế nào là xác định phạm vi và mức độ bài tập xác định phạm vi của doanh nghiệp?

→ xem Phần II, 2.1

Xác định phạm vi là bước đầu tiên của quá trình nhận diện các vấn đề tổng quát về rủi ro đáng kể trong hoạt động (VD: các hoạt động và dòng sản phẩm) cũng như các mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp (ở mọi giai đoạn trong chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị). Xác định phạm vi được thiết kế tổng quát như một bài tập bước đầu nhằm tạo điều kiện cho việc xác định ưu tiên sau này. Mặt khác, Đánh giá (Phần II, 2.2) là bước chuyên sâu hơn nhằm nhận diện và đánh giá các rủi ro được ưu tiên của một hoạt động hay quan hệ kinh doanh cụ thể. → xem Phụ lục, Câu hỏi 23-Câu hỏi 28

Phương thức xác định quy mô thực tế nhất là quy mô của những rủi ro liên quan tới các mối quan hệ kinh doanh sẽ rất khác nhau phụ thuộc vào đặc điểm của doanh nghiệp.

→ **VÍ DỤ**, một tổ chức đầu tư sẽ thuê các dịch vụ nghiên cứu thị trường hay dùng các nguồn lực bên ngoài (như báo cáo của tổ chức xã hội dân sự, truyền thông v.v...) để xác định quy mô rủi ro trong danh mục đầu tư của mình, trong khi đó một nhà bán lẻ sẽ vẽ sơ đồ cấu trúc chuỗi cung ứng của mình và xác định những lĩnh vực rủi ro chung dựa trên các yếu tố cụ thể về địa lý, ngành nghề, sản phẩm và doanh nghiệp.

Tuy nhiên, nếu (thông qua các báo cáo, qua tương tác với các bên có quyền lợi liên quan, cơ chế khiếu nại) doanh nghiệp nhận thấy một dòng hay một bộ phận sản phẩm có chứa rủi ro cụ thể, thì quan trọng là doanh nghiệp phải xem xét thông tin đó cùng các thông tin khác nữa thu thập được trong bài tập xác định mục tiêu.

HỢP 4. ĐÂY LÀ VỊ TRÍ PHÙ HỢP CỦA BẢN ĐỒ CHUỖI CUNG ỨNG TRONG QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU VÀ ĐÁNH GIÁ?

Trong quá trình xác định phạm vi, điều quan trọng là doanh nghiệp phải lập bản đồ hoạt động chung và cấu trúc chuỗi cung ứng của mình để xác định các hoạt động, khu vực địa lý, sản phẩm hoặc mối quan hệ kinh doanh có rủi ro cao hơn. Khi tập trung vào các lĩnh vực rủi ro cao hơn này, doanh nghiệp có thể lập bản đồ chi tiết hơn về những mối quan hệ kinh doanh riêng lẻ thực tế của mình để xác định cụ thể hơn những mối quan hệ sẽ được đánh giá thêm. (Xem tiếp trang sau)



XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐI KÈM VỚI HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

HỢP 4. ĐÂY LÀ VỊ TRÍ PHÙ HỢP CỦA BẢN ĐỒ CHUỖI CUNG ỨNG TRONG QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU VÀ ĐÁNH GIÁ

Ví dụ, một doanh nghiệp ô tô, khi xác định phạm vi, có thể nhận thấy pin là bộ phận có khả năng chứa nhiều rủi ro đáng kể hơn các bộ phận khác, dựa trên thông tin chuyên ngành đã biết. Tại thời điểm này, doanh nghiệp khó có thể có thông tin chi tiết về các nhà cung ứng phụ và nước xuất xứ cụ thể để bắt đầu đánh giá chi tiết về chuỗi cung ứng pin của mình. Thay vào đó, trước tiên, họ sẽ phải tìm cách thu thập thông tin bổ sung về nơi chế tạo pin trên thực tế, lập bản đồ các giai đoạn rủi ro cao trong chuỗi cung ứng của các sản phẩm này, các nước xuất xứ có thể của vật liệu trong pin, và chất lượng cũng như đặc điểm tính của bất cứ hoạt động thăm định nào đã được các nhà cung ứng phụ có rủi ro cao đã thực hiện trước đó. Chỉ khi đó, doanh nghiệp mới có thể bắt đầu tính tới việc xác định các mối quan hệ kinh doanh riêng lẻ để ưu tiên đánh giá sâu hơn và biện pháp xử lý. A

Ví dụ, sau khi xem xét các dòng sản phẩm của mình, một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực da giày có thể nhận thấy giày da của mình có rủi ro đáng kể về vấn đề lao động và môi trường liên quan đến quá trình thuộc da. Sau đó, doanh nghiệp có thể lập bản đồ các mối quan hệ kinh doanh cụ thể (ví dụ: xưởng thuộc da) liên quan đến quá trình sản xuất sản phẩm da của mình để nhận diện và ưu tiên đánh giá sâu hơn đối với các nhà cung ứng riêng lẻ hoạt động ở những đại bàn có rủi ro cao hơn.

Câu hỏi 20. Rủi ro ngành/lĩnh vực, sản phẩm, địa lý và rủi ro cấp doanh nghiệp là gì?

→ xem Phần II, 2.1

Việc cân nhắc các rủi ro của ngành, sản phẩm, địa lý và rủi ro cấp doanh nghiệp có thể có tác dụng trong việc xác định phạm vi của rủi ro trong hoạt động của một doanh nghiệp cũng như trong các mối quan hệ kinh doanh của nó. Các rủi ro này được xác định dựa trên những tác động của nó trong quá khứ và những vấn đề mới nổi.

- Rủi ro ngành là những rủi ro phổ biến của một ngành trên quy mô toàn cầu do đặc điểm của ngành, các hoạt động, sản phẩm và quy trình sản xuất của ngành đó. Ví dụ, lĩnh vực khai thác mỏ thường đi kèm với các rủi ro vì hậu quả để lại cho môi trường rất lớn và tác động đến cộng đồng địa phương. Trong lĩnh vực may mặc và da giày, các rủi ro liên quan đến quyền công đoàn, sức khỏe và an toàn lao động cũng như mức lương thấp là những rủi ro phổ biến nhất.¹¹

11. Xem OECD(2017a) để tìm hiểu thêm về các rủi ro trong lĩnh vực dệt may và da giày; tham khảo OECD (2016c) để tìm hiểu thêm về các rủi ro liên quan tới lĩnh vực khai thác khoáng sản.



XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐI KÈM VỚI HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

- Rủi ro sản phẩm là những rủi ro liên quan đến đầu vào hoặc quy trình sản xuất được sử dụng để phát triển hoặc sử dụng các sản phẩm cụ thể. Ví dụ, các sản phẩm may mặc có đính cườm hoặc thêu ren có nguy cơ cao hơn trong việc sử dụng lao động phi chính thức và công việc bấp bênh, trong khi đồ điện thoại và máy tính có thể chứa các thành phần có khả năng được khai thác từ các địa bàn xung đột.
- Rủi ro địa lý là các điều kiện ở một quốc gia cụ thể có thể làm cho rủi ro ngành dễ xảy ra hơn. Các yếu tố rủi ro địa lý thường có thể được phân thành các nhóm rủi ro liên quan tới khuôn khổ pháp lý (ví dụ: sự phù hợp với các công ước quốc tế), quản trị (ví dụ năng lực của thanh tra, pháp quyền, mức độ tham nhũng), bối cảnh kinh tế xã hội (ví dụ, tỷ lệ đói nghèo và giáo dục, tính dễ bị tổn thương và phân biệt đối xử của các nhóm dân cư cụ thể) và bối cảnh chính trị (ví dụ: có xung đột).
- Rủi ro cấp doanh nghiệp là rủi ro liên quan đến một doanh nghiệp cụ thể như quản trị yếu kém, có lịch sử hoạt động không tôn trọng đầy đủ quyền con người, quyền lao động, các tiêu chuẩn chống tham nhũng, tiêu chuẩn môi trường hoặc chưa có văn hóa RBC.

Câu hỏi 21. Các nguồn thông tin mẫu dùng cho nghiên cứu tại chỗ?

→ xem Phần II, 2.1

Hầu hết các rủi ro ngành, rủi ro sản phẩm cũng như hoàn cảnh ở một quốc gia cụ thể là những thông tin có thể được biết rõ hoặc dễ dàng nắm bắt dựa trên những nguồn có sẵn. Ví dụ, thường thì nội bộ các ngành đều nắm rất rõ các tác động nguy hiểm đối với môi trường và sức khỏe của các quy trình kỹ thuật và sản phẩm trong ngành.

Báo cáo của các tổ chức quốc tế, tổ chức xã hội dân sự, các NHRI, cơ quan chính phủ, công đoàn, hiệp hội doanh nghiệp và người sử dụng lao động có thể cung cấp những thông tin giá trị cho quá trình thẩm định, nhưng đặc biệt là trong giai đoạn xác định phạm vi. Các bài báo trên phương tiện truyền thông cũng có thể giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn về tình hình xã hội và chính trị địa phương, khu vực và quốc gia. → Xem Bảng 6 để biết danh sách các nguồn tài liệu có thể sử dụng

Điều quan trọng là doanh nghiệp phải đánh giá được tính chính xác và độ tin cậy của các nguồn thông tin mà mình dựa vào. Điều này đặc biệt cần thiết đối với các nguồn tin có tính kế thừa, chẳng hạn các nghiên cứu hoặc đánh giá cơ bản trước đây do một đối tác, một doanh nghiệp được mua lại hoặc doanh nghiệp khác thực hiện và các nguồn thứ cấp khác. Để làm điều này, có thể sử dụng tam giác thông tin để so sánh với các nguồn khác, xem xét bản chất và nguồn thông tin, xem xét ngày công bố và tham khảo ý kiến của các bên thứ ba như các tổ chức xã hội dân sự về những điểm nghi ngờ. Tuy nhiên, không cần phải xác minh đầy đủ các thông tin được trình bày trong báo cáo bên ngoài, vì một doanh nghiệp có thể dựa vào đây để tìm hiểu thêm.

XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐI KÈM VỚI HOẠT ĐỘNG,
SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

**BẢNG 6: VÍ DỤ VỀ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CÓ THỂ SỬ DỤNG CHO NGHIÊN CỨU
TẠI CHỖ**

Các nguồn sơ cấp	<ul style="list-style-type: none"> • Hợp đồng, giấy phép, quy định và pháp luật liên quan, chính sách doanh nghiệp trong đó nêu rõ các luật và quy định áp dụng cho dự án hoặc hoạt động. • Các nghiên cứu/đánh giá tác động cơ bản do bên khác thực hiện hoặc trong các giai đoạn trước đó của dự án. • Dữ liệu do cơ quan chính phủ cung cấp về việc làm, mức độ nghèo đói, tiêu chuẩn sức khỏe và giáo dục, tiền lương, điều kiện làm việc và sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, v.v... • Dữ liệu điều tra dân số, dữ liệu về thu nhập và tỷ lệ nghèo đói (các dữ liệu này ở một số nền kinh tế đang phát triển có thể không đáng tin cậy). • Bản đồ đất đai và các thông tin khác về dự án hoặc hoạt động. • Các chỉ số quan trọng được thu thập thông qua bản đồ hệ thống thông tin địa lý và các nguồn khác • Các tài liệu hiện có hoặc thông tin kế thừa (nếu có) trong trường hợp mua lại • Các khiếu nại của cộng đồng địa phương và hồ sơ yêu cầu
Các nguồn thứ cấp	<ul style="list-style-type: none"> • Nghiên cứu và chỉ số của các viện nghiên cứu, NHRI, cơ quan chính phủ và cơ quan trong ngành. • Nghiên cứu và báo cáo của các tổ chức liên chính phủ, tổ chức phát triển đa phương và song phương. • Nghiên cứu và chỉ số của các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức công đoàn ngành, quốc gia và quốc tế • Thông tin về các chương trình đầu tư/phát triển cộng đồng liên quan đến các dự án khác của ngành trong vùng hoặc khu vực. • Nghiên cứu của một cộng đồng dân cư, ví dụ người dân bản địa hoặc các tổ chức đại diện của họ, về các vấn đề quan trọng có thể liên quan đến phát triển dự án. • Báo cáo có sẵn của các doanh nghiệp khác hoạt động tại địa bàn hoặc địa phương

Câu hỏi 22. Giải quyết vấn đề thiếu hụt thông tin thế nào?

→ Xem Phần II, 2.1 - 2.2

Có thể sử dụng một số chiến lược nhất định để khắc phục tình trạng thiếu hụt thông tin về rủi ro mà hoạt động hoặc các mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp có thể gây ra, căn cứ vào tình huống có liên quan và các hạn chế trên thực tế.

→ VÍ DỤ

- Có thể thành lập cơ chế giải quyết khiếu nại và các hệ thống giám sát khác (VD: các ủy ban giám sát quốc gia) để cảnh báo doanh nghiệp về những tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn mà họ có thể chưa tự xác định được. → Xem Phụ lục, Câu hỏi 54
- Không cần phải xác minh đầy đủ các thông tin về tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn để coi đó làm cơ sở đánh giá tiếp.
- Doanh nghiệp có thể tổ chức tọa đàm để cùng các bên có quyền lợi liên quan chính và các chuyên gia tìm hiểu rõ hơn, chẳng hạn, về các rủi ro ngành, rủi ro sản phẩm hoặc rủi ro địa lý cơ bản.

Trên cơ sở các lĩnh vực rủi ro đáng kể đã được nhận diện, đánh giá đi đánh giá lại ngày càng sâu hơn về những hoạt động, các nhà cung ứng hay các mối quan hệ kinh doanh được ưu tiên để nhận diện và đánh giá các tác động bất lợi cụ thể thực tế và tiềm ẩn đối với RBC.

→ Xem Phần II, 2.2

Câu hỏi 23. Doanh nghiệp có thể đánh giá như thế nào nguy cơ tác động tiềm ẩn từ hoạt động của chính doanh nghiệp?

→ Xem Phần II, 2.2

Trong nhiều trường hợp, các doanh nghiệp trực tiếp đánh giá hoặc thuê bên thứ ba kiểm toán hoặc thanh tra các rủi ro chính trong lĩnh vực của mình. Trong một số trường hợp, việc đánh giá phải tuân thủ luật pháp và quy định trong nước. Ví dụ: thanh tra lao động, thanh tra môi trường trong trường hợp xin cấp phép, đánh giá tác động môi trường, hệ thống quản lý tuân thủ chống tham nhũng, quy trình tìm hiểu đối tác kinh doanh, kiểm toán tài chính, đánh giá tác động quyền con người và quy trình cấp phép sản phẩm... là ví dụ về những rủi ro chung mà một doanh nghiệp có thể đang tự mình hoặc phối hợp với các cơ quan hữu quan tiến hành đánh giá. Các công ty có thể sửa đổi hoặc bổ sung các quy trình đánh giá hiện tại để lồng ghép các tiêu chuẩn quốc tế và các khuyến nghị về RBC.

Ngoài các đánh giá có tính tuân chuẩn, doanh nghiệp có thể tiến hành thêm đánh giá nội bộ cần thiết để tìm hiểu những rủi ro tiềm ẩn hoặc những tác động bất lợi thực tế liên quan tới hoạt động của chính mình để đảm bảo điều chỉnh cho phù hợp với những kỳ vọng về RBC nêu trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE.

→ VÍ DỤ, một doanh nghiệp có thể rà soát nội bộ việc thực hiện các chính sách về chống phân biệt đối xử và quấy rối tình dục của chính doanh nghiệp mình.

→ VÍ DỤ, một công ty con có thể tiến hành đánh giá tác động môi trường trong hoạt động của mình và chia sẻ kết quả đánh giá với công ty mẹ.

Câu hỏi 24. Làm thế nào xác định những hoạt động và quan hệ kinh doanh sẽ được ưu tiên đánh giá trước?

→ *xem Phần II, 2.2*

Đối với nhiều doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp lớn, không thể đánh giá được tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn của toàn bộ hoạt động cũng như tất cả mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp. Vì thế, doanh nghiệp sẽ phải xác định những hoạt động và quan hệ chứa đựng những nguy cơ rủi ro bất lợi đáng kể nhất để ưu tiên đánh giá trước → *xem Phần II, 2.4 và Phụ lục, Câu hỏi 3 để được hướng dẫn thêm về những tác động được coi là đáng kể nhất.*

Một số cân nhắc cần lưu ý khi quyết định vấn đề trên:

- Doanh nghiệp hoặc một bên quan hệ kinh doanh với doanh nghiệp đang hoạt động tại một quốc gia có rủi ro cao (do xung đột, có sự hiện diện của các nhóm dễ bị tổn thương, do pháp quyền yếu, hoặc tỷ lệ tham nhũng cao v.v...).
- Việc vận hành doanh nghiệp hoặc bên quan hệ kinh doanh có một hoạt động hay một quy trình sản xuất rủi ro cao (vì sử dụng nhiều lao động phi chính thức, sử dụng hóa chất độc hại, sử dụng máy móc hạng nặng, v.v...).
- Rủi ro đã được nhận diện trong một đánh giá trước đó.

Quan trọng là, các mối quan hệ kinh doanh phải được phân thành nhóm “rủi ro cao” và phải ưu tiên đánh giá tiếp các bên này dựa trên hồ sơ rủi ro của họ thay vì dựa vào tính hắt quan hệ của họ với doanh nghiệp.

→ **VÍ DỤ**, một doanh nghiệp điện tử có thể gắn thẻ “rủi ro cao” với những đối tác cung ứng của mình – là những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản ở những khu vực có xung đột và có nguy cơ cao mặc dù trên thực tế doanh nghiệp điện tử không có quan hệ hợp đồng trực tiếp với các nhà cung ứng đó.

Đôi khi, cần tiếp tục phân loại các bên quan hệ kinh doanh có rủi ro cao. Trong những trường hợp này, mục tiêu là đánh giá toàn bộ các mối quan hệ kinh doanh có rủi ro cao, vì thế doanh nghiệp có thể phải ưu tiên trước những bên có rủi ro đáng kể nhất về tỷ lệ sản phẩm mà bên đó cung cấp cho doanh nghiệp (hoặc tỷ lệ phần trăm cung ứng từ quốc gia đó).

Câu hỏi 25. Trong giai đoạn xác định quy mô, các mối quan hệ kinh doanh được ưu tiên sẽ được doanh nghiệp đánh giá như thế nào?

→ *Xem Phần II, 2.2*

Trong bài tập xác định phạm vi, doanh nghiệp sẽ nhận diện các nhóm rủi ro chung liên quan đến các mối quan hệ kinh doanh của mình. Đánh giá là việc xem xét một cách chi tiết các rủi ro đã được ưu tiên sau khi xác định phạm vi. Có nhiều hình thức đánh giá trong đó bao gồm việc nhà cung ứng tự đánh giá, thanh tra tại cơ sở, và kiểm toán. Hình thức đánh giá mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với bản chất của rủi ro.



XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐI KÈM VỚI HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

→ VÍ DỤ

- Thanh tra tại cơ sở là hình thức đánh giá phù hợp với các rủi ro về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, an toàn sản phẩm và môi trường (trong số các rủi ro khác).
- Xem xét tài liệu sẽ phù hợp khi xem xét việc tuân thủ của doanh nghiệp đối với các chuẩn mực báo cáo tài chính.
- Phỏng vấn người lao động và thảo luận nhóm tập trung là phương pháp có thể thích hợp khi đánh giá các rủi ro lao động và quyền con người, đặc biệt là những rủi ro nhạy cảm không có tài liệu nào ghi nhận. Nhận thức được rằng người lao động có thể cảm thấy không thoải mái khi chia sẻ những ý kiến chủ quan của mình với ban quản lý, nên trong một số trường hợp, có thể sử dụng bên thứ ba đáng tin cậy tiến hành việc phỏng vấn và thảo luận nhóm tập trung.
- Huy động sự tham gia của bên có quyền lợi liên quan và tham vấn với các tổ chức xã hội dân sự có thể là phương pháp phù hợp khi đánh giá tác động tiêu cực mà hoạt động của doanh nghiệp gây ra đối với cộng đồng địa phương.

Câu hỏi 26. Đánh giá quan hệ kinh doanh là gì và ai là người đánh giá?

→ xem Phần II, 2.2

Đối với hầu hết các loại rủi ro, nội dung đánh giá sẽ tập trung vào:

- Tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn do mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp gây ra hoặc góp phần gây ra (ví dụ: xử lý hóa chất không an toàn; hối lộ quan chức), kể cả các đối tác liên quan đến các dự án sắp tới hoặc các hoạt động trong tương lai.
- Năng lực và tinh thần sẵn sàng thẩm định của mối quan hệ kinh doanh.
- Mức độ thỏa đáng của việc thẩm định, bao gồm các biện pháp mà doanh nghiệp hoặc bên quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp đang áp dụng để ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động bất lợi (ví dụ: chính sách, hệ thống quản lý tuân thủ, đánh giá các nhà cung ứng phụ, nâng cấp cơ sở, tiếp cận các cơ chế khiếu kiện).

Người tiến hành đánh giá phải có trình độ sau:

- Năng lực chuyên môn về các rủi ro đang được đánh giá (ví dụ: quyền con người, sức khỏe và an toàn, tham nhũng), hiểu biết về phương pháp luận tốt nhất để nhận diện được tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn trong bối cảnh địa phương.
- Hiểu biết về các tiêu chuẩn áp dụng trong nước và quốc tế liên quan đến tác động bất lợi.
- Khả năng thực hiện tốt hoạt động đánh giá trong bối cảnh địa phương (ví dụ: kỹ năng ngôn ngữ).

Sẽ khó có cá nhân nào đáp ứng đồng thời tất cả các yêu cầu trên về trình độ năng lực trong mọi lĩnh vực rủi ro và mọi bối cảnh. Vì thế, việc đánh giá có thể do một nhóm chuyên gia thực hiện, trong đó năng lực của các thành viên sẽ bổ sung cho nhau và giúp cả nhóm sẽ có được toàn bộ các trình độ cần thiết.



XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐI KÈM VỚI HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

Câu hỏi 27. Thời điểm đánh giá quan hệ kinh doanh là khi nào?

→ *xem Phần II, 2.2*

Khuyến khích các doanh nghiệp tiến hành đánh giá:

- các mối quan hệ kinh doanh hiện thuộc nhóm rủi ro cao (là các nhóm liên quan tới địa bàn, sản phẩm hoặc ngành đã được xác định là có khả năng cao gây ra tác động bất lợi) nhưng chưa được đánh giá.
- trước khi thiết lập các mối quan hệ kinh doanh mới thuộc nhóm rủi ro cao bậc 1. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 18*
- khi hoàn cảnh của mối quan hệ kinh doanh thuộc nhóm rủi ro cao thay đổi.

Trong một số trường hợp, nguy cơ xảy ra tác động bất lợi ở một địa bàn cụ thể rõ ràng tới mức việc đánh giá các mối quan hệ kinh doanh riêng lẻ sẽ không đem lại bất kỳ thông tin mới nào. Trong trường hợp này, doanh nghiệp có thể chọn cách ngay lập tức tập trung vào việc ngăn ngừa và giảm thiểu tác động bất lợi.

→ **VÍ DỤ**, một doanh nghiệp nhận thấy quá rối tình dục là hiện tượng phổ biến ở các khu chế xuất (EPZ). Doanh nghiệp cũng nhận thấy rất khó để phát hiện các trường hợp quá rối tình dục cụ thể, chính vì thế doanh nghiệp có thể chọn cách không tiến hành đánh giá ngay nhà cung ứng của mình mà thay vào đó khuyến khích họ có biện pháp ngăn ngừa quá rối tình dục (VD tập huấn cho đội ngũ quản lý).

Trong một số trường hợp, có thể đã có những đánh giá đáng tin cậy về các mối quan hệ kinh doanh này. Khi đó, khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu các phát hiện trong những đánh giá này để sau đó tập trung nỗ lực ngăn ngừa/giảm thiểu các tác động bất lợi đã được xác định và theo dõi tiến độ.

Câu hỏi 28. Đối với những mối quan hệ kinh doanh không thông qua hợp đồng, doanh nghiệp đánh giá như thế nào?

→ *Xem Phần 2.2*

Có một số công cụ và cách tiếp cận có thể giúp doanh nghiệp đánh giá những mối quan hệ kinh doanh thuộc nhóm rủi ro mà mình không có quan hệ hợp đồng, để giúp giải quyết những khó khăn về khả năng hiển thị và mức độ ảnh hưởng.

→ **VÍ DỤ**, để cải thiện khả năng hiển thị, doanh nghiệp có thể:

- yêu cầu các bên quan hệ kinh doanh của mình cung cấp thông tin cần thiết để giúp doanh nghiệp đánh giá những rủi ro liên quan tới các đối tác kinh doanh và nhà cung ứng của mình, chẳng hạn thông tin liên quan tới nhà cung ứng phụ và nhà thầu phụ, hay nước xuất xứ. Doanh nghiệp có thể xây dựng và áp dụng các mẫu báo cáo chung cho ngành, qua đó giảm bớt những gánh nặng không cần thiết cho các đối tác. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 12*
- sử dụng cơ chế truy xuất nguồn gốc hoặc chuỗi hành trình sản phẩm hiện có¹² để nâng cao khả năng hiển thị của các mối quan hệ kinh doanh ở phần trên chuỗi cung ứng. Điều này đặc biệt liên quan tới các doanh nghiệp định hướng sản phẩm có chuỗi cung ứng vật lý.

12. Truy xuất nguồn gốc là quá trình doanh nghiệp theo dõi đường đi của sản phẩm và nguyên liệu trong chuỗi cung ứng



XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐI KÈM VỚI HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

Nếu có thể, để đánh giá các mối quan hệ kinh doanh nằm phía trên đầu của chuỗi cung ứng, doanh nghiệp có thể:

- sử dụng các kết quả đánh giá đáng tin cậy hiện có về các bên đó, chẳng hạn những đánh giá đã được chia sẻ thông qua một sáng kiến hợp tác hoặc dựa trên thông tin được cung cấp theo tầng hoặc trong các điều khoản bắt buộc¹³ của các hợp đồng hay thỏa thuận bằng văn bản.
- trong trường hợp không có đánh giá nào đáng tin cậy, thì dựa trên những thông tin thu được từ các báo cáo theo tầng, các điều khoản bắt buộc hoặc kết quả truy xuất nguồn gốc, doanh nghiệp có thể xác định được các đối tác chung với các ngành khác để cùng với các bên liên quan trong ngành đó thực hiện đánh giá về mối quan hệ kinh doanh của chung.
- đánh giá quy trình thẩm định của bên quan hệ kinh doanh hoạt động tại các điểm kiểm soát trong chuỗi cung ứng. → Xem Hộp 5

HỘP 5. PHỐI HỢP VỚI CÁC BÊN QUAN HỆ KINH DOANH HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC ĐIỂM KIỂM SOÁT TRONG CHUỖI CUNG ỨNG

Doanh nghiệp có thể nhận diện các điểm kiểm soát (đôi khi được gọi là “điểm kẹt”) bằng cách xem xét các yếu tố sau:

- các điểm chuyển đổi chủ chốt của chuỗi cung ứng nơi thông tin truy xuất nguồn gốc hoặc thông tin về chuỗi hành trình sản phẩm có thể được thu thập hoặc bị thất lạc.
- số lượng doanh nghiệp, chẳng hạn khi hầu như không có doanh nghiệp nào chế biến hoặc xử lý phần lớn các yếu tố đầu vào được chuyển xuống phân đầu dưới của chuỗi cung ứng.
- điểm doanh nghiệp có ảnh hưởng lớn nhất đối với đầu cuối của chuỗi cung ứng.
- các điểm hiện đã có các đề án và chương trình kiểm toán được thực hiện để tận dụng các hệ thống và tránh trùng lặp.

‘Doanh nghiệp ở điểm kiểm soát’ sẽ hiển thị và/hoặc có mức độ ảnh hưởng lớn hơn đối với các nhà cung ứng/bên quan hệ kinh doanh của mình ở phần trên chuỗi cung ứng so với các doanh nghiệp ở gần với khách hàng/người dùng cuối. Việc thẩm định các doanh nghiệp ở điểm kiểm soát để xem liệu các doanh nghiệp đó có đang áp dụng quy trình thẩm định theo Hướng dẫn này không sẽ giúp doanh nghiệp yên tâm về việc nguy cơ xảy ra tác động bất lợi liên quan trực tiếp đến nhà cung ứng đã được nhận diện, ngăn ngừa và giảm thiểu. Việc nhận diện và phối hợp với các điểm kiểm soát có thể được thực hiện bằng cách: yêu cầu trong hợp đồng ký với nhà cung ứng/bên quan hệ kinh doanh về việc xác định điểm kiểm soát (một cách bí mật); yêu cầu các nhà cung ứng/các mối quan hệ kinh doanh sử dụng nguồn cung ứng được cung cấp bởi doanh nghiệp ở điểm kiểm soát đáp ứng kỳ vọng của Hướng dẫn này, sử dụng các hệ thống chia sẻ thông tin bí mật về các nhà cung ứng và/hoặc thông qua các kế hoạch toàn ngành để chia sẻ thêm thông tin về các tác nhân trong chuỗi cung ứng.

13. *Cung cấp thông tin theo tầng là việc một doanh nghiệp thông tin cho các đối tác mua hàng, và những đối tác này lại tiếp tục thông tin cho người mua hàng của họ; Điều khoản bắt buộc (flow-down) là một điều khoản trong một hợp đồng chung, được đưa vào các thỏa thuận ở cấp thấp hơn.*



XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐI KÈM VỚI HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

Đánh giá mức độ liên đới của doanh nghiệp với các tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn đã được nhận diện để có các phản ứng thích hợp. Cụ thể là, đánh giá xem có phải doanh nghiệp (a) đã gây ra (hoặc sẽ gây ra) tác động tiêu cực không; hay (b) đã đóng góp (hay sẽ góp phần) gây ra tác động bất lợi đó; hoặc (c) liệu tác động bất lợi đó đang (hoặc sẽ) liên quan trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp, hay với sản phẩm hoặc dịch vụ của một bên quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp. → xem Phần II, 2.3

Câu hỏi 29. Khi nói rằng các tác động bất lợi do doanh nghiệp “gây ra” hoặc “góp phần” gây ra hoặc “liên quan trực tiếp” tới hoạt động của doanh nghiệp, tới sản phẩm hoặc dịch vụ của một bên quan hệ kinh doanh, điều đó có nghĩa là gì?

→ Xem Phần II, 2.3

Gây ra: Một doanh nghiệp được coi là “gây ra” tác động bất lợi nếu bản thân hoạt động của doanh nghiệp đó¹⁴ đã đủ để tạo ra tác động bất lợi đó.

→ **VÍ DỤ**, khi một doanh nghiệp phân biệt đối xử với phụ nữ hoặc phân biệt chủng tộc trong hoạt động tuyển dụng của mình hoặc khi doanh nghiệp đó hối lộ quan chức nước ngoài.

Góp phần gây ra: Một doanh nghiệp được coi là “góp phần gây ra” tác động bất lợi nếu hoạt động của doanh nghiệp đó, cùng với hoạt động của các công ty con khác, tạo ra tác động, hoặc nếu hoạt động của doanh nghiệp đó khiến cho, tạo thuận lợi hoặc khuyến khích một thực thể khác tạo gây ra tác động bất lợi. Sự góp phần phải đáng kể, có nghĩa là không bao gồm những đóng góp nhỏ hoặc không đáng kể.

Một số yếu tố khác có thể sẽ được cân nhắc thêm để hiểu được tính chất đáng kể của việc “góp phần” hoặc khi nào thì hành động của doanh nghiệp có thể đã khiến cho, tạo thuận lợi hoặc khuyến khích một thực thể khác gây ra tác động bất lợi. Dưới đây là một số yếu tố đó:

- Việc doanh nghiệp khuyến khích hoặc động viên một thực thể khác tạo ra tác động bất lợi, có nghĩa là nguy cơ tác động của hoạt động đó gia tăng như thế nào.
- Doanh nghiệp có thể hoặc lẽ ra đã biết trước về tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn đó, nghĩa là lẽ ra có thể đoán trước.
- Khả năng doanh nghiệp có thể giảm thiểu tác động bất lợi thực tế hoặc giảm bớt nguy cơ xảy ra của tác động bất lợi đó.

Nếu chỉ đơn giản là sự tồn tại của có một mối quan hệ kinh doanh hay một hoạt động nào đó có khả năng tạo điều kiện để tác động bất lợi xảy ra, thì đó không nhất thiết gọi là sự “góp phần”. Hoạt động đó phải làm gia tăng đáng kể nguy cơ xảy ra tác động bất lợi.

→ **VÍ DỤ**, một đơn vị bán lẻ áp đặt một thời hạn sản xuất và giao hàng rất ngắn mặc dù đơn vị đó, dựa vào những sản phẩm tương tự trước đây, đã biết rằng thời gian sản xuất như vậy là không khả thi, và hạn chế khả năng thầu lại đã được phê duyệt từ trước.

- Việc quy định thời hạn sản xuất ngắn hơn mức khả thi và hạn chế việc thầu lại như trên làm tăng nguy cơ công nhân của nhà sản xuất phải làm thêm giờ quá mức.

14. OECD (2011), Chương IV, Đoạn 42 quy định “Hoạt động ở đây bao gồm cả việc hành động hoặc không hành động.”



XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐI KÈM VỚI HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

- Tác động có khả năng lường trước rất cao vì đơn vị bán lẻ biết rõ thời gian sản xuất như vậy đối với các sản phẩm tương tự trước đây là không khả thi và điều đó thường dẫn tới tình trạng làm thêm giờ quá mức trong ngành.
 - Nếu không thực hiện các biện pháp cụ thể để giảm thiểu nguy cơ xảy ra tác động bất lợi, thì đơn vị bán lẻ này sẽ bị coi là góp phần vào tình trạng làm thêm giờ quá mức ở cơ sở nhà sản xuất.
- **VÍ DỤ**, một nhà đầu tư tư nhân đầu tư vào một nhà máy thép. Nhà đầu tư là thành viên hội đồng quản trị của nhà máy và thường xuyên tiếp xúc với lãnh đạo nhà máy. Nhà đầu tư biểu quyết phản đối việc lắp đặt các thiết bị đất tiền xử lý chất thải từ nhà máy. Vì không được xử lý, các chất thải từ nhà máy đã làm ô nhiễm nguồn nước ở địa phương.
- Việc khuyến khích ban lãnh đạo nhà máy không lắp đặt các công nghệ giúp ngăn ngừa hoặc giảm thiểu tác động môi trường đối với nguồn nước được coi là làm gia tăng nguy cơ xảy ra tác động bất lợi.
 - Khả năng lường trước có thể cao vì tất cả giới chuyên môn về quản lý môi trường trong ngành công nghiệp thép đều biết rõ rằng thiết bị xử lý nước là cần thiết để tránh ô nhiễm nguồn nước uống.
 - Nếu nhà đầu tư này đã thực hiện thẩm định và ủng hộ phương án xử lý chất thải của nhà máy, thì nguy cơ ô nhiễm nguồn nước và khả năng lường trước rủi ro sẽ thấp hơn, giúp anh ta tránh được trách nhiệm vì đã góp phần vào nguy cơ đó.

Liên quan trực tiếp: Sự “liên quan” được định nghĩa là mối quan hệ giữa tác động bất lợi và các sản phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động của doanh nghiệp thông qua một thực thể khác (tức là một mối quan hệ kinh doanh). “Liên quan trực tiếp” không được xác định bởi các mối quan hệ hợp đồng trực tiếp, như “cung ứng trực tiếp”.

→ **VÍ DỤ**, nếu một doanh nghiệp khai thác coban sử dụng lao động trẻ em, sau đó kim loại này được sử dụng trong các sản phẩm của mình, thì doanh nghiệp này có thể liên quan trực tiếp đến tác động bất lợi (ở đây là lao động trẻ em). Trong trường hợp này, doanh nghiệp không tự gây ra hoặc góp phần gây ra tác động bất lợi, nhưng vẫn có thể tồn tại mối liên hệ trực tiếp giữa sản phẩm của doanh nghiệp và tác động bất lợi đó thông qua các mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp tức là các đơn vị tham gia cung ứng coban (tức là với nhà máy luyện, doanh nghiệp kinh doanh khoáng sản và doanh nghiệp khai thác sử dụng lao động trẻ em).

Mối quan hệ giữa doanh nghiệp với tác động bất lợi có thể thay đổi. Ví dụ khi hoàn cảnh thay đổi và tùy thuộc vào mức độ thẩm định cũng như các biện pháp xử lý những rủi ro và tác động đã được nhận diện, thì nguy cơ xảy ra tác động sẽ giảm.

Nhìn chung, khả năng gây ra tác động bất lợi của doanh nghiệp là cao nhất liên quan tới hoạt động của chính doanh nghiệp, khả năng doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến tác động bất lợi là cao nhất khi tác động đó do các mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp gây ra. Trong khi đó, doanh nghiệp có thể góp phần gây ra tác động bất lợi kể cả thông qua hoạt động của riêng mình hoặc thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.



XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐI KÈM VỚI HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

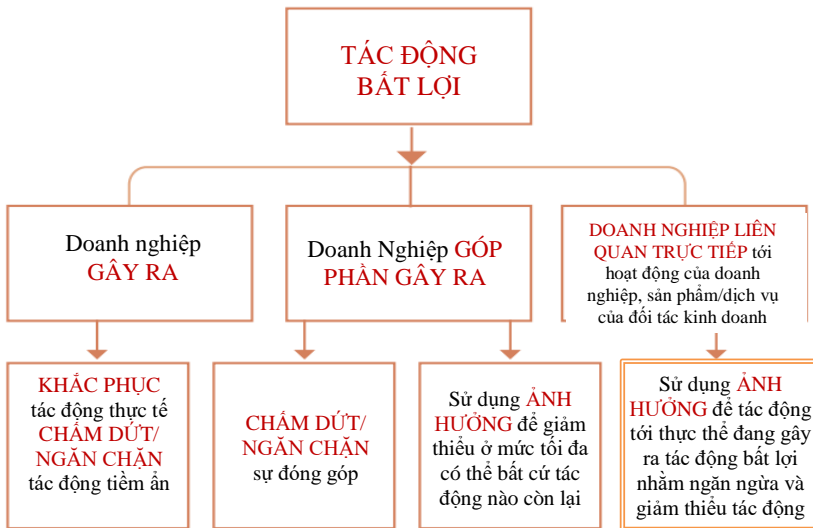
Mục đích của việc mô tả trên không phải là để phủ nhận trách nhiệm pháp lý đối với tác động. Luật pháp trong nước có thể quy định các phương pháp cụ thể để xác định mối quan hệ này, coi đó là cơ sở quy định trách nhiệm pháp lý. Ví dụ, các doanh nghiệp bị phát hiện phạm tội hối lộ có thể sẽ bị coi là đã gây ra hoặc góp phần gây ra tác động theo quy định của luật pháp trong nước về phòng, chống tham nhũng.

Câu hỏi 30. Tại sao mối liên hệ giữa doanh nghiệp và tác động bất lợi lại có ý nghĩa quan trọng?

→ xem Phần II, 2.3

Mối quan hệ của doanh nghiệp với một tác động bất lợi (nghĩa là doanh nghiệp đã gây ra, góp phần gây ra hay liên quan trực tiếp qua một mối quan hệ kinh doanh) là yếu tố quan trọng cần được xem xét để qua đó doanh nghiệp xác định cách thức xử lý tác động đó và trách nhiệm chủ động hoặc phối hợp khắc phục của doanh nghiệp. → xem Hình 2

HÌNH 2. Giải quyết các tác động bất lợi



Ghi chú: Các hướng dẫn cụ thể hơn về giải quyết tác động bất lợi đối với quyền con người được quy định trong OECD (2011), Chương IV.



XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐI KÈM VỚI HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

Dựa trên những thông tin thu được về tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn, khi cần thiết doanh nghiệp phải ưu tiên giải quyết các rủi ro và tác động RBC đáng kể nhất, dựa trên khả năng xảy ra và mức độ nghiêm trọng của những rủi ro và tác động đó. Ưu tiên là việc làm quan trọng khi mà không thể giải quyết ngay lập tức mọi tác động bất lợi tiềm ẩn và thực tế. Khi các tác động đáng kể nhất đã được nhận diện và xử lý, doanh nghiệp sẽ chuyển sang xử lý các tác động ít đáng kể hơn. → xem Phần II, 2.4

Câu hỏi 31. Doanh nghiệp sẽ ưu tiên ứng phó như thế nào trước những tác động bất lợi do hoạt động của doanh nghiệp hoặc của các mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp gây ra?

→ xem Phần I, Đặc điểm của Thẩm định – Thẩm định có thể bao gồm cả việc xác lập ưu tiên (dựa trên rủi ro); Phần II, 2.4

Khi ưu tiên các hành động ứng phó, mức độ đáng kể của tác hại thực tế hoặc tiềm ẩn là yếu tố quan trọng nhất¹⁵. Tuy nhiên, vì doanh nghiệp có thể phải chịu nhiều tác động bất lợi đáng kể khác nhau, nên yếu tố thứ hai được xem xét sẽ là khả năng xảy ra của tác động.

→ **VÍ DỤ**, một nhà xưởng được phát hiện là có nguy cơ hỏa hoạn tiềm ẩn do hệ thống điện nguy hiểm, ưu tiên đầu tiên là phải đảm bảo sự an toàn của nhà xưởng và đảm bảo công nhân biết cách xử lý trong trường hợp có cháy nổ. Sau đó mới giải quyết vấn đề ô nhiễm nguồn nước, vì nguy cơ này cũng nghiêm trọng, nhưng dự kiến sẽ không thể xảy ra trong vòng 5 năm tới.

15. Trong trường hợp ưu tiên xử lý các rủi ro về quyền con người, mức độ nghiêm trọng của tác động bất lợi tiềm ẩn sẽ được ưu tiên so với khả năng xảy ra của tác động đó.

A.3 CHẤM DỨT, NGĂN NGỪA VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG BẤT LỢI

Chấm dứt các hoạt động đang gây ra hoặc góp phần gây ra tác động bất lợi đối với các vấn đề RBC, dựa trên đánh giá của doanh nghiệp về sự liên đới của mình với các tác động bất lợi đó. Xây dựng và thực hiện các kế hoạch có mục đích để ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động bất lợi tiềm ẩn (trong tương lai). → xem Phần II, 3.1

Câu hỏi 32. Sự khác nhau giữa ngăn ngừa và giảm thiểu tác động bất lợi?

→ xem Phần II, 3.1

Ngăn ngừa là các hoạt động nhằm tránh ngay từ đầu không để tác động bất lợi xảy ra (ví dụ: làm giảm nguy cơ xảy ra tác động bất lợi); trong khi **giảm thiểu** là các hoạt động nhằm làm giảm mức độ của tác động bất lợi khi nó xảy ra. Mục đích chính của thẩm định là Ngăn ngừa.

→ VÍ DỤ

- Đối với vấn đề sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, loại bỏ mối nguy sẽ là phương thức tốt nhất để ngăn ngừa các thương tổn và suy yếu về sức khỏe ngay từ đầu.
- Việc lắp đặt các quy trình xử lý nước có thể giảm thiểu tác động ô nhiễm nguồn nước bằng cách giảm mức độ chất thải trong nước.

→ VÍ DỤ

- Tham gia các hành động tập thể trong những lĩnh vực có nguy cơ cao để đào tạo các đơn vị tại địa phương không thực hiện hành vi hối lộ đồng thời nâng cao năng lực giám sát/thực thi luật pháp phòng chống hối lộ của chính quyền địa phương có thể giúp ngăn ngừa nạn hối lộ trong tương lai.
- Phối hợp với các cơ quan tổ tụng khởi tố hình sự các vụ việc hối lộ và tố cáo các quan chức có hành vi vi phạm có thể giúp giảm thiểu tác động của hối lộ.



CHẤM DỨT, NGĂN NGỪA VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG

Câu hỏi 33. Doanh nghiệp ngăn ngừa và giảm thiểu như thế nào các tác động thực tế và tiềm ẩn mà doanh nghiệp có thể gây ra hoặc góp phần gây ra?

→ *xem Phần II, 3.1*

Trước hết, doanh nghiệp nên ngừng ngay mọi hoạt động đang gây ra hoặc góp phần gây ra các tác động bất lợi thực tế.

Doanh nghiệp có thể áp dụng một số biện pháp để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các tác động bất lợi đối với hoạt động của mình trong tương lai.

→ VÍ DỤ

- Điều chỉnh/cho thích ứng: Đôi khi cần phải điều chỉnh hoặc thay đổi một vài khía cạnh trong hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của một doanh nghiệp nhằm ngăn ngừa hoặc giảm thiểu tác động bất lợi, ví dụ, định tuyến lại đường ống dẫn dầu để tránh rủi ro sức khỏe tiềm ẩn cho cộng đồng địa phương, thay đổi quy trình sản xuất để tránh sử dụng các chất độc hại.
- Nâng cấp cơ sở vật chất: Một số tác động chỉ có thể được ngăn ngừa thông qua các khoản đầu tư cải tiến cơ sở vật chất và thiết bị. Việc đầu tư đó có thể bao gồm: chiếu sáng, thông gió, tiếp cận lối thoát hiểm, lắp đặt máy móc và công nghệ mới để kiểm soát các tác động bất lợi, v.v ...
- Chính sách: Bản thân việc xây dựng chính sách của doanh nghiệp cũng như các giao thức thực hiện đi kèm cũng là một cách ngăn ngừa tác động xảy ra. Ví dụ, chính sách không phân biệt đối xử của doanh nghiệp trong quá trình tuyển dụng và các quy trình kèm theo có thể ngăn ngừa tác động sự phân biệt đối xử. → *xem Phần II, 1.1-1.2*
- Đào tạo: Việc đào tạo hiệu quả người lao động, nhân viên và đội ngũ quản lý có thể giúp ngăn ngừa các tác động bất lợi xảy ra. Đào tạo có thể tập trung vào nhiều vấn đề, nhưng không giới hạn ở, chính sách và quy trình thực hiện của doanh nghiệp, luật pháp và nghĩa vụ, xử lý an toàn máy móc, hóa chất, v.v ... và nâng cao nhận thức về cách nhận diện rủi ro. → *xem Phần II, 1.2(f); 1.3(d)*
- Hệ thống cảnh báo (cờ đỏ): nhận diện dấu hiệu cảnh báo, hoặc các chỉ báo rủi ro, và xây dựng các quy trình thủ tục tuân thủ của doanh nghiệp trong trường hợp xuất hiện nguy cơ gây ra hoặc góp phần gây ra tác động bất lợi đã được nhận diện.
- Giải quyết các vấn đề mang tính hệ thống: Doanh nghiệp có trách nhiệm giải quyết các tác động bất lợi mà họ gây ra hoặc góp phần gây ra, ngay cả khi hoạt động trong bối cảnh mà các vấn đề hệ thống rất phổ biến. Mặc dù không có trách nhiệm giải quyết các vấn đề mang tính hệ thống ở cấp độ xã hội, nhưng doanh nghiệp có thể sẽ thấy xử lý những thách thức đó có thể góp phần hiệu quả ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các tác động bất lợi. → *Xem Hộp 6 để có thêm thông tin về việc giải quyết các rủi ro có tính hệ thống.*

HỘP 6. GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ MANG TÍNH HỆ THỐNG

Các vấn đề mang tính hệ thống là những bất cập hoặc thách thức phổ biến trong một bối cảnh, có nguyên nhân gốc rễ nằm ngoài khả năng kiểm soát tức thời của doanh nghiệp, tuy nhiên vẫn làm tăng nguy cơ xảy ra tác động bất lợi trong hoạt động hoặc chuỗi cung ứng của chính doanh nghiệp. Rủi ro hệ thống có thể phát sinh từ những sai lầm trong quản trị và từ việc chính quyền không thực hiện nghĩa vụ thực thi luật pháp và bảo vệ quyền con người của mình. Ví dụ về các vấn đề mang tính hệ thống: tiếp cận giáo dục yếu kém và tỷ lệ đói nghèo cao có thể gia tăng nguy cơ lao động trẻ em, nạn hối lộ và tham nhũng lan tràn trong chính phủ, phân biệt đối xử trong hệ thống đối với các nhóm thiểu số và quấy rối và lạm dụng phụ nữ và trẻ em gái trong xã hội. Mặc dù doanh nghiệp không chịu trách nhiệm về những sai lầm của chính quyền, nhưng quyết định hoạt động trong bối cảnh tồn tại rủi ro hệ thống sẽ làm tăng bản chất và mức độ của thâm định.

Doanh nghiệp có thể góp phần giải quyết các rủi ro hệ thống theo một số cách. Ví dụ, doanh nghiệp có thể:

- **Hợp tác liên ngành** – Rủi ro hệ thống thường liên quan đến nhiều lĩnh vực trong một bối cảnh nhất định. Do đó, các doanh nghiệp có thể lựa chọn phối kết hợp với các ngành để mở rộng quy mô hiệu quả các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu. Bằng cách này, vấn đề sẽ không bị đẩy đi đẩy lại giữa các ngành/lĩnh vực. *
- **Tham gia với chính quyền** – Nhận thức được những hạn chế trong luật cũng như trên thực tế, khi mà chính quyền không thực hiện nghĩa vụ bảo vệ của mình, doanh nghiệp có thể sử dụng ảnh hưởng của mình với chính quyền (địa phương hoặc trung ương) để khuyến khích chính quyền tác động đến sự thay đổi, chẳng hạn thông qua việc thực thi tốt hơn luật pháp, hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho RBC. Một số biện pháp tham gia cùng chính quyền gồm gửi thư ngỏ lên chính phủ, tham gia các sáng kiến đa bên, tham gia đối thoại, v.v ... Doanh nghiệp cũng có thể tham gia với chính phủ các nước sở tại để khuyến khích họ vận động cho RBC.
- **Xác định các sáng kiến hiệu quả hiện có** – Đối với các rủi ro phổ biến của ngành, doanh nghiệp có thể áp dụng những phương pháp phòng ngừa và giảm thiểu do chính phủ, hiệp hội ngành, các sáng kiến đa bên hoặc các doanh nghiệp trong ngành xây dựng và khuyến nghị. Việc nhận diện các sáng kiến hiện có và mục đích của các sáng kiến đó sẽ giúp doanh nghiệp áp dụng tốt hơn các chiến lược hiện tại của mình để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro hệ thống. Ví dụ, một doanh nghiệp có thể dựa vào các cơ chế khiếu nại hiện có trong cộng đồng.

Các nỗ lực giải quyết vấn đề mang tính hệ thống không phải lúc nào cũng cho thấy ngay kết quả, mà có thể sẽ mất nhiều thời gian, tuy nhiên, điều này không nên để điều này ngăn cản hoặc làm giảm quyết tâm hành động để giải quyết các vấn đề đó. Tuy nhiên, trong bối cảnh các vấn đề hệ thống có thể tác động bất lợi tới hoạt động và chuỗi cung ứng của mình, doanh nghiệp phải chuẩn bị tinh thần công khai minh bạch các quyết định của mình cũng như giải trình và cần nhắc xem liệu có thể tiếp tục hoạt động một cách có trách nhiệm hoặc sử dụng nguồn cung ứng từ những bối cảnh đó trong thời gian thực hiện các nỗ lực nói trên không. Trong nhiều trường hợp, doanh nghiệp cần đồng thời tăng cường nỗ lực giám sát và ngăn ngừa tác động bất lợi trong hoạt động hoặc trong chuỗi cung ứng của mình và tìm cách giải quyết các vấn đề lớn mang tính hệ thống.

* Ví dụ, lao động trẻ em là một rủi ro mang tính hệ thống, việc loại bỏ lao động trẻ em trong một ngành có thể khiến trẻ em chuyển sang tìm việc trong ngành khác. Vì vậy, khuyến khích cách tiếp cận liên ngành.



CHẤM DỨT, NGĂN NGỪA VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG

Dựa trên ưu tiên của doanh nghiệp, xây dựng và thực hiện các kế hoạch ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn đối với các vấn đề RBC liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp thông qua bên quan hệ kinh doanh. → xem Phần II, 3.2

Câu hỏi 34. Doanh nghiệp có thể ngăn ngừa và giảm thiểu tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn đối với các vấn đề RBC liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp thông qua mối quan hệ kinh doanh của mình bằng cách nào?

→ xem Phần II, 3.2

Việc kỳ vọng rằng doanh nghiệp sẽ tìm cách ngăn ngừa hoặc giảm thiểu tác động bất lợi liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ thông qua các mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp không phải là để chuyển dịch trách nhiệm từ chủ thể gây ra hoặc góp phần gây ra tác động bất lợi đó sang cho doanh nghiệp mà họ có quan hệ kinh doanh¹⁶. Trách nhiệm đó vẫn thuộc về (các) chủ thể gây ra hoặc góp phần gây ra tác động¹⁷. Tuy nhiên, dù không thể tự giải quyết được tác động bất lợi đó, doanh nghiệp vẫn nên tìm cách gây tác động đến các mối quan hệ kinh doanh của mình để họ có biện pháp ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các tác động bất lợi. → xem Phần I, *Đặc điểm của Thẩm định - Thẩm định không làm thay đổi trách nhiệm*

Về vấn đề này, doanh nghiệp có thể thực hiện một số hành động sau để ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động bất lợi liên quan tới các mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp:

- Điều chỉnh hoạt động kinh doanh hoặc các hoạt động nói chung nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động bất lợi liên quan đến các quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp. → Xem Phụ lục, *Câu hỏi 35*
- Sử dụng ảnh hưởng để tạo ra thay đổi trong thực tiễn của đơn vị đang gây ra (các) tác động bất lợi đó trong phạm vi có thể. → Xem Phụ lục, *Câu hỏi 36-37*
- Hỗ trợ các mối quan hệ kinh doanh ngăn ngừa hoặc giảm thiểu (các) tác động bất lợi. → Xem Phụ lục, *Câu hỏi 38*
- Chấm dứt mối quan hệ kinh doanh đó. → Xem Phụ lục, *Câu hỏi 39*
- Giải quyết các vấn đề có tính hệ thống. → Xem Hộp 6

Câu hỏi 35. Doanh nghiệp điều chỉnh hoạt động như thế nào để ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động bất lợi liên quan tới những mối quan hệ kinh doanh của mình?

→ xem Phần II, 3.2

Trong những hệ thống quản lý mà doanh nghiệp thành lập theo Phần II, 1.1 của Hướng dẫn này, nhiều hệ thống có tác dụng giúp ngăn ngừa và giảm thiểu tác động trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp, bằng cách giảm ngay từ đầu khả năng doanh nghiệp tham gia những mối quan hệ kinh doanh có rủi ro cao hoặc bằng cách tăng ảnh hưởng của doanh nghiệp đối với các nhà cung ứng/bên quan hệ kinh doanh mới. Lồng ghép yêu cầu về RBC trong các mối quan hệ kinh doanh thông qua việc áp dụng các tiêu chí sơ tuyển hoặc đấu thầu dựa trên tiêu chuẩn RBC cũng là một cách có thể sử dụng.

Ngoài ra, doanh nghiệp cũng có thể điều chỉnh hoặc thay đổi một số khía cạnh trong hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của mình cho phù hợp hơn với mục đích ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động bất lợi liên quan tới các đối tác quan hệ kinh doanh của mình.

16. OECD (2011), *Chương II, Đoạn 12*.

17. Như trên.



CHẤM DỨT, NGĂN NGỪA VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG

Chẳng hạn, cần nhắc việc thẩm định ngay ở khâu thiết kế sản phẩm bằng cách xem xét các rủi ro RBC tiềm ẩn của một sản phẩm cùng với các tính năng khác, ví dụ tính khả thi, chi phí và nhu cầu, và xác định xem có nên theo đuổi sản phẩm đó từ giai đoạn thiết kế đến phát triển không. Làm như vậy có thể tránh được rủi ro trong tương lai.

Câu hỏi 36. Doanh nghiệp có thể sử dụng ảnh hưởng của mình như thế nào?

→ Xem Phần II, 3.2(c)-(e)

Doanh nghiệp có ảnh hưởng khi mà “doanh nghiệp có khả năng thay đổi những thực tiễn chưa đúng của đơn vị gây ra thiệt hại¹⁸.” Sử dụng ảnh hưởng đó như thế nào cho phù hợp phụ thuộc vào tác động được đề cập, tầm ảnh hưởng của doanh nghiệp đối với các mối quan hệ kinh doanh của mình và các đặc thù khác của ngành/lĩnh vực và/hoặc bản chất của mối quan hệ kinh doanh đó. Để sử dụng ảnh hưởng của mình, doanh nghiệp cũng có thể kết hợp một lúc nhiều phương pháp khác nhau.

→ **VÍ DỤ** dựa vào đặc điểm của hoàn cảnh và ngành/lĩnh vực phù hợp, doanh nghiệp có thể sử dụng ảnh hưởng của mình bằng cách:

- Khuyến khích các bên quan hệ kinh doanh áp dụng biện pháp ngăn ngừa và/hoặc giảm thiểu tác động bằng cách gửi thư, email, gọi điện hoặc gặp mặt trực tiếp bên quan hệ kinh doanh ở cấp vận hành, quản lý cấp cao và/hoặc hội đồng quản trị để bày tỏ quan điểm về các vấn đề RBC.
- Đưa các kỳ vọng cụ thể về RBC và thẩm định vào các hợp đồng thương mại.
- Gắn các ưu đãi kinh doanh – chẳng hạn cam kết ký hợp đồng lâu dài và đặt hàng tiếp trong tương lai – với việc thực hiện các kỳ vọng về RBC.
- Đối với các nhà đầu tư, tham dự và phát biểu tại các Đại hội thường niên để bày tỏ quan điểm về các vấn đề RBC và sử dụng quyền biểu quyết để bày tỏ quan điểm về các vấn đề RBC, yêu cầu các công ty được đầu tư cung cấp thông tin, phối hợp với họ để lấy các thông tin liên quan và làm rõ các kỳ vọng.
- Phối hợp với các cơ quan quản lý và hoạch định chính sách về các vấn đề RBC để thay đổi các thông lệ sai trái của đơn vị gây ra thiệt hại.
- Đề cập về khả năng chấm dứt quan hệ nếu các kỳ vọng liên quan tới RBC không được tôn trọng (ví dụ: thông qua các điều khoản hợp đồng, chính sách doanh nghiệp, cuộc họp với ban lãnh đạo của bên quan hệ kinh doanh).

Sẽ có những thời điểm, doanh nghiệp gặp phải những hạn chế khi sử dụng ảnh hưởng của mình, hoặc doanh nghiệp có thể sẽ không có một chút ảnh hưởng nào. → Xem Phụ lục Câu hỏi 37

18. OECD (2011), *Bình luận về các Chính sách chung*, Đoạn 19.



CHẤM DỨT, NGĂN NGỪA VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG

Câu hỏi 37. Giải quyết thế nào khi doanh nghiệp thiếu tầm ảnh hưởng?

Khi doanh nghiệp không có ảnh hưởng đối với các mối quan hệ kinh doanh của mình, doanh nghiệp đó có thể tìm cách làm gia tăng ảnh hưởng tới mức có thể.

→ **VÍ DỤ**, doanh nghiệp có thể

- Đưa các kỳ vọng về RBC và thâm định vào các hợp đồng thương mại.
- Xây dựng các ưu đãi thương mại liên quan đến tiêu chí RBC.
- Thiết lập quan hệ lâu dài với các nhà cung ứng hoặc các bên có quan hệ kinh doanh.

Khi thiếu ảnh hưởng với các bên quan hệ kinh doanh của mình, doanh nghiệp có thể gia tăng mức độ ảnh hưởng bằng cách thể hiện những kỳ vọng chung và thực hiện các hoạt động chung.

→ **VÍ DỤ**

- Các doanh nghiệp cùng sử dụng nguyên liệu từ cùng một nhà cung ứng có thể cùng nhau xây dựng và sử dụng một bộ yêu cầu chung về RBC đối với nhà cung ứng đó. Tương tự, các doanh nghiệp sử dụng cùng một nhà cung ứng có thể phối hợp cùng nhau để gia tăng ảnh hưởng của mình khuyến khích nhà cung ứng chung thực hiện hiệu quả các biện pháp hành động khắc phục có tuân theo các yêu cầu của luật cạnh tranh. → *xem Phụ lục, Câu hỏi 13*
- Các doanh nghiệp trong một ngành có thể chủ động phối hợp ở cấp độ toàn ngành hoặc toàn khu vực để nhận diện và phối hợp với các nhà cung ứng tại các điểm kiểm soát chung trong chuỗi cung ứng của ngành.
- Doanh nghiệp có thể tham gia các sáng kiến theo địa bàn hoặc theo vấn đề cụ thể với mục tiêu ngăn ngừa và giảm thiểu tác động bất lợi trong các lĩnh vực được xác định (ví dụ: các hội thảo quốc gia, ngành hàng hoặc lĩnh vực, các sáng kiến đa bên và các chương trình thực tế).
- Các nhà đầu tư thiểu số có thể cùng viết chung một lá thư gửi công ty nhận đầu tư bày tỏ kỳ vọng của họ về RBC và khuyến khích công ty có biện pháp ngăn ngừa/giảm thiểu tác động.

Theo ghi nhận trong Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE “có nhiều trở ngại thực tế ảnh hưởng tới khả năng của doanh nghiệp thay đổi hành vi của các nhà cung ứng của mình¹⁹.” Ngoài ra, trong một số trường hợp, quy định của luật pháp về quản trị doanh nghiệp cũng làm hạn chế khả năng kiểm soát hoặc gây tác động của doanh nghiệp, chẳng hạn giữa cổ đông và công ty đầu tư, hội đồng quản trị và ban giám đốc, doanh nghiệp mẹ và các công ty con và/hoặc liên doanh của nó. Việc doanh nghiệp có ảnh hưởng thế nào tới các bên quan hệ kinh doanh gây ra tác động bất lợi có ý nghĩa quan trọng, vì nó giúp xác định những gì doanh nghiệp có thể làm để thuyết phục bên đó hành động. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn phải thực hiện trách nhiệm thâm định và sử dụng hiệu quả bất kỳ ảnh hưởng nào mà mình có thể có.

19. OECD (2011), *Bình luận về các Chính sách chung*, Đoạn 21.



CHẤM DỨT, NGĂN NGỪA VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG

Câu hỏi 38. Doanh nghiệp có thể hỗ trợ như thế nào các bên có quan hệ kinh doanh ngăn ngừa hoặc giảm thiểu tác động bất lợi?

→ xem Phần II, 3.2(b) và 3.2(g)

Doanh nghiệp có thể hỗ trợ các bên quan hệ kinh doanh với mình thực hiện các biện pháp theo Phần II, 3.2 của Hướng dẫn này.

→ **VÍ DỤ**, doanh nghiệp có thể

- Hợp tác với các nhà cung ứng/các bên quan hệ kinh doanh phát triển và thực hiện các kế hoạch hành động khắc phục có thời hạn và định hướng kết quả.
- Hướng dẫn chuyên môn cho các nhà cung ứng/bên quan hệ kinh doanh - ví dụ, dưới hình thức đào tạo, nâng cấp hệ thống quản lý, v.v ...
- Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà cung ứng/bên quan hệ kinh doanh tham gia các sáng kiến có quy mô trong toàn ngành hoặc các sáng kiến khu vực để ngăn ngừa tác động.
- Tăng cường liên kết giữa các nhà cung ứng/bên quan hệ kinh doanh với các đơn vị cung cấp dịch vụ địa phương.
- Tạo điều kiện để các nhà cung ứng/bên quan hệ kinh doanh tiếp cận nguồn tài chính để thực hiện các kế hoạch hành động khắc phục, ví dụ, thông qua tài trợ trực tiếp, cho vay lãi suất thấp, đảm bảo sử dụng liên tục nguồn cung ứng và hỗ trợ đảm bảo tài chính.

Câu hỏi 39. Doanh nghiệp tiếp cận vấn đề chấm dứt quan hệ thế nào?

→ xem Phần II, 3.2 (h)

Như đã nêu trong Hướng dẫn này, sau khi các nỗ lực ngăn ngừa hoặc giảm thiểu tác động nghiêm trọng đã thất bại; khi không thể khắc phục được các tác động bất lợi; khi khả năng thay đổi là không thể; hoặc khi tác động/rủi ro bất lợi nghiêm trọng được xác định và chủ thể gây ra tác động đó không có biện pháp kịp thời để ngăn chặn hoặc giảm thiểu, thì chấm dứt mối quan hệ kinh doanh này có thể là biện pháp thích hợp cuối cùng. Trong nhiều trường hợp, chấm dứt quan hệ có thể là cần thiết để ảnh hưởng của doanh nghiệp thực sự hiệu quả. Trong những tình huống này, doanh nghiệp cũng nên xem xét và giải quyết các tác động tiêu cực có thể xảy ra do quyết định chấm dứt quan hệ. Nếu cho rằng chấm dứt là biện pháp thích hợp nhất, thì doanh nghiệp có thể cân nhắc thực hiện các bước sau để đảm bảo chấm dứt một cách có trách nhiệm.

→ **VÍ DỤ**, doanh nghiệp:

- Cân tuân thủ luật pháp quốc gia, tiêu chuẩn lao động quốc tế và các điều khoản của thỏa ước lao động tập thể.
- Có thể thông tin trước về các biện pháp chấm dứt cho bên quan hệ kinh doanh.
- Có thể cung cấp thông tin chi tiết cho ban lãnh đạo và công đoàn, nếu có, để giải trình quyết định chấm dứt của mình.
- Điều quan trọng là phải đảm bảo thông báo đầy đủ về việc chấm dứt đó cho bên quan hệ kinh doanh, nếu có thể.²⁰

20. Trong trường hợp đã xác định được các tác động bất lợi nghiêm trọng hoặc khi doanh nghiệp cho rằng việc phòng ngừa hoặc giảm thiểu tác động bất lợi là không khả thi, thì doanh nghiệp không thể thông báo đầy đủ cho bên quan hệ kinh doanh.



CHẤM DỨT, NGĂN NGỪA VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG

Có một số trường hợp, việc chấm dứt một mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp là không thể hoặc không khả thi.

→ VÍ DỤ:

- Khi thời hạn quan hệ kinh doanh đã được ấn định trong hợp đồng hoặc các dựa trên các cân nhắc thực tế (ví dụ: khi đầu tư vào một danh mục đầu tư chung; khi khách hàng của nhà quản lý đầu tư cho rằng không nên thoái vốn, một hợp đồng có thời hạn cố định).
- Trường hợp nhà cung ứng là một mối quan hệ kinh doanh quan trọng²¹ (ví dụ: khi một loại khoáng chất đất hiếm có ý nghĩa quan trọng đối với sản phẩm lõi chỉ có một nhóm số ít các nhà cung ứng hoạt động trong bối cảnh rủi ro cao).

Trong những trường hợp này, doanh nghiệp nên báo cáo vấn đề này trong nội bộ, tiếp tục theo dõi mối quan hệ kinh doanh đó, có thể bằng cách duy trì một cơ sở dữ liệu tri thức, và xem xét lại quyết định tiếp tục quan hệ kinh doanh khi hoàn cảnh thay đổi hoặc khi cân nhắc chiến lược dài hạn của mình nhằm ứng phó có hệ thống với mọi tác động bất lợi. Vì lợi ích của mình, doanh nghiệp cũng nên giải thích rõ lý do không chấm dứt mối quan hệ kinh doanh đó, quyết định này phù hợp với các chính sách và ưu tiên của doanh nghiệp thế nào, doanh nghiệp đang làm gì để gây ảnh hưởng & giảm thiểu tác động, và mối quan hệ kinh doanh này sẽ ra sao nào tiếp tục được theo dõi trong thời gian tới

Câu hỏi 40. Doanh nghiệp ngăn ngừa và giảm thiểu thế nào các tác động bất lợi liên quan tới những đối tác kinh doanh không có quan hệ hợp đồng với doanh nghiệp?

→ xem Phần II, 3.2

Doanh nghiệp có thể áp dụng một biện pháp để ngăn chặn và giảm thiểu tác động bất lợi liên quan đến các đối tác kinh doanh không có quan hệ hợp đồng với mình.

→ VÍ DỤ, doanh nghiệp có thể:

- Yêu cầu các bên quan hệ kinh doanh theo hợp đồng chỉ đạo hoạt động đối với các mối quan hệ kinh doanh đã được xác định trước.
- Tìm kiếm nguồn hàng hoặc kinh doanh theo hình thức khác với các bên quan hệ kinh doanh hoạt động tại các điểm kiểm soát trong chuỗi cung ứng đã có quy trình thẩm định đáng tin cậy đối với các nhà cung ứng của họ (trong bối cảnh chuỗi cung ứng).
→ Xem hợp 5
- Xác định và phối hợp trực tiếp với các bên quan hệ kinh doanh có rủi ro cao để ngăn ngừa và giảm thiểu tác động giống với các hoạt động mô tả trong Câu hỏi 34.

21. Mối quan hệ quan trọng là mối quan hệ cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ thiết yếu đối với hoạt động của doanh nghiệp, mà không có nguồn cung ứng thay thế hợp lý nào khác.

A.4 THEO DÕI QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ

Theo dõi quá trình và hiệu quả thực hiện các hoạt động thẩm định của doanh nghiệp, là các biện pháp mà doanh nghiệp áp dụng để nhận diện, ngăn chặn, giảm thiểu và, nếu phù hợp, hỗ trợ khắc phục các tác động bất lợi, kể cả các bên quan hệ kinh doanh. Đối lại, các bài học kinh nghiệm rút ra từ quá trình theo dõi sẽ giúp cải thiện các quy trình này trong tương lai.

→ xem Phần II, 4.1

Câu hỏi 41. Cần theo dõi các thông tin gì trong thẩm định?

→ xem Phần II, 4.1

Theo dõi trước hết là đánh giá xem các biện pháp ứng phó với tác động bất lợi đã được nhận diện có hiệu quả không. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng có thể rà soát tổng quan quy trình thẩm định của mình, các sáng kiến của ngành và các sáng kiến đa bên để đảm bảo tính hiệu quả. Việc rà soát sẽ được thực hiện định kỳ hoặc khi các hoạt động theo dõi cho thấy tác động bất lợi đáng kể không được giải quyết một cách hiệu quả.

Để phục vụ cho hoạt động theo dõi, có thể thiết lập các chỉ báo định tính và định lượng.

→ **VÍ DỤ**, một số chỉ báo liên quan bao gồm:

- Tỷ lệ các bên có quyền lợi liên quan bị ảnh hưởng cho rằng tác động bất lợi đã được giải quyết thỏa đáng.
- Tỷ lệ/số lượng các điểm hành động được thống nhất đã được thực hiện trong thời hạn nêu trong kế hoạch.
- Tỷ lệ các bên có quyền lợi liên quan bị ảnh hưởng cho rằng các kênh giải quyết khiếu nại là dễ tiếp cận, công bằng và hiệu quả.
- Tỷ lệ các vấn đề lặp lại liên quan đến (các) tác động bất lợi đã được xác định.

Các chỉ báo được thiết lập theo hoàn cảnh cụ thể và có thể tùy chỉnh theo mục tiêu và hành động thẩm định doanh nghiệp.

Câu hỏi 42. Doanh nghiệp có thể theo dõi quá trình và kết quả thực hiện như thế nào?

→ xem Phần II, 4.1

Các phương pháp mà doanh nghiệp áp dụng để theo dõi quá trình và kết quả thực hiện, kể cả theo dõi hiệu quả giải quyết các tác động sẽ thay đổi theo bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp, quy mô doanh nghiệp và những rủi ro mà doanh nghiệp phải đối mặt trong hoạt động của mình cũng như của các mối quan hệ kinh doanh. Trong nhiều trường hợp, để trả lời câu hỏi liệu các tác động có đang được giải quyết hay không, doanh nghiệp cần phải xem xét một loạt các yếu tố đầu vào kể cả dữ liệu đánh giá, dữ liệu thu thập từ các cơ chế khiếu nại và phản hồi của các bên liên quan để có được bức tranh tổng quan.



THEO DÕI THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ

→ **VÍ DỤ**, khi theo dõi mức độ hiệu quả của việc giải quyết vấn đề lao động trẻ em liên quan đến các nhà cung ứng trực tiếp tại nhiều quốc gia, doanh nghiệp có thể xem xét những tiêu chí sau:

- Tại cơ sở, doanh nghiệp có thể:
 - theo dõi việc xúc tiến của từng nhà cung ứng dựa trên kế hoạch hành động khắc phục của họ để loại bỏ lao động trẻ em.
 - Lấy ý kiến của người lao động, đại diện của người lao động và công đoàn về việc cơ sở của họ có giải quyết hiệu quả vấn đề lao động trẻ em không.
 - theo dõi các vụ việc lao động trẻ em đã được xác định và cách xử lý các trường hợp đó (tức là biện pháp khắc phục đã được thực hiện).
- Trên phương diện toàn cầu, doanh nghiệp có thể xem xét dữ liệu đánh giá, các khiếu nại được báo cáo và các báo cáo đáng tin cậy được thu thập hàng năm từ toàn bộ các nhà cung ứng có rủi ro cao hoặc từ các khu vực địa lý có rủi ro cao để xem xét xu hướng và tiến độ ngăn ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em

Tần suất theo dõi của doanh nghiệp cũng phụ thuộc vào bản chất và mức độ nghiêm trọng của tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn mà doanh nghiệp đang theo dõi. Ví dụ, đối với các tác động nghiêm trọng hơn, sẽ cần theo dõi nhiều hơn để khẳng định các tác động bất lợi đó đang được giải quyết một cách hiệu quả.

Trong nhiều trường hợp, các hoạt động theo dõi quá trình và kết quả thực hiện có thể được tích hợp vào các quá trình báo cáo và giám sát nội bộ liên quan hiện có.

Câu hỏi 43. Ai tham gia theo dõi quá trình và kết quả thực hiện trong doanh nghiệp?

→ xem Phần II, 4.1

Trách nhiệm theo dõi quá trình và kết quả thực hiện có thể được phân công cho một số cá nhân ở các đơn vị kinh doanh hoặc các phòng ban liên quan của doanh nghiệp

→ VÍ DỤ

- Trách nhiệm chính trong việc theo dõi thực hiện đánh giá các nhà cung ứng và các biện pháp khắc phục tương ứng có thể giao cho phòng ban phụ trách hoạt động tìm nguồn cung ứng của doanh nghiệp.
- Đơn vị mua sắm của doanh nghiệp có thể chịu trách nhiệm chính về việc theo dõi tỷ lệ đơn đặt hàng bị muộn, bị thay đổi hoặc bị hủy – vì đây là tất cả các yếu tố có thể góp phần vào rủi ro lao động với nhà cung ứng của doanh nghiệp.
- Nhân viên nghiệp vụ có thể thu thập ý kiến của các bên có quyền lợi liên quan/các chủ thể quyền bị ảnh hưởng để tìm hiểu xem liệu các tác động đã được giải quyết hay chưa (ví dụ: thông qua tham vấn với cộng đồng địa phương, thu thập ý kiến phản hồi từ những người dự họp và tham gia diễn đàn, các ghi chép về những vấn đề được báo cáo trong quá trình khắc phục).



THEO DÕI THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ

Việc cán bộ quản lý cấp cao giám sát tiến độ và kết quả thực hiện của doanh nghiệp có thể sẽ tạo nên bức tranh tổng quan hơn về kết quả thực hiện trong toàn doanh nghiệp.

Ví dụ: các hệ thống thu thập thông tin ở cấp địa phương (ví dụ dữ liệu đánh giá nhà cung ứng), nhưng sau đó được tổng hợp tại một đơn vị tập trung (ví dụ: trụ sở chính hoặc văn phòng khu vực) có thể giúp xác định xu hướng một cách bao quát hơn và có thể được dùng làm cơ sở chia sẻ bài học kinh nghiệm trong toàn doanh nghiệp.

Câu hỏi 44. Doanh nghiệp có thể phản ứng với các kết quả theo dõi của mình như thế nào?

→ xem Phần II, 4.1 (e)-(f)

Hoạt động theo dõi giúp doanh nghiệp thấy được liệu các hệ thống mà mình áp dụng có hiệu quả không, có cho phép doanh nghiệp tránh được và giải quyết được các tác động bất lợi trong hoạt động của mình và chuỗi cung ứng của mình không, hoặc liệu các hệ thống đó có cần điều chỉnh cho hiệu quả hơn không.

→ VÍ DỤ

- Nếu kết quả đánh giá nhà cung ứng không cho thấy bất kỳ rủi ro an toàn cháy nổ nào và sau đó nhà cung ứng có hỏa hoạn, doanh nghiệp sẽ phản ứng bằng cách xem lại phương pháp đánh giá của mình đối với các biện pháp bảo đảm an toàn cháy nổ của các nhà cung ứng.
- Nếu doanh nghiệp đã tập huấn nội bộ và áp dụng các biện pháp kiểm soát khác để đấu tranh với hiện tượng hối lộ khi xin giấy phép, và qua báo cáo của bên thứ ba, doanh nghiệp biết rằng việc đưa hối lộ vẫn tiếp diễn trong quá trình xin cấp phép, khi đó doanh nghiệp sẽ phản ứng bằng cách điều chỉnh các biện pháp kiểm soát nội bộ của mình để ngăn ngừa và giảm thiểu hiệu quả hơn các vi phạm trong tương lai.

Khi các quy trình hoặc phương pháp tiếp cận thâm định không hiệu quả, doanh nghiệp phải đánh giá nội bộ để tìm hiểu lý do. Tham khảo ý kiến các nhân viên tham gia thâm định và các bên có quyền lợi liên quan ngoài doanh nghiệp cũng có thể có tác dụng. Việc duy trì hoạt động giám sát cấp cao cũng giúp doanh nghiệp rút ra các bài học kinh nghiệm để liên tục cải thiện hệ thống thâm định.

Câu hỏi 45. Ưu tiên các hoạt động theo dõi như thế nào?

→ xem Phần II, 4.1

Việc ưu tiên các hoạt động theo dõi phải phù hợp với các ưu tiên phòng ngừa và giảm thiểu. Nói cách khác, doanh nghiệp nên ưu tiên theo dõi những tác động bất lợi mà họ đánh giá là đáng kể nhất và đã có hành động ngăn ngừa và giảm thiểu. Việc đánh giá tổng thể quy trình thâm định có thể được thực hiện định kỳ hoặc được thực hiện khi các tác động đáng kể không được giải quyết hiệu quả → xem Phụ lục, Câu hỏi 3 và Câu hỏi 31.

A.5 THÔNG TIN VỀ CÁCH GIẢI QUYẾT TÁC ĐỘNG

Truyền đạt ra bên ngoài những thông tin có liên quan về các chính sách, quy trình, hoạt động thẩm định đã được thực hiện để xác định và giải quyết các tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn, bao gồm cả những phát hiện và kết quả của các hoạt động đó. → xem Phần II, 5.1

Câu hỏi 46. Hình thức phù hợp để truyền đạt thông tin ra công chúng và cho các bên có quyền lợi liên quan bị ảnh hưởng là gì?

→ xem Phần II, 5.1

Như đã nêu trong Phần II, 5.1 của Hướng dẫn này, có nhiều cách thức linh hoạt để thông tin ra công chúng, miễn là phải đảm bảo công chúng dễ dàng tiếp cận được thông tin. Ngoài ra, một số quốc gia hoặc sàn giao dịch chứng khoán có thể áp dụng các yêu cầu báo cáo cụ thể liên quan đến thẩm định.

Khi gây ra hoặc góp phần gây ra tác động về quyền con người, doanh nghiệp phải cung cấp cho các chủ thể quyền đang hoặc có khả năng bị ảnh hưởng các thông tin liên quan một cách kịp thời, có văn hóa và dễ tiếp cận. Khả năng tiếp cận thông tin không chỉ là tiếp cận về mặt vật lý mà thông tin phải dễ hiểu và được cung cấp tại thời điểm, theo định dạng, với ngôn ngữ và địa điểm phù hợp để đảm bảo những người tiếp nhận thông tin có thể nhận biết và sử dụng thông tin đó một cách hiệu quả. Thông tin phải “đủ để chứng tỏ doanh nghiệp đã ứng phó thỏa đáng đối với tác động cụ thể liên quan về quyền con người” và “do đó không gây rủi ro cho những người hay các bên có quyền lợi liên quan bị ảnh hưởng, hoặc cho các yêu cầu hợp pháp về bảo mật thương mại.”²²

Hình thức thông tin cũng phải dễ tiếp cận với các đối tượng dự kiến.

→ **VÍ DỤ**, doanh nghiệp có thể chọn các cách thông tin sau:

- Hợp trực tiếp
- Đối thoại trực tuyến
- Tham vấn với các bên có quyền lợi liên quan đang hoặc có thể bị ảnh hưởng
- Báo cáo công khai chính thức²³
- Chia sẻ các kết luận kiểm toán/kết luận đánh giá với công đoàn
- Thông qua bên trung gian phù hợp

Khi xác định hình thức thông tin phù hợp cho các bên có quyền lợi liên quan, có thể đặt ra các câu hỏi định hướng sau:

- Đối tượng nhận thông tin là ai?
- Đối tượng có thể tiếp cận thông tin như thế nào?
- Một số nhóm đối tượng bị thiệt thòi hoặc dễ bị tổn thương có gặp phải rào cản tiếp cận nào không?
- Năng lực của đối tượng (ngôn ngữ, đọc viết, vị trí, thời gian, sự sẵn sàng, năng lực kỹ thuật)?

22. UN (2011), Nguyên tắc 21, Bình luận.

23. Như trên



THÔNG TIN VỀ CÁCH GIẢI QUYẾT TÁC ĐỘNG

- Vấn đề an toàn hay bảo mật là gì?
- Các bên có quyền lợi liên quan/chủ thể quyền đã hoặc sẽ bị ảnh hưởng đã nói gì cho thấy họ cho rằng nội dung thông tin và phương pháp chia sẻ thông tin rất quan trọng và có tác dụng?

Doanh nghiệp có thể cũng muốn thông tin cho các bên liên quan/chủ thể quyền đang hoặc sẽ bị ảnh hưởng trong trường hợp các tác động bất lợi đáng kể là do bên quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp gây ra hoặc góp phần gây ra.

Trong những trường hợp này, hình thức thông tin phù hợp gồm:

- Chia sẻ các kết quả đánh giá hoặc kết quả kiểm toán về lao động, quyền con người, môi trường với các bên có quyền lợi liên quan/chủ thể quyền đã hoặc có thể sẽ bị ảnh hưởng, trên cơ sở tuân thủ yêu cầu bảo mật.
- Cùng với (các) bên quan hệ kinh doanh có liên quan của mình thông tin tới các bên có quyền lợi liên quan/chủ thể quyền đã hoặc có thể sẽ bị ảnh hưởng.
- Thông qua các sáng kiến nhiều bên hoặc sáng kiến ngành có quan hệ chặt chẽ với các chủ thể quyền để thông tin đến các chủ thể quyền đã hoặc có thể sẽ bị ảnh hưởng.

Câu hỏi 47. Khi nào thông tin được coi là nhạy cảm về thương mại, làm thế nào để vẫn có thể cung cấp các thông tin liên quan?

→ xem Phần II, 5.1

Việc thông tin cần được thực hiện trên cơ sở lưu tâm thích đáng tới vấn đề bảo mật thương mại và các yếu tố khác liên quan tới cạnh tranh và bảo mật.

→ VÍ DỤ:

- Đôi khi, pháp luật trong nước có thể hạn chế một số trường hợp cung cấp thông tin, hoặc có thể quy định một số lĩnh vực thông tin thương mại được bảo vệ.
- Hợp đồng giữa doanh nghiệp và các mối quan hệ kinh doanh của nó có thể ngăn cản việc tiết lộ một số thông tin nhất định (ví dụ: danh tính của khách hàng).
- Các yêu cầu bảo mật thương mại cũng có thể hạn chế việc tiết lộ một số thông tin (ví dụ: thông tin giá cả, quan hệ với nhà cung ứng)
- Trường hợp có thể phát sinh rủi ro với các bên có quyền lợi liên quan hoặc nhân viên trong doanh nghiệp (kể cả các rủi ro phát sinh từ việc tiết lộ thông tin cá nhân), thì không nên công bố đầy đủ thông tin.



THÔNG TIN VỀ CÁCH GIẢI QUYẾT TÁC ĐỘNG

Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định, tiết lộ thông tin là việc làm quan trọng thể hiện trách nhiệm tôn trọng quyền con người của doanh nghiệp.

→VÍ DỤ:

- Thông báo cho người lao động về việc tiếp xúc với các chất độc hại.
- Thông tin cần thiết về kết quả thử nghiệm sản phẩm hoặc môi trường để bảo vệ hiệu quả quyền sống hoặc quyền sức khỏe của người lao động.
- Thông tin về các chất độc hại cần thiết để đảm bảo hiệu quả điều trị y tế sau một thảm họa công nghiệp.

Có thể áp dụng một số phương pháp nhất định để đảm bảo việc thông tin song vẫn tuân thủ tốt nhất các yêu cầu về bảo mật.

→VÍ DỤ:

- Hạn chế quyền truy cập các thông tin nhạy cảm, chỉ cho phép những người đã được bên cung cấp thông tin đồng ý cho phép.
- Ẩn danh nguồn thông tin
- Giải trình hoặc, nếu có thể, giải thích thỏa đáng lý do không chia sẻ thông tin.
- Sử dụng các bên thứ ba hoặc công nghệ sáng tạo để cung cấp các thông tin chủ chốt nhưng vẫn bảo mật được các dữ liệu nhạy cảm về thương mại, ví dụ, cung cấp các thông tin tổng hợp hoặc không tiết lộ các quan hệ kinh doanh cụ thể.
- Trì hoãn việc báo cáo cho tới khi một đối tượng liên quan không còn gặp rủi ro nữa, ví dụ sau khi rủi ro hoặc khiếu nại đã được giải quyết.
- Sử dụng các phương pháp kiểm soát khác, ví dụ mời một bên thứ ba độc lập rà soát quy trình thẩm định của doanh nghiệp và công khai kết luận của họ hoặc thông tin về các kết luận đó cho một sáng kiến tập thể có liên quan.

A.6 CHỦ ĐỘNG KHẮC PHỤC HOẶC HỢP TÁC KHẮC PHỤC KHI PHÙ HỢP

Câu hỏi 48. Các biện pháp khắc phục liên quan gì với thẩm định?

→ xem Phần II, 6

Khắc phục không phải là một nội dung thẩm định mà là một quy trình riêng biệt, quan trọng cần tới sự hỗ trợ và tạo thuận lợi của quy trình thẩm định. Các quy trình giải quyết khiếu nại và khắc phục có mối quan hệ chặt chẽ và có tác dụng hỗ trợ cho quy trình thẩm định vì đây là các kênh giúp doanh nghiệp nhận biết được và có biện pháp xử lý các tác động của RBC. Đầu vào và ý kiến phản hồi từ các quy trình trên có thể giúp doanh nghiệp xác định các tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn vì nó làm nổi bật những vấn đề chưa được quan tâm đúng mức và là cơ sở đề ứng phó hiệu quả với các tác động bất lợi đó. Tuy nhiên, các ví dụ và giải thích dưới đây không nhằm trình bày tổng quan về khắc phục.

Khi cho rằng mình đã thực sự gây ra hoặc góp phần gây ra các tác động bất lợi, doanh nghiệp hãy xử lý các tác động đó bằng cách chuẩn bị hoặc hợp tác để khắc phục. → xem Phần II, 6.1

Câu hỏi 49. “Khắc phục” là gì?

→ xem Phần II, 6.1 và 6.2

Khắc phục là quy trình chuẩn bị các biện pháp nhằm giải quyết một tác động bất lợi nhằm mục tiêu thực chất là làm mất tác dụng hoặc “sửa chữa” tác động bất lợi đó.

Câu hỏi 50. Doanh nghiệp xác định như thế nào các hình thức khắc phục phù hợp?

→ xem Phần II, 6.1

Biện pháp khắc phục hoặc việc kết hợp các biện pháp khắc phục phụ thuộc vào tính chất và mức độ của tác động bất lợi → xem Phần II, 6.1 (b). Phần II 6.1 (b) của Hướng dẫn trình bày các hình thức khắc phục phù hợp, tuy nhiên, có thể xem xét các yếu tố dưới đây để xác định hình thức khắc phục phù hợp:

- Các tiêu chuẩn hiện có - Trong một số trường hợp, các tiêu chuẩn hoặc luật pháp trong nước và quốc tế quy định rõ về các hình thức khắc phục phù hợp.
- Tiền lệ - Trường hợp không có tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, doanh nghiệp có thể tham khảo các biện pháp khắc phục được áp dụng trong các trường hợp tương tự.
- Ý thích của các bên liên quan - Quan điểm của những bên có quyền lợi liên quan bị ảnh hưởng về việc thế nào là phù hợp. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với các tác động về quyền con người.



CHUẨN BỊ HOẶC HỢP TÁC KHẮC PHỤC KHI PHÙ HỢP

Khi phù hợp, phải dàn xếp hoặc phối hợp với các cơ chế khắc phục hợp pháp mà các bên có quyền lợi liên quan/chủ thể quyền có thể sử dụng để khiếu nại hoặc giải quyết khiếu nại với doanh nghiệp. → xem Phần II, 6.2

Câu hỏi 51. “Cơ chế khắc phục hợp pháp” là gì?

→ xem Phần II, 6.2

Các cơ chế khắc phục hợp pháp có thể bao gồm quy trình của Nhà nước hoặc quy trình phi Nhà nước, qua đó khiếu nại về các tác động bất lợi liên quan đến doanh nghiệp được tiếp nhận và giải quyết.²⁴

→ VÍ DỤ

- Các quy trình tố tụng như truy tố, tranh tụng và trọng tài là những ví dụ phổ biến về các quy trình của nhà nước có thể sử dụng để tìm kiếm biện pháp khắc phục.
- Các cơ chế phi tư pháp của nhà nước ví dụ các cơ quan chuyên môn của chính phủ, cơ quan bảo vệ người tiêu dùng, cơ quan giám sát quản lý, cơ quan bảo vệ môi trường.
- Đầu mối Liên hệ Quốc gia được chỉ định theo Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE là cơ chế phi tư pháp của nhà nước chuyên tiếp nhận các vấn đề liên quan tới việc thực hiện Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE trong những trường hợp cụ thể → Xem Hộp 8
- Các cơ chế khiếu nại ở cấp hoạt động đáp ứng tiêu chí cốt lõi về tính hợp pháp, khả năng tiếp cận, khả năng dự đoán, tính công bằng, tương thích với Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE, minh bạch và dựa trên đối thoại.
- Các Thỏa thuận Khung Toàn cầu giữa các công ty và Công đoàn Toàn cầu, cơ chế khiếu nại đa thành phần, cơ chế khiếu nại của cộng đồng, thỏa thuận thương lượng tập thể và cơ chế khiếu nại của chuỗi cung ứng doanh nghiệp là ví dụ về các quy trình không phải của Nhà nước có thể sử dụng để tìm kiếm biện pháp khắc phục.

HỢP 7. VAI TRÒ CỦA CÁC QUỐC GIA TRONG VIỆC ĐẢM BẢO TIẾP CẬN BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HIỆU QUẢ

Trong phạm vi nhiệm vụ bảo vệ chống lại việc lạm dụng quyền con người có liên quan đến doanh nghiệp, các Quốc gia phải thực hiện các bước thích hợp để đảm bảo, bằng các biện pháp hành chính tư pháp, lập pháp hoặc các phương tiện thích hợp khác, rằng khi việc lạm dụng xảy ra trên lãnh thổ và quyền tài phán của mình, những người bị ảnh hưởng có quyền tiếp cận các biện pháp khắc phục hiệu quả. Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE không đặt mục tiêu đưa ra các khái niệm hợp pháp về trách nhiệm pháp lý, kể cả giữa các doanh nghiệp. Các tòa án trong nước sẽ sử dụng các khái niệm và phép thử của riêng mình để xác định trách nhiệm đối với thiệt hại và biện pháp khắc phục phù hợp. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp chọn hoạt động ở những quốc gia mà Nhà nước không thực hiện Nghĩa vụ Bảo vệ của mình, điều này không miễn trừ doanh nghiệp khỏi trách nhiệm cung cấp biện pháp khắc phục đối với một tác động bất lợi mà doanh nghiệp đã trực tiếp hoặc góp phần gây ra.

OECD (2011) Chương, IV, Đoạn 46.

HỢP 8. ĐẦU MỐI LIÊN HỆ QUỐC GIA TRONG BỘ HƯỚNG DẪN CỦA OECD CHO MNE

Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE đã tích hợp sẵn một cơ chế khiếu nại phi tư pháp thông qua Đầu mối Liên hệ Quốc gia (NCP). Đầu mối này được chỉ định bởi các Bên tuân thủ bộ Đầu tư của OECD. Các NCP có nhiệm vụ tăng cường hiệu quả của Bộ Hướng dẫn của OECD cho MNE bằng cách: thực hiện các hoạt động xúc tiến, giải quyết các thắc mắc và góp phần giải quyết các vấn đề nảy sinh liên quan đến việc thực hiện Bộ Hướng dẫn của OECD cho MNE trong các trường hợp cụ thể*. Mọi cá nhân hoặc tổ chức đều có thể đưa ra một vụ việc (khiếu nại) cụ thể đối với một doanh nghiệp ra NCP nơi doanh nghiệp đang hoạt động hoặc có trụ sở liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp ở bất kỳ đâu trên thế giới. NCP tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các quy trình mang tính đồng thuận và không đối kháng, chẳng hạn như hòa giải trực tiếp hoặc trung gian hòa giải, để hỗ trợ các bên giải quyết các vấn đề. NCP phải đưa ra tuyên bố cuối cùng sau khi kết thúc quy trình thủ tục giải quyết vụ việc cụ thể đó. NCP cũng có thể đưa ra các khuyến nghị dựa trên các tình tiết của vụ việc cụ thể.

** Các trường hợp cụ thể là thuật ngữ được sử dụng trong Bộ Hướng dẫn để mô tả các vấn đề thực tế có thể phát sinh khi thực hiện Bộ Hướng dẫn.*

Câu hỏi 52. “Hợp tác với các cơ chế khắc phục hợp pháp” nghĩa là gì?

→ xem Phần II, 6.2

Nếu doanh nghiệp đã gây ra hoặc góp phần gây ra một tác động bất lợi, thì có thể sử dụng bất cứ cơ chế nào được mô tả trong phần II, 6.2 (a) - (c) của Hướng dẫn này để xác định xem có phải doanh nghiệp đã gây ra hoặc góp phần gây ra tác động bất lợi đó không và chủ động thực hiện biện pháp khắc phục trong những trường hợp đó.

Tuy nhiên, trong trường hợp không gây ra hoặc không góp phần gây ra tác động bất lợi nhưng lại liên quan trực tiếp đến tác động đó, thì doanh nghiệp vẫn có thể tham gia quá trình khắc phục, mặc dù không chủ động áp dụng biện pháp khắc phục. Ví dụ, doanh nghiệp có thể sử dụng ảnh hưởng của mình, trong phạm vi có thể, đối với các mối quan hệ kinh doanh của mình để buộc họ tham gia quá trình khắc phục. Nếu có thể, doanh nghiệp có thể cung cấp thông tin để tạo điều kiện cho việc điều tra hoặc đối thoại.

Câu hỏi 53. Quy trình khắc phục nào sẽ phù hợp với hoàn cảnh nào?

→ xem Phần II, 6.2

Xác định quy trình khắc phục phù hợp phụ thuộc vào nhiều yếu tố như các nghĩa vụ pháp lý, ý thích của các bên có quyền lợi liên quan, sự sẵn sàng của cơ chế, tính chất của tác động bất lợi và nơi tác động đó xảy ra (nghĩa là trong hoạt động của doanh nghiệp hay trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp).



CHỦ ĐỘNG KHẮC PHỤC HOẶC HỢP TÁC KHẮC PHỤC KHI PHÙ HỢP

→ VÍ DỤ

- Trong một số trường hợp, doanh nghiệp có thể có nghĩa vụ tham gia các cơ chế khiếu kiện tư pháp của nhà nước hoặc có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Trong bối cảnh hoạt động của chính doanh nghiệp, các cơ chế khiếu nại cấp hoạt động có thể là một phương tiện hữu hiệu để thực hiện mục tiêu khắc phục, nếu các cơ chế này đáp ứng các tiêu chí cốt lõi về: tính hợp pháp, khả năng tiếp cận, khả năng dự đoán, tính công bằng, khả năng tương thích với Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho MNE, tính minh bạch và sự tham gia dựa trên đối thoại và tham gia để tìm kiếm các giải pháp đã thỏa thuận.²⁵
- Đối với những khiếu nại trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp (thay vì trong hoạt động của chính doanh nghiệp), các phương án có thể áp dụng hạn chế hơn. Doanh nghiệp có thể hình thành hoặc tham gia vào các quy trình khả thi, phù hợp với hoàn cảnh của họ, có thể là hình thành cơ chế khiếu nại trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp, tham gia cơ chế khiếu nại đa bên hay tham gia Thỏa thuận khung toàn cầu.

Câu hỏi 54. Hệ thống cảnh báo sớm và quy trình khắc phục khác nhau ở đâu?

→ xem Phần II, 6.2

Mục tiêu của hệ thống cảnh báo sớm là xác định các rủi ro (hoặc tác động thực tế) liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp hoặc các mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp đó.

→ **VÍ DỤ**, một doanh nghiệp có thể thiết lập đường dây nóng để người lao động có thể trình bày lo ngại của họ về các vấn đề ảnh hưởng đến quyền, chẳng hạn như điều kiện sức khỏe và an toàn.

Mục tiêu của quy trình khắc phục là thực hiện các biện pháp giải quyết hậu quả cho những người đã phải chịu thiệt hại.

→ **VÍ DỤ**, một công nhân có thể khiếu nại về việc ban quản lý sa thải người không công bằng. Người công nhân đó và doanh nghiệp được mời ngồi lại với nhau để quyết định biện pháp khắc phục phù hợp (ví dụ: phục hồi lại việc làm, bồi thường, v.v ...).

Một cơ chế riêng lẻ - như cơ chế khiếu nại – có thể cùng một lúc hoạt động như một hệ thống cảnh báo sớm đồng thời thực hiện các quy trình khắc phục.

OECD (2011) Chương, IV, Đoạn 46.



TÀI LIỆU BỔ SUNG

KHUYẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG ĐỐI VỚI HƯỚNG DẪN CỦA OECD VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Thông qua ngày 30/05/ 2018

HỘI ĐỒNG,

LIÊN QUAN ĐẾN Điều 5(b) của Công ước về Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế ngày 14 tháng 12 năm 1960;

LIÊN QUAN ĐẾN Tuyên bố về Đầu tư Quốc tế và Doanh nghiệp Đa quốc gia [C(76)99/FINAL], Quyết định của Hội đồng về Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho Doanh nghiệp Đa quốc gia [C(2000)96/FINAL] (sau đây là “Quyết định về Bộ Hướng dẫn”), Công ước về chống hối lộ công chức nước ngoài trong các giao dịch kinh doanh quốc tế, Khuyến nghị của Hội đồng về Hướng dẫn Thẩm định các chuỗi cung ứng khoáng sản có trách nhiệm từ các khu vực có xung đột và rủi ro cao [C/MIN(2011)12/FINAL], Khuyến nghị của Hội đồng về Khung chính sách cho Đầu tư [C(2015)56/REV1], Khuyến nghị của Hội đồng về Hướng dẫn của OECD-FAO cho các chuỗi cung ứng nông nghiệp có trách nhiệm [C(2016)83], Khuyến nghị của Hội đồng đối với Hướng dẫn Thẩm định về sự tham gia có ý nghĩa của các bên có quyền lợi liên quan trong lĩnh vực khai thác mỏ [C(2016)100] và Khuyến nghị của Hội đồng đối với Hướng dẫn Thẩm định của OECD về chuỗi cung ứng có trách nhiệm trong lĩnh vực may mặc và giày dép [C(2017)63];

CẦN NHẮC khuyến nghị của các Bộ trưởng OECD khuyến khích OECD xây dựng một bộ hướng dẫn thẩm định chung để áp dụng cho các lĩnh vực [C/MIN(2017)9/FINAL];

NHẮC LẠI mục đích chung của các chính phủ khi khuyến nghị tuân thủ Bộ Hướng dẫn cho các Doanh nghiệp đa quốc gia (sau đây gọi là “Bộ hướng dẫn”) là để thúc đẩy hành vi kinh doanh có trách nhiệm;

TIẾP TỤC NHẮC LẠI rằng Quyết định về Bộ hướng dẫn quy định rằng Ủy ban Đầu tư sẽ cùng với các Đầu mối Liên lạc Quốc gia theo đuổi một chương trình nghị sự chủ động hợp tác với các bên có quyền lợi liên quan thúc đẩy sự tuân thủ hiệu quả của các doanh nghiệp đối với các nguyên tắc và tiêu chuẩn có trong Bộ Hướng dẫn đối với các sản phẩm, khu vực, lĩnh vực hoặc ngành cụ thể;

CẦN NHẮC những nỗ lực của cộng đồng quốc tế thúc đẩy hành vi kinh doanh có trách nhiệm trên toàn cầu nhằm tăng cường và hài hòa việc thực hiện các tiêu chuẩn về quyền con người, lao động, môi trường và chống tham nhũng và hỗ trợ một sân chơi bình đẳng cho doanh nghiệp có tính đến tác động của chúng đối với xã hội và môi trường.



TÀI LIỆU BỔ SUNG

NHẬN THỨC rằng kinh doanh có trách nhiệm ở mọi lĩnh vực của nền kinh tế có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững;

LUU Ý rằng Bộ hướng dẫn này khuyến nghị các doanh nghiệp tiến hành thẩm định dựa trên rủi ro nhằm xác định, ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn liên quan đến việc cung cấp thông tin, quyền con người, việc làm và quan hệ lao động, môi trường, tham nhũng, hối lộ, và quyền lợi của người tiêu dùng trong hoạt động của chính doanh nghiệp cũng như trong chuỗi cung ứng và các mối quan hệ kinh doanh khác của họ;

NHẬN THỨC rằng các chính phủ, doanh nghiệp, công đoàn, tổ chức xã hội dân sự và tổ chức quốc tế có thể dựa vào năng lực và vai trò của mình để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động kinh doanh có trách nhiệm, kể cả trong chuỗi cung ứng;

LIÊN QUAN ĐẾN Hướng dẫn của OECD về thẩm định hành vi kinh doanh có trách nhiệm [C(2018)42/ADD1] (sau đây gọi là “Hướng dẫn”), có thể được Ủy ban Đầu tư sửa đổi cho phù hợp, cụ thể là khi các thông lệ thẩm định thay đổi và có hiệu quả hơn để đảm bảo tránh được và giải quyết được các tác động bất lợi đối với xã hội và môi trường;

LIÊN QUAN ĐẾN Các Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hiệp quốc về Kinh doanh và Quyền con người cũng như Tuyên bố Ba bên của Tổ chức Lao động Quốc tế ILO về các Nguyên tắc liên quan đến doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội trong đó bao gồm các khuyến nghị thẩm định mà Hướng dẫn này đặt mục tiêu thực hiện.

NHẬN THỨC được sự hợp tác có giá trị giữa OECD các các tổ chức liên chính phủ liên quan trong việc xây dựng Hướng dẫn này cũng như thực hiện nó trong tương lai;

NHẬN THẤY thẩm định là quá trình diễn ra liên tục, thích ứng, gồm nhiều quy trình và nhiều mục tiêu, phải hướng tới mục đích ngăn ngừa ngay từ ban đầu các tác động bất lợi đối với xã hội và môi trường, phải dựa trên rủi ro, phù hợp với hoàn cảnh của doanh nghiệp, được điều chỉnh để đối phó với những hạn chế khi phải làm việc với các bên trong mối quan hệ kinh doanh, và phải dựa trên sự tham gia có ý nghĩa của các bên có quyền lợi liên quan;

Về đề xuất của Ủy ban Đầu tư;

I. KHUYẾN NGHỊ các nước Thành viên và không phải Thành viên tuân thủ Khuyến nghị này (sau đây gọi là “Bên Tuân thủ”) và, các Đầu mối Liên hệ Quốc gia của họ cho Bộ hướng dẫn (sau đây gọi là “NCP”), tích cực thúc đẩy các doanh nghiệp hoạt động tại hoặc đến từ lãnh thổ của họ sử dụng Hướng dẫn này, đảm bảo việc tuân thủ các tiêu chuẩn kinh doanh có trách nhiệm đã được quốc tế thống nhất, đồng thời ngăn ngừa những tác động bất lợi tiêu cực mà hoạt động của họ có thể gây ra, và qua đó đóng góp vào phát triển bền vững;



TÀI LIỆU BỔ SUNG

II. KHUYẾN NGHỊ các Bên Tuân thủ phải có biện pháp tích cực hỗ trợ và giám sát việc thông qua khung thẩm định quy định trong Hướng dẫn này, theo đó các doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ của họ hoặc đến từ lãnh thổ của họ phải:

1. lồng ghép vấn đề hành vi kinh doanh có trách nhiệm vào các hệ thống quản lý và chính sách của mình;
2. nhận diện và đánh giá các tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn đi kèm với hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của mình;
3. chấm dứt, ngăn ngừa và giảm thiểu tác động bất lợi;
4. theo dõi quá trình thực hiện và kết quả;
5. thông tin về cách giải quyết tác động; và
6. chủ động hoặc hợp tác khắc phục khi phù hợp;

III. KHUYẾN NGHỊ các Bên Tuân thủ, và nếu có thể là các NCP của họ, với sự hỗ trợ của Ban Thư ký OECD, đảm bảo phổ biến rộng rãi nhất có thể để doanh nghiệp sử dụng tích cực Hướng dẫn này, cũng như để thúc đẩy các bên có quyền lợi liên quan như hiệp hội ngành, công đoàn, các tổ chức xã hội dân sự, các sáng kiến đa bên, và các sáng kiến ngành sử dụng Hướng dẫn này như một tài nguyên, và thường xuyên báo cáo với Ủy ban Đầu tư về các hoạt động giám sát, phổ biến và thực hiện;

IV. ĐỀ NGHỊ các Bên tuân thủ và Tổng thư ký phổ biến Khuyến nghị này;

V. ĐỀ NGHỊ các Bên Không tuân thủ phải cân nhắc phù hợp và tuân thủ Khuyến nghị hiện nay;

VI. CHỈ THỊ Ủy ban Đầu tư giám sát việc thực hiện Khuyến nghị và báo cáo lên Hội đồng chậm nhất là năm năm sau khi thông qua và vào thời điểm thích hợp sau đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Capobianco, Gillard và Bijelic (2015), “Luật cạnh tranh và hành vi kinh doanh có trách nhiệm”, Tài liệu tổng quan cho Diễn đàn Kinh doanh có trách nhiệm toàn cầu 2015,

“Competition law and responsible business conduct”, Background Note for the 2015 Global Forum on Responsible Business Conduct, OECD, Paris, <https://mneguidelines.oecd.org/global-forum/2015GFRBC-Competition-background-note.pdf>.

ILO (2017), Tuyên bố Ba bên của ILO về các Nguyên tắc liên quan đến doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội, tái bản lần thứ 5.

ILO Tripartite Declaration of Principles concerning Multinational Enterprises and Social Policy, 5th Edition, www.ilo.org/empent/areas/mne-declaration/lang-en/index.htm.

ILO (1998), Tuyên ngôn của ILO về các Nguyên tắc Cơ bản và Quyền tại nơi làm việc

ILO Declaration on Fundamental Principles and Rights at Work, www.ilo.org/declaration/lang-en/index.htm.

ILO (1981), Công ước về An toàn và Sức khỏe Lao động

Occupational Safety and Health Convention, www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NOR_MLEX PUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:C155.

OECD (2017a), Hướng dẫn Thẩm định của OECD về Chuỗi cung ứng có trách nhiệm trong ngành dệt may và da giày.

OECD Due Diligence Guidance for Responsible Supply Chains in the Garment and Footwear Sector, <https://mneguidelines.oecd.org/responsible-supply-chains-textile-garment-sector.htm>.

OECD (2017b), Hành vi kinh doanh có trách nhiệm cho các tổ chức nhà đầu tư: các cân nhắc chính để thẩm định theo Bộ Hướng dẫn của OECD cho Doanh nghiệp Đa quốc gia

Responsible business conduct for institutional investors: Key considerations for due diligence under the OECD Guidelines for Multinational Enterprises, <http://mneguidelines.oecd.org/rbc-financial-sector.htm>.

OECD (2016a), Hướng dẫn thẩm định của OECD về Chuỗi cung ứng có trách nhiệm khoáng sản từ các địa bàn có xung đột và rủi ro cao

OECD Due Diligence Guidance for Responsible Supply Chains of Minerals from Conflict-Affected and High-Risk Areas, <https://mneguidelines.oecd.org/mining.htm>.

OECD (2016b), Hướng dẫn của OECD-FAO về Chuỗi cung ứng Nông nghiệp có trách nhiệm

OECD-FAO Guidance for Responsible Agricultural Supply Chains, <https://mneguidelines.oecd.org/rbc-agriculture-supply-chains.htm>.

OECD (2016c), Hướng dẫn Thâm định của OECD về sự tham gia có ý nghĩa của các bên có quyền lợi liên quan trong lĩnh vực khai thác mỏ

OECD Due Diligence Guidance for Meaningful Stakeholder Engagement in the Extractive Sector, <http://mneguidelines.oecd.org/stakeholder-engagement-extractive-industries.htm>.

OECD (2016d), Khuyến nghị của Hội đồng về các Cách tiếp cận chung đối với Tín dụng Xuất khẩu được hỗ trợ chính thức và thâm định môi trường và xã hội

Recommendation of the Council on Common Approaches for Officially Supported Export Credits and Environmental and Social Due Diligence, www.oecd.org/tad/xcred/environmental-social-due-diligence.htm.

OECD (2015a), Nguyên tắc Quản trị Doanh nghiệp của G20/OECD

G20/OECD Principles of Corporate Governance, OECD Publishing, Paris, www.oecd.org/corporate/principles-corporate-governance.htm.

OECD (2015b), Bộ hướng dẫn của OECD về Quản trị Công ty trong Doanh nghiệp Nhà nước, 2015

OECD Guidelines on Corporate Governance of State-Owned Enterprises, 2015 Edition, OECD Publishing, Paris. www.oecd.org/corporate/guidelines-corporate-governance-soes.htm.

OECD (2015c), Khung Chính sách Đầu tư, 2015

Policy Framework for Investment 2015 Edition, OECD Publishing, Paris. www.oecd.org/investment/pfi.htm.

OECD (2015d), Khuyến nghị của Hội đồng OECD về Mua sắm Công

OECD Recommendation of the Council on Public Procurement, www.oecd.org/gov/public-procurement/recommendation/.

OECD (2011), Bộ Hướng dẫn của OECD cho các doanh nghiệp đa quốc gia (MNE)

OECD Guidelines for Multinational Enterprises, <https://mneguidelines.oecd.org/guidelines/>.

OECD (2009), Khuyến nghị của Hội đồng về Tăng Cường Đấu tranh chống hối lộ các quan chức nước ngoài trong hoạt động giao dịch kinh doanh quốc tế (2009)

OECD Recommendation of the Council for Further Combating Bribery of Foreign Public Officials in International Business Transactions (2009), www.oecd.org/daf/anti-bribery/oecdantibriberyrecommendation2009.htm.

UN (2011), Nguyên tắc Hướng dẫn của LHQ về Kinh doanh và Quyền con người

UN Guiding Principles on Business and Human Rights, <https://business-humanrights.org/en/un-guiding-principles>.



HƯỚNG DẪN CỦA OECD VỀ THẨM ĐỊNH HÀNH VI KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho các Doanh nghiệp Đa quốc gia (MNE) ghi nhận và khuyến khích doanh nghiệp đóng góp tích cực vào các tiến bộ kinh tế, môi trường, xã hội, đồng thời cũng thừa nhận rằng các hoạt động kinh doanh có thể tạo ra những tác động bất lợi liên quan tới người lao động, quyền con người, môi trường, hối lộ, người tiêu dùng và quản trị doanh nghiệp.

Hướng dẫn này giúp doanh nghiệp hiểu rõ và thực hiện thẩm định hành vi kinh doanh có trách nhiệm. Hướng dẫn cũng mong muốn thúc đẩy sự hiểu biết chung giữa các chính phủ và các bên có quyền lợi liên quan về thẩm định hành vi kinh doanh có trách nhiệm.

<https://mneguidelines.oecd.org/>

